

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



**ISO 9001-2008**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Đỗ Thị Hồng Nhung  
Người hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**KHAI THÁC MỘT SỐ LỄ HỘI TIÊU BIỂU  
Ở THANH HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Đỗ Thị Hồng Nhung  
Người hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đỗ Thị Hồng Nhung

Mã số: 1013601015

Lớp: VHL401

Ngành: Văn hóa – Du lịch

Tên đề tài: Khai thác một số lễ hội tiêu biểu ở Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 4 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 7 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2012*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):**

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2012

**Cán bộ hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ**  
**CỦA NGƯỜI CHĂM PHẢN BIỆN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**  
**Tên đề tài:** Khai thác một số lễ hội tiêu biểu ở Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch

*của sinh viên:* Đỗ Thị Hồng Nhung

*Lớp:* VHL401

1. Đánh giá chất lượng đề tài tốt nghiệp về các mặt thu thập và phân tích tài liệu, số liệu ban đầu; cơ sở lí luận chọn phương án tối ưu, cách tính toán chất lượng thuyết minh bản vẽ, giá trị lí luận và thực tiễn của đề tài.

2. Cho điểm của người chấm phản biện:

*(Điểm ghi bằng số và chữ)*

*Ngày      tháng      năm*  
*2012*  
Người chấm phản biện

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ LỄ HỘI VÀ GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỈNH THANH HÓA</b> .....	6
1.1. Khái quát về lễ hội .....	6
1.1.1. Khái niệm lễ hội .....	6
1.1.2. Cơ sở ra đời của lễ hội .....	10
1.1.3. Phân loại lễ hội .....	12
1.1.3.1. Căn cứ theo mục đích tổ chức và đối tượng thờ cúng .....	12
1.1.3.2. Căn cứ vào thời gian hình thành và phát triển của lễ hội .....	14
1.1.4. Đặc điểm lễ hội truyền thống ở Việt Nam .....	16
1.1.4.1. Về thời gian .....	16
1.1.4.2. Về không gian .....	17
1.1.4.3. Về quy trình lễ hội .....	17
1.1.5. Chức năng, vai trò của lễ hội .....	18
1.2. Mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch .....	20
1.2.1. Tác động của lễ hội đối với du lịch .....	20
1.2.2. Tác động của du lịch đối với lễ hội .....	22
1.3. Giới thiệu chung về tỉnh Thanh Hóa .....	24
1.3.1. Vị trí địa lý - Điều kiện tự nhiên .....	24
1.3.1.1. Vị trí địa lý .....	24
1.3.1.2. Điều kiện tự nhiên .....	25
1.3.2. Điều kiện lịch sử - Cư dân, xã hội .....	26
1.3.2.1. Điều kiện lịch sử .....	26
1.3.2.2. Cư dân, xã hội .....	27
1.3.3. Tài nguyên du lịch tỉnh Thanh Hóa .....	28
1.3.3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	28
1.3.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	30
<b>Tiêu kết chương 1</b> .....	33



<b>CHƯƠNG 2: TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ LỄ HỘI ĐẶC SẮC CỦA TỈNH THANH HÓA</b> .....	34
2.1. Vài nét về hệ thống lễ hội Thanh Hóa .....	34
2.1.1. Lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo .....	34
2.1.2. Lễ hội lịch sử.....	36
2.2. Một số lễ hội tiêu biểu ở Thanh Hóa.....	37
2.2.1. Lễ hội Lam Kinh .....	37
2.2.2. Lễ hội làng Xuân Phả .....	42
2.2.3. Lễ hội Cầu Ngư (Cầu Mát) .....	49
2.2.4. Lễ hội Đền Sòng.....	55
2.3. Vai trò, giá trị của lễ hội tỉnh Thanh Hóa .....	61
2.3.1. Đối với đời sống nhân dân .....	61
2.3.2. Đối với du lịch tỉnh Thanh Hóa .....	63
<b>Tiểu kết chương 2</b> .....	65
<b>CHƯƠNG 3: NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC LỄ HỘI Ở THANH HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH</b> .....	66
3.1. Thực trạng khai thác du lịch tại các lễ hội ở Thanh Hóa .....	66
3.1.1. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	66
3.1.2. Hoạt động tổ chức quản lý lễ hội .....	68
3.1.3. Hiệu quả kinh doanh du lịch lễ hội .....	71
3.2. Giải pháp nâng cao giá trị của lễ hội.....	75
3.2.1. Giải pháp nâng cao công tác tổ chức quản lý .....	75
3.2.1.1. Đối với chính quyền địa phương.....	75
3.2.1.2. Đối với Ban quản lý lễ hội .....	76
3.2.2. Giải pháp bảo tồn, khôi phục và phát huy các giá trị của lễ hội .....	79
3.2.2.1. Đầu tư, trùng tu các di tích gắn với lễ hội.....	79
3.2.2.2. Đưa cộng đồng trở thành chủ thể của lễ hội .....	80
3.2.2.3. Khôi phục và giữ gìn những giá trị truyền thống của lễ hội .....	82
3.3. Giải pháp phát triển du lịch lễ hội.....	85

3.3.1. Quy hoạch không gian lễ hội .....	85
3.3.2. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch lễ hội .....	87
3.3.3. Kết nối các lễ hội với các tuyến điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa....	89
<b>Tiểu kết chương 3</b> .....	93
<b>KẾT LUẬN</b> .....	94
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	96
<b>PHỤ LỤC</b>	

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài:

Cùng với sự phong phú về điều kiện tự nhiên, Việt Nam còn là quốc gia có bề dày lịch sử văn hóa, trong đó lễ hội là một trong những di sản văn hóa có giá trị gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của đất nước.

Lễ hội là một nét sinh hoạt văn hóa dân gian, đây cũng là một thành tố quan trọng góp phần tạo nên bức tranh văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Lễ hội là bảo tàng sống về đời sống của ông cha ta ngày xưa, về văn hóa đặc thù của dân tộc đã được lưu truyền, kế thừa qua nhiều thế kỷ, được tái hiện lại một cách sinh động nhất, giúp cho chúng ta - thế hệ sau này hiểu được một phần về đời sống tinh thần của ông cha, đồng thời tác động mạnh mẽ vào tâm linh, vào việc khuôn đúc tâm hồn và vun đắp cho tính cách, con người Việt Nam xưa và thế hệ mai sau. Không những thế, lễ hội còn tô đậm thêm truyền thống “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, một truyền thống tốt đẹp và quý báu của con người Việt Nam.

Từ xưa đến nay lễ hội là dịp để con người tìm đến với nhau, cùng cộng cảm và cộng mệnh. Mỗi người tham gia lễ hội đều có sự đồng điệu, cộng hưởng chung trong tâm hồn và có mối đồng cảm dân tộc như tưởng nhớ tổ tiên, biết ơn những người anh hùng đã có công dựng nước, dựng làng và cùng chia sẻ với nhau một tinh thần bình đẳng, dân chủ, không có sự phân biệt sang, hèn để cầu cho sự sinh sôi giống loài (con người, gia súc, cây trồng), cùng ca ngợi, hưởng thụ thành quả lao động và cùng vui chơi, giải trí. Người ta tin rằng, thiên nhiên và các đối tượng mình tôn thờ, sẽ phù hộ cho họ một năm mới nhân khang, vật thịnh, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, bội thu. Chính vì vậy, lễ hội được lưu truyền một cách trực tiếp từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác và đã trở thành một sợi dây vô hình kết nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Mỗi lễ hội đều có một nhân vật cụ thể nào đó được nhân dân địa phương có lễ hội tôn vinh và thờ tự, chẳng hạn như những hình tượng thiêng liêng, những vị anh hùng dân tộc, những danh nhân văn hóa và cả những nhân vật truyền

thuyết chi phối cuộc sống nơi trần gian, giúp con người hướng thiện, giữ gìn cuộc sống hạnh phúc, ấm no.

Trong số những vùng đất giàu tài nguyên trên đất nước Việt Nam, Thanh Hóa là vùng đất quê hương của nhiều vương triều; là căn cứ địa của nhiều cuộc khởi nghĩa đánh giặc ngoại xâm giải phóng dân tộc; là mảnh đất sinh ra những anh hùng, những con người kiệt xuất cho dân tộc như: Bà Triệu, Lê Hoàn, Lê Lợi, Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng... Với bề dày lịch sử của mình, Thanh Hóa được mệnh danh là vùng đất “địa linh nhân kiệt”. Không chỉ vậy, nhân dân xứ Thanh, trải qua lịch sử, đã xây dựng được một bản sắc văn hóa địa phương đáng ngưỡng mộ và tự hào, điển hình là các lễ hội truyền thống gắn liền với các vị anh hùng của dân tộc, cũng như các lễ hội văn nghệ dân gian của con người, của mảnh đất nơi đây.

Lễ hội cổ truyền xứ Thanh là một di sản văn hóa có từ lâu đời, được duy trì qua nhiều thế hệ. Ở đó, không chỉ duy trì những vấn đề tín ngưỡng mà còn có nhiều hoạt động văn hóa dân gian đặc sắc, như các hình thức vui chơi giải trí liên quan tới tinh thần thượng võ dân tộc, các hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian, các trò diễn, diễn xướng... được trình diễn trong những ngày lễ dâng hương, những ngày hội làng hay những ngày kỷ niệm tưởng nhớ đến công lao của các anh hùng dân tộc.

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, người dân thường mải mê với việc mưu sinh, với nhiều lo toan thường nhật mà dần dần quên đi những lễ hội truyền thống, những phong tục tập quán tốt đẹp, vì thế mà nhiều lễ hội dần bị mai một, lãng quên... Vì vậy việc khôi phục lại những lễ hội truyền thống là một trong những cách làm hữu hiệu nhất để giúp con người hiện nay trở về với quá khứ, biết quý trọng và phát huy những gì ông cha đã cố công gây dựng, để từ đó tự thấy mình phải có trách nhiệm bảo tồn và ngày càng phát huy truyền thống tốt đẹp của ông cha.

Với mong muốn đó, người viết đã chọn đề tài “Khai thác một số lễ hội tiêu biểu ở Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch”, cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình, nhằm góp một phần công sức nhỏ bé vào việc giới thiệu, bảo tồn và khai thác những giá trị văn hóa của lễ hội để phát triển du lịch địa phương.

## 2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề:

Từ trước đến nay nhiều người đã biết đến Thanh Hóa là mảnh đất “địa linh nhân kiệt”, là nơi hội tụ của nhiều lễ hội phong phú và đặc sắc hay những trò diễn xướng dân gian xưa kia dùng để tiến vua.

Trên thực tế đã có nhiều sách báo và công trình nghiên cứu đề cập đến các lễ hội ở Thanh Hóa, thế nhưng mỗi bài viết đều thể hiện cách tiếp cận khác nhau và chủ yếu mới chỉ có những tài liệu nghiên cứu đơn lẻ từng lễ hội mà vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu tổng quan về các lễ hội và đưa ra những định hướng phát triển du lịch cụ thể cho các lễ hội ở Thanh Hóa.

Trong cuốn “*Non nước Việt Nam*” có đề cập đến lễ hội Lam Kinh song vẫn chỉ mang tính chất giới thiệu mà chưa đi sâu nghiên cứu xem hoạt động du lịch của lễ hội như thế nào.

Hay về các lễ hội ở Thanh Hóa cũng được các báo điện tử đề cập nhiều nhưng lại hết sức sơ lược và ngắn gọn như: viết về lễ hội Lam Kinh có: Đỗ Như Chung với “*Lễ Hội Lam Kinh từ lễ hội cung đình đến lễ hội dân gian*” (ncvanhoa.org.vn); Thiên Lam với “*Lễ hội Lam Kinh mang đậm nét văn hóa thời Lê*” (tin247.com)... Về lễ hội Cầu Ngư có những bài viết như: “*Đặc sắc lễ hội Cầu Ngư làng biển Diêm Phố*” (theo Dân Việt), Xuân Minh với “*Lễ hội Cầu Ngư - Nét văn hóa vùng biển xứ Thanh*” (baothanhhoa.vn)... Lễ hội Xuân Phả cũng có những bài viết như: “*Trò Xuân Phả những điệu múa mặt nạ dị kỳ*” (viettems.com) của Huy Thông; “*Lễ hội Làng Xuân Phả*” (thanhhoafc.net); “*Phục dựng lễ hội Xuân Phả*” (viettems.com) của Bùi Quang Thắng... Lễ hội đền Sòng với các bài như: “*Đền Sòng linh thiêng nhất xứ Thanh*” của Đức Lợi (daomauvietnam.com), “*Đền Sòng với Liễu Hạnh Công Chúa*” của Đặng Anh (bimson.gov.vn), “*Lễ hội đền Sòng - Thanh Hóa*” của Nhật Vy (vntimes.com.vn)...

Tuy nhiên đây cũng là cơ sở giúp người viết tìm hiểu, tham khảo cho đề tài của mình. Từ sự kế thừa và tiếp thu có chọn lọc những tư liệu đó sẽ giúp người viết có cái nhìn khách quan để đưa ra được những đánh giá đúng đắn và những giải pháp mang tích hiệu quả cao góp phần phát triển các lễ hội phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa.

### **3. Mục đích, ý nghĩa của đề tài:**

Trước hết, đề tài đi sâu tìm hiểu về một số lễ hội tiêu biểu ở Thanh Hóa nhằm tìm ra những giá trị đặc sắc của lễ hội truyền thống trên mảnh đất xứ Thanh, từ đó góp phần vào việc giới thiệu và quảng bá hình ảnh lễ hội Thanh Hóa cùng những giá trị văn hóa mà các lễ hội ở Thanh Hóa hiện đang lưu truyền. Đồng thời, thông qua đề tài này, người viết cũng hy vọng sẽ ít nhiều góp phần tác động vào ý thức của người dân địa phương trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống Thanh Hóa. Mặt khác, trên cơ sở đánh giá thực trạng khai thác các lễ hội đó hiện nay, sẽ đề xuất ra những biện pháp nhằm nâng cao giá trị tinh thần, truyền thống của lễ hội, đưa lễ hội Thanh Hóa trở thành tài nguyên phục vụ cho hoạt động du lịch mà không làm mất đi tính linh thiêng của lễ hội, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế địa phương.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

Đề tài tìm hiểu một số lễ hội truyền thống tiêu biểu có thể khai thác nhằm phục vụ hoạt động du lịch ở Thanh Hóa như lễ hội Lam Kinh, lễ hội làng Xuân Phả, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội đền Sòng.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

### **5. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin: trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau như: sách, báo, đài, tivi, tạp chí, mạng internet..., từ đó chọn lọc để có cái nhìn khái quát, những nhận xét và đánh giá ban đầu về vấn đề nghiên cứu, mà cụ thể ở đây là các lễ hội truyền thống tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa.

- Phương pháp nghiên cứu thực địa (điền dã): đây là phương pháp nghiên cứu rất cơ bản để khảo sát thực tế, được sử dụng để thu thập số liệu, thông tin chính xác, khách quan về đối tượng nghiên cứu. Trong quá trình làm đề tài người viết sẽ đi khảo sát tại những địa phương có lễ hội để có thêm thông tin thực tế bên cạnh những tài liệu thu thập được.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan đến đề tài, từ đó có định hướng, giải pháp phát triển du lịch mang hiệu quả cao, mang tính khoa học và thực tiễn nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các lễ hội ở Thanh Hóa.

## **6. Bố cục của khóa luận:**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của đề tài được kết cấu làm ba chương:

- Chương 1: Tổng quan về lễ hội và giới thiệu chung về tỉnh Thanh Hóa
- Chương 2: Tìm hiểu về một số lễ hội đặc sắc của tỉnh Thanh Hóa
- Chương 3: Nâng cao hiệu quả khai thác lễ hội ở Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN VỀ LỄ HỘI

### VÀ GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỈNH THANH HÓA

#### 1.1. Khái quát về lễ hội

##### 1.1.1. Khái niệm lễ hội

Trong các dạng tài nguyên nhân văn, lễ hội là tài nguyên có giá trị phục vụ du lịch rất lớn. Nhưng cũng giống như khái niệm “văn hóa”, khái niệm “lễ hội” được rất nhiều nhà nghiên cứu, học giả quan tâm, tìm hiểu và đưa ra nhiều cách định nghĩa khác nhau.

Trong gốc từ Hán Việt, “Lễ hội” được kết hợp từ hai yếu tố, trong đó “lễ” là những qui tắc ứng xử, cách thức cúng tế, nghi thức tôn giáo; “hội” là cuộc vui, đám vui đông người. [2]

Còn trong tiếng La tinh, “lễ hội” xuất xứ từ từ Festum, nghĩa là sự vui chơi, sự vui mừng của công chúng. [2]

Theo tiếng Anh, lễ hội là Festival, chỉ một loại diễn xướng, thu hoạch một mùa vụ đặc biệt, hay một khoảng thời gian của một hoạt động có tính thiêng liêng và/hoặc thể tục. [2]

Tác giả Alassandro Falassi đã nhận định rằng: “*Lễ hội là hoạt động kỷ niệm định kỳ biểu thị thế giới quan của một nền văn hóa hay nhóm xã hội thông qua hành lễ, diễn xướng nghi lễ và trò chơi truyền thống*”. [2]

Tác giả M.Bakhtin đã định nghĩa lễ hội như sau: “*Thực chất lễ hội là cuộc sống được tái hiện dưới hình thức tế lễ và trò diễn, đó là cuộc sống lao động, chiến đấu của cộng đồng cư dân. Tuy nhiên, bản thân cuộc sống không thể trở thành lễ hội được nếu như chính nó không được thăng hoa, liên kết và quy tụ lại thành thế giới của tâm linh, tư tưởng của các biểu tượng vượt lên trên thế giới của phương tiện và điều kiện tất yếu; đó là thế giới, là cuộc sống thứ hai thoát ly tạm thời thực tại, đạt tới hiện thực lý tưởng mà ở đó mọi thứ đều trở nên đẹp đẽ, lung linh, siêu việt và cao cả*”. [17]



Giáo sư người Nhật Kurahayashi cũng đã đưa ra quan điểm rằng: “*Xét về tính chất xã hội của lễ hội, lễ hội là quảng trường tâm hồn; xét về tính chất văn nghệ, lễ hội là cái nôi sản sinh và nuôi dưỡng nghệ thuật, mỹ thuật, nghệ thuật giải trí, trò diễn và với ý nghĩa đó, lễ hội tồn tại và có liên hệ mật thiết với sự phát triển của văn hóa*”. [17]

Đó là các cách định nghĩa khác nhau của các học giả nước ngoài, còn tại Việt Nam, trong cuốn “*Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*”, tác giả Dương Văn Sáu đã đưa ra khái niệm về lễ hội:

*“Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng diễn ra trên một địa bàn dân cư trong thời gian và không gian xác định; nhằm nhắc lại một sự kiện, nhân vật lịch sử hay huyền thoại; đồng thời là dịp để biểu hiện cách ứng xử văn hóa của con người với thiên nhiên - thần thánh và con người trong xã hội”*. [5, 35]

Khái niệm trên đã phản ánh bản chất và những nội dung cơ bản của lễ hội truyền thống Việt Nam. Nói cách khác, lễ hội là một hoạt động tập thể do quần chúng nhân dân tiến hành, bất cứ lễ hội nào cũng gắn với các địa bàn dân cư cụ thể, là hoạt động văn hóa của một địa phương nào đó.

Hay trong cuốn “*Địa lý du lịch*”, tác giả Nguyễn Minh Tuệ cho rằng:

*“Lễ hội là một loại sinh hoạt văn hóa tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống hoặc là để giải quyết những nỗi âu lo, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được”*. [12, 67]

Tác giả Ngô Đức Thịnh đã định nghĩa: “*Lễ hội là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, được hình thành trên cơ sở một nghi lễ, tín ngưỡng nào đó, được tiến hành theo định kỳ, mang tính cộng đồng, thường là cộng đồng làng*”. [2]

Tác giả Hoàng Phê cũng đã đưa ra khái niệm về lễ hội như sau: “*Lễ hội là cuộc vui chung có tổ chức, có các hoạt động lễ nghi mang tính văn hóa truyền thống*”. [2]

Tuy có khác nhau về cách diễn đạt nhưng các ý kiến trên không mâu thuẫn nhau mà thống nhất trong một nội dung: lễ hội là cuộc đời thứ hai bên

canh cuộc đời thực; là sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật truyền thống của cộng đồng; là sự lý tưởng hóa khát vọng cuộc đời.

Từ tất cả những quan điểm trên của các tác giả đã cho thấy: “Lễ hội là một hệ thống sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật của một cộng đồng người, gắn liền với các nghi thức đặc thù và các cuộc vui chung nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người”.

Như vậy, lễ hội là một hình thức sinh hoạt tổng hợp bao gồm các mặt tinh thần và vật chất, là một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao động vất vả, hoặc là một dịp để mọi người có thể tề tựu, tập trung lại để cùng nhau sống cuộc sống văn hóa cộng đồng, hoặc liên quan đến những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc chỉ đơn thuần là những hoạt động có tính chất giải trí. Do đó, lễ hội có tính hấp dẫn cao đối với du khách. Lễ hội nào cũng có hai phần chính là phần lễ và phần hội:

- Phần lễ (hay còn gọi là nghi lễ): tùy theo tính chất của lễ hội mà nội dung của phần lễ sẽ mang ý nghĩa riêng. Có thể phần lễ mở đầu ngày hội mang tính tưởng niệm hướng về một sự kiện trọng đại, tưởng niệm một vị anh hùng dân tộc; cũng có thể phần lễ là nghi thức thuộc về tín ngưỡng tôn giáo bày tỏ lòng tôn kính đối với các bậc thánh hiền và thần linh cầu mong điều tốt lành trong cuộc sống.

Phần nghi lễ có ý nghĩa quan trọng và thiêng liêng chứa đựng những giá trị truyền thống tốt đẹp, giá trị thẩm mỹ và triết học sâu sắc của cộng đồng. Phần nghi lễ là phần hạt nhân của cả lễ hội.

- Phần hội: là cuộc vui được tổ chức chung cho đông đảo người tham dự theo phong tục hay nhân dịp đặc biệt, đem lại lợi ích tinh thần cho các thành viên trong cộng đồng và có nhiều trò vui. Mặc dù cũng hàm chứa những yếu tố văn hóa truyền thống nhưng phạm vi nội dung của nó không khuôn cứng mà hết sức linh hoạt, luôn luôn được bổ sung bởi những yếu tố văn hóa mới. Tuy nhiên nơi nào bảo tồn và phát triển được những nét truyền thống trong phần hội với những trò chơi mang tính dân gian thì lễ hội nơi đó có giá trị hơn.

Trong cuốn “Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam”, tác giả Trần Ngọc Thêm nhận xét về lễ hội như sau:

- “Phần lễ mang ý nghĩa cầu xin và tạ ơn: Tạ ơn và cầu xin thần linh bảo trợ cho cuộc sống của mình...”. [8, 303]

- “Phần hội gồm các trò vui chơi giải trí hết sức phong phú, phần lớn được xuất phát từ những ước vọng thiêng liêng của con người nông nghiệp”. [8, 306].

Như vậy, lễ là để cho người dân bày tỏ lòng thành kính của mình với những thần thánh, tổ tông... bằng các hình thức cúng tế; hội là phần vui chơi giải trí, mà ở đó người dân có thể nhảy múa, hát ca... nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của mình.

Cũng có những Lễ hội ở đó hai phần Lễ và Hội hòa quyện với nhau trong đó trọng tâm là phần Hội, nhưng bản thân phần Hội đã mang trong mình ý nghĩa tâm linh của phần Lễ. Vì vậy, Lễ và hội là một thể thống nhất, không thể chia tách; Lễ là nội dung, Hội là hình thức; Lễ là phần Đạo, Hội là phần Đời; Lễ là cộng mệnh, Hội là cộng cảm; Hội gắn liền với Lễ và chịu sự qui định nhất định của Lễ.

Ngoài ra, trong hoạt động lễ hội còn bao gồm một số thành tố khác như hệ thống các tục hèm, các trò diễn dân gian, hoạt động hội chợ triền lãm và liên hoan văn hóa âm thực... Các thành tố này luôn có sự gắn kết mật thiết, tương hỗ lẫn nhau, sự tương hỗ này luôn có một trục trung tâm là định hướng phát triển. Các thành tố của lễ hội luôn vận hành quanh trục trung tâm đó để đạt được những mục tiêu nhất định, những mục tiêu này nhằm phục vụ lợi ích của cả cộng đồng chứ không chỉ phục vụ lợi ích của riêng những người tổ chức hoạt động lễ hội.

Có nhà nghiên cứu cho rằng để tìm hiểu văn hóa Việt Nam, văn hóa làng xã, cũng như văn hóa lúa nước người ta có thể tìm hiểu qua các lễ hội hoặc trực tiếp tham gia vào các lễ hội. Từ đó có thể thấy lễ hội là một tài nguyên du lịch nhân văn rất quan trọng.

### **1.1.2. Cơ sở ra đời của lễ hội**

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, lễ hội Việt Nam hình thành rất sớm, từ khi chưa hình thành nhà nước, chưa có sự phân chia giai cấp. Tuy vậy, có thể cho rằng, lễ hội chỉ xuất hiện khi xã hội loài người đạt trình độ phát triển cao trong tổ chức đời sống xã hội. Cũng như các mặt hoạt động khác của đời sống con người, lễ hội từng bước hình thành, không ngừng biến đổi và hoàn thiện để phù hợp với sự phát triển của xã hội ở từng giai đoạn khác nhau của lịch sử. Từ thực tiễn cuộc sống, có thể thấy rằng lễ hội được hình thành từ các cơ sở được coi là nguồn gốc sau:

- Do nhu cầu vui chơi giải trí của các tầng lớp nhân dân trong xã hội:

Nhu cầu vui chơi giải trí luôn đặt ra với con người mỗi khi có thời gian nhàn rỗi như sau thời kỳ lao động sản xuất có liên quan đến mùa vụ, hoặc các nghề sản xuất khác. Người dân sau một thời gian sản xuất mệt nhọc, vất vả, căng thẳng muốn nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, đều có mong muốn và nhu cầu bổ sung nguồn năng lượng tiêu hao, thiếu hụt thông qua việc tham gia các lễ hội. Ở đó họ được bù đắp, khám phá những điều mới mẻ, hấp dẫn khác của đời sống văn hóa mà họ chưa có. Nhu cầu này thường xuyên, liên tục đối với mỗi con người như một tất yếu để giải tỏa những ức chế, mệt mỏi trong cuộc sống, thu nạp năng lượng để bước vào cuộc sống mới. Quá trình này chính là quá trình “tích nạp năng lượng”, là sự bổ sung điều chỉnh để tự hoàn thiện mình trong những điều kiện, hoàn cảnh mới.

- Do phong tục tập quán truyền thống của các địa phương truyền lại:

Những phong tục tập quán được hình thành từ bao đời, chùng đúc qua bao thế hệ và được truyền lại cho các thế hệ kế tiếp, luôn thể hiện một phần đạo lý “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, đây cũng là cơ sở hình thành chủ yếu của các lễ hội truyền thống Việt Nam. Trong dân gian có câu: “Trông làng nào làng ấy đánh, Thánh làng nào làng ấy thờ” điều này vừa phản ánh, thể hiện yếu tố bản địa, mang tính địa phương, vừa tạo sự phong phú đa dạng của bức tranh văn hóa dân tộc. Những lễ hội dân gian diễn ra ở các làng xã thường

gắn với kỷ niệm ngày sinh, ngày hóa của Thần Thành Hoàng làng - vị thần bản mệnh của địa phương. Cho nên, lễ làng - phép nước đã góp phần hình thành các lễ hội truyền thống. Lễ hội bắt nguồn từ trong cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu của người dân, đồng thời thể hiện sự phong phú đa dạng trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng của một bộ phận dân cư trên một địa bàn cụ thể.

Phong tục tập quán của mỗi vùng, miền là yếu tố quyết định việc tồn tại và phát triển các lễ hội truyền thống địa phương. Nó phản ánh và thể hiện nét đặc sắc của bản sắc văn hóa dân tộc của các địa phương vùng miền trong một lãnh thổ quốc gia thống nhất.

Chính điều đó thể hiện văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa “thống nhất trong đa dạng” nó được hình thành bởi sự góp mặt của văn hóa 54 dân tộc anh em. Những phong tục tập quán của các địa phương, dân tộc vô cùng phong phú, đa dạng, mang sắc thái riêng tạo nên nét bản sắc của văn hóa. Có thể nói lễ hội ra đời trong lịch sử, tồn tại và vận hành cùng lịch sử, góp phần hình thành truyền thống, hình thành những thuần phong mỹ tục, tập quán, lối sống, nếp sống ở các địa bàn dân cư.

- Do quy định của thể chế chính trị - xã hội đương thời:

Là một hoạt động văn hóa, lễ hội ra đời, tồn tại và phát triển trong môi trường xã hội nhất định. Trong từng thời điểm của lịch sử, môi trường xã hội nào cũng gắn với thể chế chính trị cầm quyền của giai đoạn đó. Do lễ hội là hoạt động văn hóa có tác động và ảnh hưởng sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân nên các chính thể cầm quyền đều sử dụng nó như là một “công cụ văn hóa đa năng” để phục vụ những mục đích quản lý, duy trì và điều hành hoạt động của đất nước, xã hội. Vì thế, hoạt động lễ hội diễn ra trước hết phục vụ cho mục đích trên của chính thể cầm quyền. Bên cạnh những lễ hội dân gian truyền thống, nhiều lễ hội được tổ chức nhằm chào mừng các sự kiện chính trị - quân sự - văn hóa xã hội nổi bật của từng giai đoạn, như các lễ hội chào mừng sự kiện lịch sử, đón nhận danh hiệu thi đua, lễ hội kỷ niệm, đánh dấu các mốc thời gian ra đời, các thành tựu đạt được của các cá nhân, tập thể của một cơ quan, đơn vị...

- Do các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội đặt ra:

Bên cạnh đó, là một thành tố văn hóa có chứa đựng các nội dung và yếu tố văn hóa, kinh tế nên lễ hội được chính thể cầm quyền sử dụng, khai thác như là một tác động hỗ trợ góp phần điều tiết và thúc đẩy xã hội theo những mục tiêu, định hướng phát triển của từng thời kỳ, giai đoạn khác nhau. Căn cứ vào tình hình xã hội, đất nước, từ thực trạng các ngành kinh tế, nhu cầu xã hội, cuộc sống đặt ra các cuộc triển lãm về thành tựu kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật như các hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, các liên hoan du lịch làng nghề truyền thống của các địa phương... Mỗi một giai đoạn có một mục tiêu phát triển khác nhau, từ đó lễ hội cũng được khai thác thông qua các hình thức mang tính đặc thù để phát huy thế mạnh vốn có của loại hình văn hóa - xã hội này.

Dù được ra đời do những nguyên nhân nào thì lễ hội cũng là kết quả vận động của sự hội nhập giữa lễ và hội diễn ra trong tiến trình lịch sử đời sống tinh thần của cộng đồng xã hội. Lễ hội là sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng làng xã, xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, từ sự tồn tại và phát triển cho cả cộng đồng, sự bình yên cho từng cá nhân, niềm hạnh phúc cho từng gia đình, sự vững mạnh cho dòng họ. Vì vậy, lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thưởng thức giao lưu văn hóa và nhu cầu tín ngưỡng trong sinh hoạt tinh thần của con người.

### ***1.1.3. Phân loại lễ hội***

Có nhiều cách để phân loại lễ hội, ở mỗi tiêu chí khác nhau thì phân loại lễ hội khác nhau. Theo phạm vi không gian và dưới góc độ xã hội, người ta chia lễ hội thành lễ hội mang tính chất quốc gia, dân tộc hay quốc tế. Dưới đây là cách phân loại lễ hội theo mục đích tổ chức và thời gian hình thành, phát triển của lễ hội.

#### ***1.1.3.1. Căn cứ theo mục đích tổ chức và đối tượng thờ cúng***

Ở nước ta lễ hội là sinh hoạt văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng mà lại thường đan xen hòa lẫn vào nhau cả về nội dung và hình thức. Vì vậy, việc phân loại lễ hội càng trở nên cần thiết trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu.

Căn cứ vào đối tượng thờ cúng có thể chia lễ hội thành lễ hội tín ngưỡng và lễ hội tôn giáo.

- Lễ hội tín ngưỡng bao gồm: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên (thờ tổ nghề, tổ nước), tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ nhiên thân, tín ngưỡng phồn thực.

- Lễ hội tôn giáo bao gồm: Lễ hội của Ki tô giáo, lễ hội Phật giáo; lễ hội Bà la môn giáo của người Chăm; lễ hội Phật giáo Hòa Hảo; lễ hội của đạo Cao Đài... [2]

Theo cuốn "Cơ sở văn hóa Việt Nam", tác giả Trần Ngọc Thêm phân loại lễ hội căn cứ vào mục đích, cấu trúc của hệ thống văn hóa, có thể phân biệt 3 loại lễ hội:

- Lễ hội liên quan đến cuộc sống trong quan hệ với môi trường tự nhiên như: lễ hội cầu mưa, hội xuống đồng, hội đâm trâu, hội côm mới, hội côm, hội đua thuyền, hội đua ghe Ngo...

- Lễ hội liên quan đến cuộc sống trong quan hệ với môi trường xã hội, được tổ chức nhằm kỷ niệm các anh hùng dựng nước và giữ nước như: hội đền Hùng, hội Gióng, hội Tây Sơn, hội Đống Đa...

- Lễ hội liên quan đến đời sống cộng đồng, bao gồm các lễ hội tôn giáo và văn hóa như: hội chùa Hương, hội chùa Tây Phương, hội chùa Thầy, hội đền Bắc Lệ, hội đền Dạ Trạch, hội Phủ Dày, hội núi Bà Đen... [9, 153]

Tác giả Tôn Thất Bình nghiên cứu về lễ hội ở tỉnh Thừa Thiên - Huế đã chia lễ hội ra 4 loại: Lễ hội tưởng nhớ vị khai canh, thành hoàng làng; lễ hội tưởng niệm vị tổ sư ngành nghề; lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo; lễ hội theo mùa vụ. [11]

Theo tác giả Hoàng Lương trong cuốn "Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam" đã phân lễ hội ra làm 2 loại chính: lễ hội liên quan đến tín ngưỡng cầu mùa; lễ hội tưởng nhớ người có công với dân tộc.

- Lễ hội liên quan đến tín ngưỡng cầu mùa. Đây là loại lễ hội phổ biến nhất ở các dân tộc. Nội dung lễ hội được thể hiện một cách sinh động ở các nghi thức: Lễ thức liên quan đến chu trình sản xuất nông nghiệp; lễ thức cầu đảo; lễ rước thờ cúng hồn lúa... Những lễ hội trên đều mang tính chất tín ngưỡng cầu

mùa mong sao mùa màng “phong đăng hòa cốc”, người an vật thịnh, ngành nghề phát triển.

- Lễ hội liên quan đến việc tưởng niệm công lao các vị danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, các vị thành hoàng và các chư vị thánh phật. Loại lễ hội này đều thờ cúng di tích liên quan đến các vị nhiên thần và nhân thần đã có công khai sơn phá thạch, xây dựng gìn giữ bảo vệ làng xóm và các chư vị thần phật có công khai minh, khai mang đến chùa giúp dân diệt ác trừ tà, bảo vệ cái thiện. [11]

Dựa vào mục đích tổ chức, tác giả Lê Thị Nhâm Tuyết đã chia lễ hội thành 5 loại đó là: Lễ hội nông nghiệp; lễ hội phồn thực giao duyên; lễ hội văn nghệ (thi hát dân ca, nghệ thuật); lễ hội thi tài và lễ hội lịch sử. [2]

Tác giả Ngô Đức Thịnh đã đưa ra nhận định chung rằng: “Từ nhiều năm nay, giới nghiên cứu về lễ hội nước ta, từ nhiều góc độ khác nhau, cố gắng đưa ra một cách phân loại lễ hội sao cho thỏa đáng nhất. Trước hết người ta căn cứ vào nội dung phản ánh của lễ hội để chia đây là lễ hội nông nghiệp, kia là lễ hội anh hùng lịch sử, còn kia nữa là lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng” [11]. Như vậy, việc phân loại lễ hội tùy thuộc vào cách tiếp cận khác nhau của mỗi nhà nghiên cứu. Song có thể thấy rằng chưa có cách phân loại nào là hoàn toàn hợp lý, sự phân chia loại hình lễ hội chỉ là tương đối, bởi trên thực tế có những lễ hội mang trong mình nhiều đối tượng thờ cúng, nhiều đặc điểm và giá trị khác nhau, chẳng hạn như thật khó nói rằng Hội Lim là lễ hội văn hóa thuần túy, bởi trong phần Lễ của Hội vẫn diễn ra những hoạt động hướng tới thần thành hoàng làng...

#### *1.1.3.2. Căn cứ vào thời gian hình thành và phát triển của lễ hội*

Hiện nay, mỗi khi nhắc đến lễ hội ở nước ta, nhiều người thường nghĩ ngay đến các lễ hội truyền thống đã có từ xa xưa. Tuy nhiên, khi phân loại lễ hội theo thời gian hình thành và phát triển của xã hội người Việt thì có thể chia ra thành lễ hội truyền thống và lễ hội hiện đại.

- Lễ hội truyền thống:

Là loại lễ hội sinh hoạt văn hóa sản phẩm tinh thần của con người được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử, là sự kiện tưởng nhớ, tỏ lòng tri ân công đức của các vị thần đối với cộng đồng dân tộc, là dịp con người được



trở về với cội nguồn tự nhiên hay cội nguồn dân tộc đều mang ý nghĩa thiêng liêng trong tâm trí mỗi người dân Việt Nam. Những lễ hội ra đời trước năm 1945 thường được coi là lễ hội truyền thống. Những lễ hội này diễn ra chủ yếu ở các làng, bản, ấp và gắn bó với cuộc sống lao động sản xuất của các tầng lớp dân cư ở các địa phương khác nhau. Loại lễ hội này được cộng đồng tổ chức định kỳ, lặp đi, lặp lại theo thời gian âm lịch, với các sinh hoạt văn hóa tương đối ổn định; là bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân vào thời gian nhàn rỗi của chu kỳ sản xuất nông nghiệp trước đây. Ví dụ: lễ hội chùa Hương (Hà Nội), lễ hội đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội núi Bà Đen (Tây Ninh), lễ hội Bà Chúa Xứ (An Giang), lễ hội Nghinh Ông (Cà Mau), lễ hội Ka Tô của đồng bào Chăm...

Lễ hội truyền thống, theo tác giả Nguyễn Chí Bền, còn gọi là lễ hội cổ truyền, nếu giả định như một mô hình thì nó có 4 thành tố cơ bản như sau: Nhân vật phụng thờ, trò diễn, các vật dâng cúng, nghi thức thờ cúng. [11]

Với số lượng đồ sộ và nội dung phong phú, lễ hội truyền thống bao gồm lễ hội dân gian và lễ hội cung đình đã tạo nên giá trị to lớn trong kho tàng di sản văn hóa của dân tộc. Kho tàng này đã và đang được khai thác đầy đủ để phục vụ những mục đích khác nhau của đất nước trong thời kì đổi mới. Có thể nói lễ hội truyền thống là cốt lõi của kho tàng văn hóa phi vật thể của dân tộc ta, vì vậy cần phải tiếp tục đầu tư, nghiên cứu và khai thác đúng hướng để đạt hiệu quả nhiều mặt.

- Lễ hội hiện đại:

Là loại lễ hội mang tính kinh tế thương mại cao, được bổ sung thêm nhiều hoạt động mang tính chính trị, mang hơi thở thời đại và sử dụng thành tựu khoa học kỹ thuật; thông thường nội dung gắn với các nhân vật lịch sử, liên quan đến cách mạng và kháng chiến, hoặc là các hoạt động kỷ niệm. Lễ hội hiện đại xuất hiện từ sau năm 1945, lấy thời gian tổ chức theo dương lịch, được tổ chức theo định kỳ trong năm hoặc theo năm chẵn, năm lẻ; do chính quyền các cấp và nhân dân tham gia tổ chức tại các trung tâm đô thị lớn, ít có tính địa phương chủ nghĩa. Lễ hội hiện đại thường diễn ra trong thời gian ngắn (trừ các hội chợ Xuân, hội chợ triển lãm, liên hoan du lịch...).

Lễ hội hiện đại chủ yếu gắn liền với nhân vật và sự kiện lịch sử liên quan đến cách mạng. Các sự kiện lịch sử cách mạng đã trở thành tâm điểm cho cảm hứng sáng tạo lễ hội của nhân dân. Đó là các lễ hội ở các địa phương nhân dịp thành lập Đảng (3/2), ngày Quốc khánh (2/9), ngày giải phóng miền Nam (30/4). Ví dụ: ngày giải phóng miền Nam (30/4), ở Quảng Trị có lễ hội thống nhất non sông ở cầu Hiền Lương; ngày thương binh liệt sĩ (27/7) có lễ hội thả đèn hoa ở đôi bờ sông Thạch Hãn để tưởng nhớ các liệt sĩ đã chiến đấu hy sinh trong 81 ngày đêm giữ thành cổ Quảng Trị; Hà Nội tổ chức các lễ hội nhân ngày giải phóng Thủ đô (10/10)... Rất nhiều lễ hội được hình thành, thu hút sự tham gia đông đảo quần chúng nhân dân dưới nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, dịch vụ thương mại... Một số lễ hội được tái hiện, lặp đi lặp lại, định hình một số nghi thức, trò diễn, sinh hoạt văn hóa mang sắc thái riêng của một vùng đất được nhân dân chấp nhận và tự nguyện tham gia như lễ hội làng Sen kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Nghệ An, lễ hội ngày 2 tháng 9 kỷ niệm ngày mất Chủ tịch Hồ Chí Minh ở xã Long Đức (Trà Vinh)...

Ngoài ra, lễ hội văn hóa du lịch, hội chợ cũng được xem là những hình thức chính của lễ hội hiện đại; ví dụ: Festival Huế, Festival hoa Đà Lạt, Carnival Hạ Long, Lễ hội pháo hoa Đà Nẵng... Đây là những hoạt động mang tính quảng bá hình ảnh du lịch gắn với việc phát triển kinh tế của vùng miền hay ngành nghề, mục đích chủ yếu là khuếch trương quảng bá sản phẩm, hình ảnh, thương hiệu và tôn vinh những giá trị của địa phương. Những lễ hội này phản ánh nhu cầu và xu thế phát triển của thời đại mới, qua đó tạo ra những cơ hội mới, kí kết hợp đồng kinh tế và nhận biết được xu thế phát triển của xã hội từ đó định hướng phát triển lễ hội cho phù hợp.

#### ***1.1.4. Đặc điểm lễ hội truyền thống ở Việt Nam***

##### ***1.1.4.1. Về thời gian***

Lễ hội ở Việt Nam được tổ chức nhiều nhất vào ba tháng mùa xuân và mùa thu. Do nền kinh tế chính của Việt Nam là kinh tế nông nghiệp, thành phần cư dân chủ yếu cũng là cư dân nông nghiệp nên hai khoảng thời gian trên là lúc người dân nhàn rỗi. Bên cạnh đó, mùa xuân tiết trời ấm áp, mùa thu tiết trời mát

mẻ, đều thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội. Đó là hai yếu tố cơ bản tạo nên sự thoải mái, vui vẻ cho người đi dự hội.

#### *1.1.4.2. Về không gian*

Việc chọn những không gian linh thiêng thiên nhiên là nơi mở lễ hội hàng năm như các khu rừng cấm, đầu nguồn nước, đình làng... chính là một trong những cách ứng xử của con người. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên chính là một trong những cách ứng xử khôn ngoan của con người, là thái độ trân trọng thế giới tự nhiên của con người.

Trong lễ hội không chỉ có những không gian linh thiêng tự nhiên mà còn có cả không gian linh thiêng xã hội. Đây là các quần thể kiến trúc gắn liền với các địa điểm thiên nhiên linh thiêng, quần thể kiến trúc đó có thể to nhỏ và có các kiểu loại khác nhau, tùy từng nơi, từng dân tộc và từng đối tượng khác nhau, song nhất nhất chúng đều gắn với một khoảng không gian nhất định, hơn nữa các quần thể kiến trúc đó thường gắn với trình độ phát triển của từng thời kỳ lịch sử.

Nhưng dù là không gian tự nhiên hay nhân tạo đều bắt nguồn từ niềm tin linh thiêng của con người nên những không gian đó đều mang tính chất linh thiêng. Những nơi đó là nơi của thần thánh, của Phật nên những gì giá trị nhất, đẹp nhất, hay nhất đều tập trung về đây, khiến không gian đó càng linh thiêng quan trọng hơn. Con người đã tạo ra một không gian đạt tới để con người cầu khẩn, đặt niềm tin, hy vọng. Đối với phần lớn các lễ hội truyền thống Việt Nam, không gian linh thiêng của lễ hội thường gắn liền với những kiến trúc thờ tự cụ thể như đền, miếu, đình, chùa...

#### *1.1.4.3. Về quy trình lễ hội*

Thông thường địa phương nào mở hội cũng đều tiến hành theo ba bước sau:

- Chuẩn bị: Chuẩn bị lễ hội được chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn chuẩn bị cho mùa lễ hội sau và khi ngày hội đã đến gần. Chuẩn bị cho mùa lễ hội sau được tiến hành ngay sau khi mùa hội trước kết thúc, mọi khâu chuẩn bị đã có sự phân công, cắt cử mọi việc để đón mùa lễ hội năm sau. Khi ngày hội sắp diễn ra, công việc kiểm tra lại đồ tế lễ, trang phục, quét dọn, mở cửa di tích,

rước nước làm lễ tắm tượng (mộc dục) cùng các đồ tế tự, thay trang phục mũ cho thần... đều phải được làm một cách rất kỹ lưỡng, chu đáo và cẩn thận.

- Vào hội: nhiều hoạt động diễn ra trong các ngày lễ hội, đó là các nghi thức tế lễ, lễ rước, dâng hương, tổ chức các trò vui. Đây là toàn bộ những hoạt động chính có ý nghĩa nhất của một lễ hội. Lễ hội thu hút nhiều đối tượng hay ít khách đến với lễ hội, diễn ra trong nhiều ngày hay một ngày hoàn toàn chi phối bởi các hoạt động trong những ngày này.

- Kết thúc hội (xuất tịch, giã đám, giã hội): Ban tổ chức làm lễ tạ, đóng cửa di tích.

### ***1.1.5. Chức năng, vai trò của lễ hội***

Trong các nền văn hóa ở các không gian và thời gian khác nhau, luôn có một biểu thị chung, mang tính nhân loại: Lễ hội truyền thống. Có thể nói các lễ hội truyền thống đã trải qua nhiều biến thiên lịch sử và vẫn đang tồn tại bền vững trong các xã hội hiện đại. Tính bền vững ấy của lễ hội được lý giải bằng nhiều lý lẽ khác nhau, trong đó các lý giải theo quan điểm chức năng luận dường như có sức thuyết phục hơn cả. Nói cách khác, Lễ hội có vai trò, chức năng vô cùng quan trọng đối với đời sống của con người, và chính điều đó đã làm nên sự tồn tại vững bền qua thời gian của di sản văn hóa này.

Thứ nhất, lễ hội truyền thống thể hiện giá trị cộng đồng, là chất kết dính tạo nên sức mạnh cố kết cộng đồng thông qua sự cộng cư, cộng lợi, cộng cảm và cộng mệnh. Dù dưới hình thức nào lễ hội truyền thống vẫn là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân, là cuộc vui chơi của người dân được tổ chức sau thời gian lao động, sản xuất hay nhân dịp kỷ niệm một sự kiện xã hội quan trọng liên quan đến sự tồn tại của một cộng đồng hoặc để quần chúng tìm đến một điểm chung thiêng liêng nào đó. Người đi hội không cảm thấy mình là người ngoài cuộc, chính điều đó đã đem lại niềm an ủi, sự xúc động thật sự và là nguồn động viên sâu sắc cho những thân phận nhỏ bé ngày thường trong xã hội phong kiến xa xưa. Vì vậy, hầu như toàn bộ lễ hội truyền thống nào cũng đều phản ánh vai trò này.

Thứ hai, lễ hội truyền thống thể hiện giá trị hướng về nguồn thông qua việc tái hiện lịch sử, đề cao, tôn thờ những phẩm chất tốt đẹp của thần linh, xem

đó là chuẩn mực của cộng đồng. Từ đó, lễ hội truyền thống thực hiện được chức năng giáo dục cộng đồng hiệu quả.

Thứ ba, lễ hội truyền thống còn thể hiện giá trị cân bằng đời sống tâm linh, tinh thần, giải quyết những khát khao, những ước mơ của cộng đồng các dân tộc nhằm thỏa mãn nhu cầu đời sống tâm linh của con người (cầu xin, tưởng nhớ, tạ ơn, vui chơi, giải trí...) như lễ hội Cầu Ngư (Thanh Hóa), Chùa Bà (Bình Dương), Núi Bà Đen (Tây Ninh)... Thông qua đó, lễ hội truyền thống tạo cho con người niềm lạc quan yêu đời, yêu chân lý, trọng cái thiện và làm cho tâm hồn, nhân cách mỗi con người như được sưởi ấm tính nhân đạo, nhân văn để rồi thấm thấu vào cuộc sống đời thường, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần, tâm linh về giao lưu, làm cho đời sống có ý nghĩa hơn, tốt đẹp hơn.

Thứ tư, là giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của lễ hội truyền thống. Đến với lễ hội truyền thống người dân vừa là chủ thể, vừa là khách thể sáng tạo nên đời sống văn hóa của chính mình qua các hoạt động trong lễ hội. Vì vậy, lễ hội là dịp để mọi người vui chơi giải trí, thu nạp năng lượng cho cuộc sống mới.

Thứ năm, lễ hội truyền thống có giá trị bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện ở sự ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống đã qua (như lễ hội đền Hùng, lễ hội Gióng...). Thông qua lễ hội, văn hóa dân tộc được hồi sinh, tái tạo và truyền giao qua các thế hệ, được giới thiệu đến bạn bè bốn phương.

Lễ hội quả thật là một điểm văn hóa sống, một bảo tàng sống của người Việt từ cổ đại đến nay, có tác dụng bảo lưu phát triển bản sắc văn hóa. Đối với mỗi người, lễ hội trở nên thân thiết, là nỗi nhớ thiêng liêng, mãnh liệt, là nơi con người kí thác mọi niềm vui, nỗi buồn. Đây còn là biểu hiện giá trị của một cộng đồng: thông qua vui chơi, con người lấy lại thăng bằng sau những khó khăn lo toan của cuộc sống thường nhật; sức cố kết của lễ hội đã làm xoa dịu những đổ vỡ, có khi cả những hận thù diễn ra trong những quan hệ hàng ngày; lễ hội là dịp để hoàn thiện các chủng loại văn hóa; là dịp để con người vươn lên đời sống văn hóa cao hơn và bộc lộ hết tinh hoa của mình. Lễ hội còn là nơi nhắc nhở người ta sống trật tự, mực thước góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn; là nơi thể hiện năng khiếu thẩm mỹ của cộng đồng; đồng thời cũng khuyến khích tài năng lao động và vui chơi, đề cao cái cao cả, cái bi, cái hài của cuộc sống.

Tóm lại, lễ hội là phương thức toàn diện để đối tượng hóa, hiện thể hóa hệ giá trị cộng đồng thông qua sự thể hành những nghi thức trong lễ và những khuôn mẫu ứng xử ngoài lễ như những cuộc ăn uống vui chơi. Cuộc sống luôn có những biến động thay đổi, lễ hội cũng vậy luôn biến đổi để thích ứng với cuộc sống. Tuy nhiên, lễ hội sẽ không mất đi bởi lễ hội có chức năng đặc thù thỏa mãn được nhu cầu văn hóa tổng hợp của cộng đồng và phù hợp với nhu cầu cố kết của bất cứ cộng đồng nào, trong bất kì hoàn cảnh nào.

## **1.2. Môi quan hệ giữa lễ hội và du lịch**

### ***1.2.1. Tác động của lễ hội đối với du lịch***

Lễ hội và du lịch luôn có sự tác động qua lại với nhau và cùng tương hỗ nhau phát triển. Sự tác động qua lại này bao gồm cả mặt tích cực và tiêu cực.

\* Tác động tích cực của lễ hội đối với du lịch:

Trong điều 79 của luật du lịch Việt Nam đã xác định rõ, Nhà nước tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch xúc tiến du lịch với các nội dung tuyên truyền giao tiếp rộng rãi về đất nước, con người Việt Nam, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử...[18]. Do đó, lễ hội là dịp để phổ biến văn hóa địa phương ra phạm vi quốc gia, quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh du lịch nhằm xây dựng ấn tượng về du lịch với du khách trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, lễ hội còn là nguồn tài nguyên du lịch và là sản phẩm du lịch đặc sắc, phong phú, đa dạng, tiềm năng - đây là yếu tố quan trọng trong việc thu hút ngày càng nhiều khách du lịch. Có thể coi lễ hội là một món ăn tinh thần, một lời chào đón, đồng thời cũng là nhân tố làm khơi dậy ý thức tìm tòi muốn tham gia vào hoạt động du lịch của du khách. Vì vậy, lễ hội là một yếu tố cung góp phần hình thành nên yếu tố cầu trong du lịch.

Các lễ hội đã được duy trì và củng cố theo đúng cái vốn có của nó. Đến với lễ hội du khách có thể được xem cách tổ chức lễ hội, các vai diễn, trình tự rước tế, các trang phục và được hiểu biết về cội nguồn lịch sử của nó. Đến với lễ hội cũng là đến với các danh lam thắng cảnh, các di tích, được thưởng thức nhiều giá trị văn hóa tổng hợp bởi vì hầu hết các lễ hội đều diễn ra ở các điểm đó. Điều này cũng làm tăng thêm sức hấp dẫn của các lễ hội đối với khách du lịch.

Bản chất của du lịch Việt Nam là du lịch văn hóa, du lịch Việt Nam muốn phát triển tất yếu phải khai thác sử dụng giá trị văn hóa truyền thống, cách tân và hiện đại hóa sao cho phù hợp hiệu quả trong đó có kho tàng lễ hội truyền thống. Đây là một thành tố đặc sắc văn hóa Việt Nam cho nên phát triển du lịch lễ hội chính là lễ hội sử dụng ưu thế của du lịch Việt Nam trong việc thu hút và phục vụ khách du lịch. Mùa lễ hội cũng là mùa du lịch tạo nên hình thức du lịch lễ hội mang bản sắc văn hóa dân tộc được thể hiện qua các sắc thái văn hóa các địa phương, vùng miền phong phú đặc sắc.

Lễ hội luôn tác động đến du lịch và làm cho du lịch ngày càng phát triển. Du khách đến lễ hội đông kéo theo nhu cầu được sử dụng những dịch vụ du lịch khác nhau, từ đó lễ hội tác động đến du lịch, làm cho du lịch tăng lượng khách, tăng doanh thu và mang hiệu quả kinh tế cao.

\* Tác động tiêu cực của lễ hội đối với du lịch:

Lễ hội thường diễn ra vào một khoảng thời gian nhất định, chính điều này đã tạo nên tính mùa vụ trong du lịch lễ hội, làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh du lịch. Vì vậy cần phải có những biện pháp tác động nhằm khắc phục tính thời vụ, kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch trong thời gian diễn ra lễ hội.

Hơn nữa, việc phát triển không đúng hướng của các lễ hội dễ làm nảy sinh nhiều bất cập trong ngành du lịch. Tại một số lễ hội, do chính quyền địa phương và các ngành chức năng chưa quan tâm kiểm tra, giám sát chặt chẽ nên vẫn đề diễn ra hiện tượng mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh, đặt nhiều hòm công đức ở nhiều nơi nhằm sinh lợi, dịch vụ khẩn thuê, xóc thẻ, bán ấn, chèo kéo khách tham gia trò chơi cá cược, nâng giá dịch vụ tùy tiện... làm ảnh hưởng đến không gian của lễ hội, mất uy tín của ngành du lịch, ảnh hưởng trực tiếp đến du khách.

Tổ chức lễ hội là một nhu cầu tất yếu và cần thiết, song việc tổ chức lễ hội ồ ạt, thiếu chọn lọc sẽ ảnh hưởng đến kinh doanh du lịch, đến hình ảnh của du lịch. Không những vậy, số lượng lễ hội lớn sẽ gây khó khăn trong việc tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng. Vì vậy, chủ trương của Đảng và Nhà nước đã và đang tổ chức thực hiện việc khôi phục lại một số lễ hội tiêu biểu nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến với lễ hội nhiều hơn, góp phần phát triển du lịch.

### ***1.2.2. Tác động của du lịch đối với lễ hội***

Không thể phủ nhận lễ hội có nhiều tác động tích cực đến du lịch, góp phần thu hút lượng du khách lớn và làm cho ngành du lịch những năm qua không ngừng phát triển, nhưng ngược lại, du lịch cũng có sự tác động trở lại đối với lễ hội như sau:

\* Tác động tích cực của du lịch đối với lễ hội:

Du lịch có những đặc trưng riêng làm cải biến hay làm hấp dẫn hơn lễ hội truyền thống, lễ hội truyền thống mặc dù có những tính mở song vẫn có những hạn chế nhất định về điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội cổ truyền vốn chỉ phù hợp với khuôn mẫu và không gian bản địa. Mỗi địa phương có lễ hội đều mong muốn thu hút thật nhiều du khách thập phương đến với địa phương mình nên sẽ tìm mọi cách để thúc đẩy mục tiêu đó. Do vậy, trên một khía cạnh nào đó, du lịch đã đem đến cho lễ hội một sắc thái mới, một sức sống mới. Du lịch tạo cho lễ hội môi trường, điều kiện để được trình bày, phô diễn những giá trị mà lễ hội hàm chứa.

Không gian và thời gian của lễ hội không còn bó hẹp như trước nữa. Bên cạnh những hoạt động mang tính truyền thống thì còn có sự tham gia của đội ngũ ca sĩ, nghệ sĩ chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của các phương tiện biểu diễn hiện đại, tạo nên nhiều trò giải trí vui chơi hấp dẫn. Số lượng người đi chơi hội càng đông, thành phần trải hội cũng khác xưa, người đi trải hội không còn chỉ là những người nông dân mà bao gồm cả học sinh, sinh viên tri thức, những người làm ăn buôn bán, ngay cả kiều bào ở xa Tổ quốc và các du khách nước ngoài cũng đi xem hội.

Không chỉ có vậy, du lịch mang tính liên ngành liên vùng, du lịch mang đến nguồn lợi kinh tế cao cho các địa phương có lễ hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương, đóng góp vào ngân sách chung của đất nước; đồng thời du lịch tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua các dịch vụ như: vận chuyển khách, bán hàng hóa, đồ lưu niệm..., từ đó tạo kinh phí để tu bổ di tích, đầu tư cho lễ hội, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở địa phương.



Bên cạnh đó, nhân dân vùng có lễ hội vừa quảng bá được hình ảnh văn hóa về đời sống mọi mặt của địa phương mình, vừa có dịp giao lưu, học hỏi tinh hoa văn hóa đem đến từ du khách, từ đó sẽ thúc đẩy giao lưu văn hóa, xóa bỏ sự khu biệt văn hóa, là phương tiện quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè thế giới.

Một điều đáng mừng là hiện nay rất nhiều các hãng lữ hành đã và đang quan tâm đến vấn đề khai thác mảng du lịch lễ hội. Họ đã có những đầu tư đáng kể về cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du khách tham quan và tìm hiểu lễ hội, góp phần duy trì và phát triển việc tổ chức lễ hội ở các địa phương và trên quy mô cả nước.

Mối quan hệ giữa lễ hội và du lịch làm cho ngành du lịch ngày càng phát triển hoàn thiện hơn, ở đây lễ hội và du lịch có sự tác động qua lại hỗ trợ nhau làm cho du lịch lễ hội ngày càng hấp dẫn hơn thu hút được một số khách tham gia ngày càng đông hơn. Du lịch có tác động tích cực đến với lễ hội nhưng cũng có những mặt tiêu cực cần đưa ra để nghiên cứu và tìm cách khắc phục.

\* Tác động tiêu cực của du lịch đối với lễ hội:

Với thời gian và không gian hữu hạn của các lễ hội truyền thống vốn chỉ phù hợp với điều kiện riêng của các địa phương, thực tế, khi khách du lịch tới đông sẽ ảnh hưởng làm thay đổi đôi khi làm đảo lộn các hoạt động bình thường của địa phương nơi có lễ hội. Du khách với nhiều thành phần lại là những người có điều kiện nhu cầu khác nhau, hoạt động của họ có thể tác động không nhỏ tới tình hình trật tự an toàn xã hội của địa phương nơi có lễ hội, còn gây nhiều lộn xộn trong lễ hội. Du khách đến với lễ hội kéo theo những nhu cầu mất cân đối trong quan hệ cung cầu dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái và môi trường nhân văn. Bản sắc văn hóa của vùng miền có nguy cơ bị “mờ” do kết quả của sự giao thoa văn hóa thiếu lành mạnh không thể tránh khỏi đem đến từ bộ phận nhỏ của khách.

Hoạt động du lịch với những đặc thù riêng của nó làm biến dạng các lễ hội truyền thống. Hiện tượng thương mại hóa các hoạt động lễ hội ngày càng phổ biến làm lễ hội cổ truyền bị biến tướng, thay đổi về bản chất, mất đi giá trị nhân văn, tạo hình ảnh xấu làm cho du khách có cảm giác hụt hẫng trước một

không gian linh thiêng mà tính tôn nghiêm vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, làm cho khách đi mà không muốn quay lại lần sau.

Từ việc phân tích những tác động của du lịch đối với lễ hội và ngược lại, bao gồm cả những tác động tích cực và tiêu cực đã đặt ra một yêu cầu cấp thiết là cần cố gắng phát huy những mặt tích cực, đồng thời khắc phục những mặt tiêu cực để và làm cho du lịch lễ hội ngày càng phát triển và có sự hoàn thiện hơn.

### **1.3. Giới thiệu chung về tỉnh Thanh Hóa**

#### ***1.3.1. Vị trí địa lý - Điều kiện tự nhiên***

##### ***1.3.1.1. Vị trí địa lý***

Thanh Hóa nằm ở vĩ tuyến 19°18' Bắc đến 20°40' Bắc, kinh tuyến 104°22' Đông đến 106°05' Đông, chiều rộng từ Tây sang Đông 110km, từ Bắc xuống Nam 100km, cách thủ đô Hà Nội trên 150km.

Phía bắc Thanh Hóa giáp với ba tỉnh Sơn La, Hòa Bình và Ninh Bình, phía nam giáp tỉnh Nghệ An, phía tây giáp tỉnh Hòa Phấn (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào); phía đông là vịnh Bắc Bộ với chiều dài bờ biển 102 km. [19]

Thanh Hóa nằm ở vị trí cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ và Nam Bộ, một vị trí rất thuận lợi. Đường sắt và quốc lộ 1A, quốc lộ 10 chạy qua vùng đồng bằng và ven biển, đường chiến lược 15A, đường Hồ Chí Minh xuyên suốt vùng trung du và miền núi Thanh Hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho Thanh Hóa trong việc giao lưu với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Đường 217 nối liền Thanh Hóa với tỉnh Hòa Phấn của nước Lào. Hệ thống sông ngòi của Thanh Hóa phân bố khá đều với 4 hệ thống sông đổ ra biển với 5 cửa lạch chính. Hiện nay, cảng biển Nghi Sơn cho phép tàu trọng tải trên 10 nghìn tấn ra vào dễ dàng (trong tương lai gần cho phép tàu 3 vạn tấn ra vào), là cửa ngõ của Thanh Hóa trong giao lưu quốc tế.

Với vị trí địa lý như trên, Thanh Hóa nằm trong vùng ảnh hưởng của những tác động từ khu vực trọng điểm kinh tế phía Bắc và những tác động từ các vùng trọng điểm kinh tế Trung Bộ, vùng trọng điểm kinh tế Nam Bộ. Với sự tác động tổng hợp của các vùng trên, Thanh Hóa có thể huy động tốt các nguồn lực để thỏa mãn nhu cầu của các vùng Bắc Bộ và các tỉnh phía Nam.

### *1.3.1.2. Điều kiện tự nhiên*

Thanh Hóa có địa hình tương đối phức tạp, chia cắt nhiều và thấp dần từ Tây sang Đông. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích của cả tỉnh; tạo tiềm năng lớn về kinh tế lâm nghiệp, dồi dào lâm sản, tài nguyên phong phú. Địa hình Thanh Hóa chia làm ba vùng rõ rệt: vùng núi và trung du (chiếm diện tích trên 8.000 km<sup>2</sup>, gắn liền với hệ núi cao phía Tây Bắc và hệ núi Trường Sơn phía Nam), vùng đồng bằng (được bồi tụ bởi các hệ thống sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Hoạt...) và vùng ven biển (từ Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương đến Tĩnh Gia, chạy dọc theo bờ biển là các cửa sông Hoạt, sông Mã, sông Yên, sông Bạng). [19]

Địa hình phong phú và đa dạng đã tạo điều kiện để Thanh Hóa phát triển các ngành nông, lâm, ngư nghiệp toàn diện và cho phép chuyên dịch cơ cấu dễ dàng trong nội bộ từng ngành. Nhiều cảnh quan đẹp kết hợp giữa rừng - biển - đồng bằng là điều kiện để phát triển du lịch, dịch vụ. Độ cao chênh lệch giữa các vùng miền núi, trung du, đồng bằng, với nhiều hệ thống sông suối tạo ra tiềm năng thủy điện khá phong phú.

Thanh Hóa nằm trong vùng đồng bằng ven biển Bắc Bộ, hàng năm có 3 mùa gió: gió Bắc do không khí lạnh từ vùng áp cao Siberi qua Trung Quốc thổi xuống; gió Tây Nam từ vịnh Bengal qua Thái Lan, Lào thổi vào, rất nóng, gọi là gió Lào hay gió phơn Tây Nam; gió Đông Nam thổi từ biển vào đem theo không khí mát mẻ.

Mùa hè ở đây thời tiết nắng nóng, mưa nhiều, thường hay có lụt, bão, hạn hán, gặp những ngày có gió Lào nhiệt độ lên tới 39 - 40°C. Mùa đông thường hay xuất hiện gió mùa đông bắc, lại mưa ít; đầu mùa thường hanh khô. Lượng nước trung bình hàng năm khoảng 1730 - 1980mm, mưa nhiều tập trung vào thời kỳ từ tháng 5 đến tháng 10 âm lịch, còn từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau lượng mưa chỉ dưới 15%.

Thanh Hóa cũng như các tỉnh miền Trung Việt Nam thường hay chịu các trận bão từ Thái Bình Dương, theo chu kỳ từ 3 - 5 năm lại xuất hiện một lần từ cấp 9 đến cấp 10, cá biệt có năm cấp 11 đến cấp 12.

Như vậy bên cạnh những thuận lợi về địa hình, có thể thấy khí hậu của Thanh Hóa lại có đôi phần khắc nghiệt, chính những đặc điểm này đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc hình thành bản sắc văn hóa và tính cách của con người nơi đây.

### **1.3.2. Điều kiện lịch sử - Cư dân, xã hội**

#### *1.3.2.1. Điều kiện lịch sử*

Vùng đất xứ Thanh có lịch sử hình thành lâu đời. Đây là một trong những nơi hình thành nên các nền văn hóa cổ của nước ta và của khu vực Đông Nam Á.

Các di chỉ khảo cổ cho thấy người Việt đã sống ở đây cách nay 6000 năm. Thời kì dựng nước, khu vực này là bộ Cửu Chân và bộ Quân Ninh của nước Văn Lang. Thời Nhà Hán chính quyền đô hộ xếp Thanh Hóa thuộc quận Cửu Chân. Thời kì tự chủ thì Thanh Hóa được đổi tên nhiều, Nhà Đinh và Tiền Lê gọi Thanh Hóa là đạo Ái Châu, Nhà Lý thời kỳ đầu gọi là trại Ái Châu, về sau vào năm Thuận Thiên 1 thì gọi là Phủ Thanh Hóa (Thanh: trong sáng; Hóa: biến hóa).[20]

Năm 1430, Hồ Hán Thương đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương. Sau khi nhà Hồ thất thủ, nhà Minh cai trị Đại Việt, lại đổi làm phủ Thanh Hóa như cũ, đặt thêm hai huyện Lôi Dương, Thụy Nguyên; về địa giới vẫn không đổi.

Sau khi khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, nhà hậu Lê cầm quyền. Năm 1428, Lê Thái Tổ chia nước làm 5 đạo, Thanh Hóa thuộc Hải Tây đạo, đến năm Quang Thuận thứ 7 (năm 1466) đặt tên là Thừa Tuyên Thanh Hóa, năm Quang Thuận thứ 10 (năm 1469) lại đổi thành Thừa Tuyên Thanh Hoa, tên Thanh Hoa có từ đây. Thanh Hoa Thừa Tuyên theo “Thiên Nam dư hạ tập” lãnh 4 phủ, 16 huyện và 4 châu. Thời Nhà Lê, Thanh Hóa là thừa tuyên Thanh Hóa, gồm phần đất tỉnh Thanh Hóa ngày nay và tỉnh Ninh Bình (thời kỳ đó là phủ Trường Yên trực thuộc) và tỉnh Hòa Phẫn (Sầm Nưa) của Lào (thời kỳ đó gọi là châu Sầm). [20]

Sau khi nhà Nguyễn lên nắm quyền, Thanh Hóa thuộc quyền cai trị của nhà Nguyễn. Năm Gia Long thứ nhất (1802), gọi là trấn Thanh Hóa. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), đổi trấn thành tỉnh, bắt đầu gọi là tỉnh Thanh Hoa (Hoa: tinh hoa); đến năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), lại đổi thành tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi Thanh Hóa không đổi từ đó cho tới ngày nay. [20]

### 1.3.2.2. Cư dân, xã hội

Theo kết quả điều tra dân số năm 2009, Thanh Hóa có 3.400.239 người; mật độ dân số vào loại trung bình: 305 người/km<sup>2</sup>. Thanh Hóa là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, nhưng chủ yếu có 7 dân tộc là Kinh, Mường, Thái, Thổ, Dao, Mông, Khơ Mú. Người Kinh chiếm phần lớn dân số của tỉnh và có địa bàn phân bố rộng khắp, các dân tộc khác có dân số và địa bàn sống thu hẹp hơn. [20]

Do những yếu tố lịch sử, Thanh Hóa là nơi quần cư của nhiều cư dân địa phương khác đến, với nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống, tuy có khác nhau về tập quán nhưng tính chất cộng đồng, tinh thần đoàn kết vẫn luôn được giữ, phát huy. Dẫu chưa thành nét đặc trưng như một số vùng, miền nhưng người Thanh Hóa vẫn có những tính cách riêng và ngày càng được hun đúc cùng tiến trình phát triển đô thị.

Thanh Hóa là tỉnh có truyền thống hiếu học ở Việt Nam, từ thời phong kiến đã có nhiều vị đỗ đạt cao trong các kì thi. Suốt hai triều Lê, Nguyễn, tỉnh Thanh Hóa có 1690 cử nhân (không có số liệu về tú tài nhưng thông thường mỗi khoa thi cứ 20 cử nhân thì có 70 tú tài), có 2 trạng nguyên, 7 bảng nhãn, 6 Thám hoa; nếu kể cả những người đỗ nhất giáp chế khoa thì có thêm 7 người nữa. [20]

Tại Thanh Hóa có nhiều được xem người là người mở đầu hay tiêu biểu cho nền học thuật nước nhà như nhà sử học Lê Văn Hưu; nhà cải cách Hồ Quý Ly là người có nhận thức mới về Nho giáo; Lương Đắc Bằng, Đào Duy Từ là nhà quân sự đồng thời cũng là nhà nghệ thuật; Nguyễn Hữu Hào mở đầu cho dòng truyện Nôm ở Việt Nam; Nguyễn Thu, Ngô Cao Lãng... là những nhà nghiên cứu dày công, có nhiều tác phẩm đồ sộ về cả sử học, địa lý. Ngày nay, con em xứ Thanh vẫn không ngừng học tập rèn luyện và là một trong nhiều tỉnh có tỉ lệ học sinh đỗ đạt cao ở các kì thi trong nước và quốc tế. Họ vẫn đang từng ngày khẳng định vị thế của mình trong xã hội.

Có thể nói, từ lâu con người xứ Thanh đã được biết đến như những con người vô cùng mến khách, tính tình ngay thẳng, siêng năng trong lao động sản xuất và anh hùng trong đánh giặc ngoại xâm. Người xứ Thanh sống nặng tình nặng nghĩa, họ tin vào đời sống tinh thần, vào thế giới tâm linh, tin vào sự công

bằng và chở che của trời đất. Vì thế, những đình làng cổ kính luôn được gìn giữ với tấm lòng trân trọng và thành kính. Những mái đình còn lại với thời gian không còn nhiều, nhưng vẫn giữ được những nét chạm trổ tinh xảo của nghệ nhân xưa với mái ngói âm dương phủ đầy rêu và không gian trang nghiêm pha chút u tịch của chốn thờ tự. Và đó chính là những không gian thiêng, nơi bảo tồn và diễn ra nhiều lễ hội đặc sắc của đất và người xứ Thanh.

### ***1.3.3. Tài nguyên du lịch tỉnh Thanh Hóa***

Thanh Hóa là tỉnh có tiềm năng tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng, bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn.

#### ***1.3.3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên***

Thiên nhiên tỉnh Thanh Hóa với 102 km bờ biển, có nhiều bãi biển đẹp như Sầm Sơn, Hải Hòa, Hải Tiến, Nghi Sơn... đã có sức hấp dẫn du khách, nhất là vào dịp mùa hè về đây nghỉ dưỡng, tắm mát và thưởng thức các đặc sản của biển khơi. Trong đó, khu du lịch Sầm Sơn là nơi nghỉ dưỡng, tắm biển vào loại nhất nhì miền Bắc Việt Nam. Khu du lịch Sầm Sơn nằm cách thành phố Thanh Hóa 16 km. Nơi đây có dãy núi Trường Lệ với các thắng tích như hòn Trống Mái - một danh thắng nổi tiếng của Sầm Sơn nói riêng và của tỉnh Thanh Hóa nói chung. Danh thắng này gắn với huyền thoại về một môi tình thủy chung, sống chết bên nhau của cặp vợ chồng trẻ sau đại nạn hồng thủy. Bên cạnh đó, đến với Sầm Sơn du khách còn được viếng thăm chùa Cô Tiên hay đền Độc Cước gắn liền với sự tích chàng trai khổng lồ đã tự xé đôi thân mình để vừa đánh giặc quỷ ngoài khơi vừa đánh giặc trong đất liền cứu dân làng. Biển Sầm Sơn bao la còn là nơi cung cấp nguồn hải sản phong phú như tôm, cá mực, cua, các loại hải sản quý khác... Ngoài du lịch biển, gần đây Sầm Sơn còn mở nhiều loại hình vui chơi giải trí để thu hút du lịch như: Khu du lịch văn hóa - vui chơi giải trí "Huyền thoại thần Độc Cước"; "Khu nhà luyện tập và thi đấu thể dục thể thao tổng hợp", Khu sinh thái Quảng Cư - nơi đem lại cho du khách những cảm nhận mới về sự nghỉ ngơi, ẩm thực; Khu du lịch văn hóa núi Trường Lệ; các sự kiện như tuần văn hóa – du lịch Sầm Sơn 2011; lễ hội du lịch Sầm Sơn với chủ đề “Sầm Sơn sắc mới” (năm 2012)...

Cùng với biển, Thanh Hóa còn có sông Mã, sông Chu và hệ thống các sông suối của hai con sông này chảy len lỏi qua những bản mường của đồng bào Thái, Mường và đổ ra cửa biển với những bãi bồi xanh ngát lúa ngô, tạo nên bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp làm mê hồn du khách. Với sông Mã tính từ Cửa Hà lên tới đầu nguồn Mường Lát có 53 ngọn thác, đây thế sự là thách thức đối với những người làm nghề sơn tràng, giao thương lên ngược về xuôi nhưng là điều kiện tốt cho loại hình du lịch mạo hiểm chinh phục thác ghềnh. [15]

Bên cạnh tài nguyên biển, miền núi tỉnh Thanh Hóa có Sơn Bá Mười (Lũng Cao, Bá Thước) có khí hậu ôn đới mát mẻ không kém gì Sa Pa, Tam Đảo.

Có lẽ không ở nơi đâu trên đất nước Việt Nam du khách có thể tìm được những trải nghiệm thú vị với suối cá thần Cẩm Lương thuộc làng Ngọc, xã Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, cách thành phố Thanh Hóa 80km về phía Tây, là suối cá tự nhiên rộng khoảng 3m, càng vào sát chân núi, càng nhiều cá lớn. Ngay cửa hang, hàng nghìn con cá to bằng bắp chân nằm sát bên nhau, kín đặc cả suối. Tuy nhiều cá như vậy, nhưng dân ở đây không ai ăn thịt cá, họ coi đây là giống cá “Thần”, nếu ăn thịt sẽ gặp điều không may. Dân làng còn lập bàn thờ bên suối để thờ cúng, và hàng năm, từ ngày 8 đến 15 tháng Giêng âm lịch, mở hội tế thần núi, thần sông, thần cá bên bờ suối. Dù cá sinh sống kín mặt suối, nhưng điều kỳ lạ là nước suối không hề có mùi tanh. Thậm chí, người dân Lương Ngọc còn dùng nước suối để ăn uống. [21]

Nếu du khách ưa khám phá thiên nhiên thì các khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu thuộc địa phận các huyện Quan Hóa và Mường Lát, hay khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông thuộc địa phận các huyện Bá Thước và Quan Hóa, khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên nằm ở vùng rừng thượng nguồn sông Chu thuộc huyện Thường Xuân sẽ mang đến cho du khách nhiều trải nghiệm mới lạ. Không những vậy, huyện Thạch Thành của Thanh Hóa còn cùng với tỉnh Ninh Bình chia sẻ một phần không gian của vườn quốc gia Cúc Phương. Đặc biệt vườn quốc gia Bến En nằm cách thành phố Thanh Hóa 46 km về phía Tây Nam là một địa điểm du lịch sinh thái hấp dẫn đối với bất kỳ ai yêu thích vẻ nguyên sơ của tự nhiên do tạo hóa ban tặng. Vườn quốc gia Bến En có diện tích tự nhiên

16.634 ha và 30.000 ha vùng đệm trên địa bàn của hai huyện Như Xuân và Như Thanh với một hệ sinh thái tự nhiên rất phong phú, thuộc hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm với 870 loài thể vật - 125 bộ. Vườn quốc gia Bến En là khu du lịch sinh thái lý tưởng, là nơi nghiên cứu khoa học, vui chơi giải trí hấp dẫn du khách. Du khách có thể đến thăm đảo động vật, đảo thể vật, chiêm ngưỡng hang Dơi, ngắm cảnh hang động với nhiều hình thù kỳ lạ được sắp đặt bởi bàn tay của tạo hóa. Hơn thế nữa, du khách có thể đi vào các bản làng của người H'Mông, người Thổ uống rượu cần... hoàn toàn phù hợp với tour du lịch cộng đồng. [21]

#### *1.3.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn*

Thanh Hóa có một kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú, không những có giá trị đặc trưng mà còn đa dạng về thể loại. Tính đến tháng 3/2012, Thanh Hóa có 1.535 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 700 di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng (với 141 di tích cấp quốc gia, 559 di tích cấp tỉnh). [15]

Trong lòng đất xứ Thanh đậm đặc các di chỉ khảo cổ, chứng tích của các nền văn minh tiền sử như các di tích khảo cổ thời đại đồ đá cũ: Núi Đọ, hang Con Moong, hang làng Trang, mái đá Điều; Thời đại đồ đá mới: Đa Bút, Cồn Cỏ Ngựa, Gò Trũng, Hoa Lộc. Nhưng tiêu biểu nhất là nền văn hóa Đông Sơn của thời đại Hùng Vương, thành tựu nổi bật của người Việt cổ trong buổi đầu sơ khai dựng nước đã thu hút giới nghiên cứu trong và ngoài nước và du khách tới tham quan, tìm hiểu về ngọn nguồn đời sống của con người từ thời kỳ đồ đá đến thời kỳ đồ đồng trên đất xứ Thanh.

Hơn nữa, mảnh đất Thanh Hóa còn ghi lại dấu tích những chiến công hiển hách, các di tích lịch sử văn hóa thời dựng nước và giữ nước đến nửa đầu thế kỷ 19 và các di tích lịch sử liên quan đến hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở Thanh Hóa.

Về các di tích lịch sử văn hóa gắn liền với thời dựng nước và giữ nước đến nửa đầu thế kỷ 19 đó là: đền thờ Mai An Tiêm (huyện Nga Sơn) gắn với lễ hội Mai An Tiêm diễn ra tưng bừng náo nhiệt từ 12 - 15/3 âm lịch hàng năm. Lễ hội tưởng nhớ, tri ân Mai An Tiêm là người có công khai phá xây dựng đất Nga



Sơn từ buổi bình minh của đất nước, dưa hấu Mai An Tiêm là sản vật rất nổi tiếng ở Nga Sơn. Không những vậy, cụm di tích Nga Sơn còn thu hút du khách với động Từ Thức và lễ hội Từ Thức được tổ chức vào tháng 2 âm lịch hàng năm. Lễ hội này gắn liền với truyền thuyết Từ Thức gặp Tiên. Hay chiến khu Ba Đình (Nga Sơn) là một di tích lịch sử được xếp hạng quốc gia ở Việt Nam. Chiến khu này gắn liền với khởi nghĩa Ba Đình của Đinh Công Tráng, Phạm Bành, Tống Duy Tân. [21]

Trên đường thiên lý ra Bắc vào Nam, du khách thường dừng chân, lên núi Gai (xã Phú Điền, huyện Hậu Lộc) thăm di tích đền Bà Triệu để tưởng niệm vị nữ tướng anh hùng, viếng lăng và thưởng ngoạn cảnh đẹp. Cũng thuộc địa phận huyện Hậu Lộc còn có khu di tích lịch sử Phủ Trịnh và chùa Báo Ân đã được xếp hạng cấp quốc gia.

Đặc biệt trong hệ thống các di tích lịch sử gắn liền với thời dựng nước và giữ nước đến nửa đầu thế kỷ 19 có Khu di tích Thành Nhà Hồ (1400 - 1407), còn được gọi là thành Tây Đô (thuộc địa phận 2 xã: Vĩnh Tiến và Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 50 km). Thành được xây dựng vào năm 1397 thời nhà Hồ. Sau khi xây xong thành, Hồ Quý Ly đã dời triều từ Thăng Long về Tây Đô. Nhưng nhà Hồ chỉ tồn tại được 7 năm (1400 - 1406). Ngày 27/6/2011, di tích Thành Nhà Hồ đã chính thức được công nhận là Di sản văn hóa thế giới tại kỳ họp lần thứ 35 của Ủy ban di sản thế giới UNESCO diễn ra tại Paris, Pháp.

Nói đến Thanh Hóa là nói đến Lam Sơn (huyện Thọ Xuân) - đất phát tích, nơi dựng nghiệp của dòng họ Lê Lợi, là cái nôi của khởi nghĩa Lam Sơn. Lam Kinh còn là Tây Kinh - kinh đô thứ hai (sau Đông Kinh) dưới vương triều hậu Lê với khu di tích lịch sử Lam Kinh được xây dựng bởi vua Lê Thái Tổ và hiện nay đang được qui hoạch trở thành một trong những khu du lịch trọng điểm của tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra ở Thọ Xuân còn có di tích lịch sử kiến trúc Lê Hoàn (xã Xuân Lập huyện Thọ Xuân) gồm: đền thờ, lăng Hoàng Khảo, lăng Quốc Mẫu, lăng bố nuôi Lê Đột và đền sinh thánh. Nơi đây vào các ngày 7 - 9/3 âm lịch hàng năm

đều tổ chức lễ hội Lê Hoàn nhằm tưởng nhớ tới vua Lê Đại Hành - người đã lãnh đạo nhân dân ta đánh tan quân xâm lược nhà Tống năm 981.

Về các di tích lịch sử liên quan đến hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ ở tỉnh Thanh Hóa có các di tích lịch sử như: quần thể di tích cách mạng xã Xuân Hòa, Thọ Xuân; quần thể di tích lịch sử cách mạng xã Xuân Minh huyện Thọ Xuân. Nhưng đặc biệt là khu di tích Hàm Rồng Thanh Hóa, đây là quần thể danh lam thắng cảnh - di tích lịch sử văn hóa gắn liền với chiến công hiển hách của quân và dân Thanh Hóa trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Khu di tích danh thắng Hàm Rồng là quần thể có núi, hang, động. Đặc điểm địa hình độc đáo đã vô tình tạo nên một cứ điểm phòng không vững chắc góp phần tạo ra huyền thoại về chiếc cầu Hàm Rồng không thể bị đánh sập trong chiến tranh chống Mĩ cứu nước. Hàm Rồng đã trở thành biểu tượng hiên ngang, tượng trưng cho tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam. Trên sườn núi Cánh Tiên, du khách có thể nhìn thấy dòng chữ “Quyết thắng”, đã từng làm nhụt chí kẻ thù. [20]

Xứ Thanh còn là một vùng đất chứa đựng nhiều vốn văn hóa phi vật thể vô cùng độc đáo, mang sắc thái riêng của 7 dân tộc anh em, với 160 lễ hội truyền thống, 50 lễ hội liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo, các trò chơi, trò diễn dân gian, các làn điệu dân ca, dân vũ, sắc phong, văn bia, thần tích, phong tục tập quán, ngôn ngữ... còn lưu giữ được.

Bên cạnh đó, Thanh Hóa còn là tỉnh có nguồn ẩm thực, đặc sản phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại, chất lượng cao. Đến Thanh Hóa du khách sẽ được thưởng thức những món đặc sản độc đáo nổi tiếng cả nước của xứ Thanh như: nem chua Thanh Hóa, chè lam Phủ Quảng, dê núi đá, gà đồi (của huyện Vĩnh Lộc), bánh gai Tứ Trụ (của huyện Thọ Xuân), các món chế biến từ hến làng Giàng (huyện Thiệu Hóa), bánh đa cầu Bó (thành phố Thanh Hóa), mía đen Kim Tân (huyện Thạch Thành), hay các món hải sản: cua biển, ghẹ, sò huyết, tôm, mực, cá thu, cá tràu từ các huyện ven biển Sầm Sơn, Tĩnh Gia, Nga Sơn...

Tóm lại, không chỉ là một mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, Thanh Hóa còn rất giàu tiềm năng về tài nguyên du lịch, trong đó lễ hội truyền thống cũng được coi như một trong những tài nguyên du lịch độc đáo và đặc sắc của xứ Thanh.

## **Tiêu kết chương 1**

Từ bao đời nay, lễ hội đã trở thành hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, mang tính tâm linh và có ý nghĩa nhân văn cao đẹp. Nhìn chung, các lễ hội đều gắn với các di tích lịch sử văn hóa, các không gian thiêng của đời sống cộng đồng. Phương thức tổ chức và nội dung các lễ hội có sự kết hợp giữa lễ và hội, đan xen giữa tín ngưỡng dân gian, với các loại hình sinh hoạt văn hóa, văn nghệ... Ý nghĩa phân lễ trong các lễ hội không chỉ thuần túy mang yếu tố tín ngưỡng mà còn là hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần mang đậm nét đạo lý, truyền thống tôn kính tổ tiên, “uống nước nhớ nguồn”, tưởng nhớ công lao của các vị anh hùng có công xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước, những bậc tiền nhân đã truyền nghề mang lại đời sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Đến lễ hội có đông đảo quần chúng nhân dân, không phân biệt lứa tuổi với tâm nguyện tốt lành và hướng thiện. Sau một năm bận rộn với những lo toan thường nhật, tham gia trải hội ngày xuân, khách hành hương có dịp giải tỏa những lo âu, phiền muộn của cuộc sống thường nhật, được thư giãn tinh thần với những trò chơi lành mạnh trong ngày hội, được tham quan, hiểu biết về các di tích lịch sử. Các lễ hội truyền thống với sức sống mãnh liệt vốn có ăn sâu vào tiềm thức, trở thành nhu cầu, khát vọng không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân ta. Đây cũng là dịp quảng bá cho khách du lịch nước ngoài thấy được những nét sinh hoạt văn hóa truyền thống đặc sắc cũng như những phong tục, tập quán của nhiều vùng, nhiều dân tộc sinh sống trên đất nước ta.

Với tài nguyên - tiềm năng du lịch phong phú và đa dạng, có lợi thế về vị trí địa lý và giao thông thuận lợi và với lòng hiếu khách của con người xứ Thanh - Thanh Hóa đã và sẽ là điểm đến hấp dẫn đối với du khách mọi miền đất nước và quốc tế.

## CHƯƠNG 2

# TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ LỄ HỘI ĐẶC SẮC CỦA TỈNH THANH HÓA

### 2.1. Vài nét về hệ thống lễ hội Thanh Hóa

Có thể thấy rằng, tín ngưỡng thờ thần linh, thờ các vị anh hùng có công đánh đuổi giặc ngoại xâm trong quá khứ hào hùng của dân tộc là mục đích đầu tiên thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của nhân dân, sau đó là để thỏa mãn nhu cầu giải trí, vui chơi sau một chu kỳ lao động vất vả.

Các vị anh hùng được nhân dân tôn thành các bậc hiền thánh trải qua các thời kỳ lịch sử được nhân dân lập đền thờ, hàng năm tổ chức tế lễ thờ cúng, và đây cũng là không gian tổ chức chính của hệ thống lễ hội truyền thống của nước ta nói chung.

Thanh Hóa cũng có nhiều lễ hội đặc trưng cần được nghiên cứu, tổ chức khai thác để phục vụ mục đích phát triển du lịch. Hàng năm, ở Thanh Hóa có tới hàng trăm lễ hội được tổ chức, có thể chia lễ hội Thanh Hóa thành các loại hình sau:

#### 2.1.1. Lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo

Các lễ hội tín ngưỡng phong tục đọng lại rất nhiều những đặc điểm phần thực, thể hiện rõ nhất trong phần hội. Tín ngưỡng thường là tín ngưỡng dân gian, thờ các thần thánh như thờ thành hoàng, thờ mẫu, thờ các thần liên quan đến các hoạt động kinh tế như nông nghiệp, ngư nghiệp...

Đối với nghề nông ở xứ Thanh, những biểu hiện của tín ngưỡng phần thực đã có từ lâu đời, có thể cho rằng đó là văn hóa nông nghiệp của cư dân người Việt cổ trong thời đại Đông Sơn, bởi làng Đông Sơn - Thanh Hóa là cái nôi đầu tiên tìm thấy dấu vết của thời kỳ văn hóa huy hoàng này trong lịch sử dân tộc. Có thể nói, tín ngưỡng nông nghiệp là đặc điểm chung trong các lễ hội của xứ Thanh mà nổi bật lên trên tất cả, mục đích đầu tiên để nhân dân tổ chức lễ hội là nhằm mong cầu cho sự sinh sôi nảy nở của cây trồng, mùa màng tươi tốt... Tuy nhiên, trải qua thời gian, tín ngưỡng nông nghiệp không đứng riêng lẻ mà kết hợp với các tín ngưỡng khác tạo nên màu sắc đa dạng cho hệ thống lễ hội

của Thanh Hóa. Tiêu biểu cho sự kết hợp đó là tín ngưỡng nông nghiệp kết hợp với tín ngưỡng thờ thần núi; kết hợp với tín ngưỡng thờ thần sông, thần biển; kết hợp với văn hóa nho giáo; tín ngưỡng thờ mẫu, sung bái nhân thần...; tất cả lại được kết hợp với nhiều hình thức diễn xướng văn hóa văn nghệ dân gian, tạo nên sự phong phú, đa dạng cho các lễ hội ở Thanh Hóa.

Các lễ hội đại diện cho tín ngưỡng sông, biển, núi là hiện tượng đặc trưng ở Thanh Hóa. Các lễ hội vùng sông, biển, cửa lạch có tục thờ Tứ Vị Hồng Nương và thờ thần Núi (Độc Cước, Cao Sơn) là hai hiện tượng tiêu biểu cho tín ngưỡng sông, biển và tín ngưỡng núi thể hiện văn hóa tâm linh của người dân nơi đây.

Thờ Tứ Vị Hồng Nương tập trung ở cửa biển lớn, dọc các làng ven biển nhưng tiêu biểu là làng Cự Nham (Quảng Xương). Lễ hội làng Cự Nham là đại diện cho lễ hội cửa lạch, nằm trong văn hóa cửa lạch. Trong lễ hội có tục múc nước và cát giữa sông để thờ, tổ chức bơi thuyền trong lễ hội... Tục thờ thần sông, thần biển, cửa lạch để cầu mong thần phù hộ được thuận buồm xuôi gió, đời sống yên lành... đã tỏ rõ đời sống tâm linh của người dân vùng sông nước Thanh Hóa .

Đại diện cho tín ngưỡng núi là thần Độc Cước được thờ ở Hòn Cổ Giải, nằm ở mỏm núi Trường Lệ, Sầm Sơn gắn với lễ hội đền Độc Cước. Ngoài ra, thờ thần núi còn gặp ở nhiều nơi khác như thờ Thành hoàng Cao Sơn Độc Cước ở làng Duy Tinh (Hậu Lộc); thờ Cao Sơn Đại Vương ở làng Vạc (Thiệu Hóa)...

Làng xã Thanh Hóa không chỉ cổ xưa và tổ chức chặt chẽ như đồng bằng Bắc Bộ mà các sinh hoạt tín ngưỡng, phong tục, lễ hội cũng rất phong phú. Về tín ngưỡng tôn giáo, các làng xã đều thờ Phật, Đạo, Nho, Kitô giáo và các tín ngưỡng dân gian khác như nhiều làng quê ở Bắc Bộ. Tuy nhiên, trên đất Thanh Hóa người ta vẫn thấy nổi lên một số hiện tượng tín ngưỡng khá độc đáo, đó là việc thờ phụng Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Đạo Đông (Đạo nội chính tông). Các lễ hội gắn với các tôn giáo tín ngưỡng như hội chùa, hội nhà thờ Thiên chúa giáo; đặc biệt là các lễ hội gắn với tín ngưỡng dân gian như hội Đền Sòng (thị xã Bỉm Sơn), Phố Cát (Thạch Thành) của Đạo Mẫu, lễ hội của Đạo Đông (Nội Đạo)...

Nhìn chung lễ hội tín ngưỡng nông nghiệp thể hiện rất rõ bản sắc địa phương. Bên cạnh phần lễ rất uy nghi, nghiêm chỉnh là phần hội với những trò diễn, diễn xướng, những làn điệu dân ca ghi lại nhiều dấu ấn độc đáo của nền văn hóa, văn minh nông nghiệp xứ Thanh.

### **2.1.2. Lễ hội lịch sử**

Lễ hội lịch sử được hình thành trên một sự kiện lịch sử diễn ra tại địa phương, trong các sự kiện đó nổi bật lên một số nhân vật điển hình có ảnh hưởng lớn đến cả cộng đồng, đó là những người anh hùng có công đánh giặc ngoại xâm trong quá khứ hào hùng trên đất Thanh Hóa .

Lễ hội lịch sử thường gắn với việc tưởng niệm các anh hùng dân tộc, các nhân vật lịch sử, hay đã được lịch sử hóa, thường có quy mô vượt ra khỏi phạm vi của làng, trở thành lễ hội của một vùng. Lễ hội lịch sử Thanh Hóa gắn bó chặt chẽ với lễ hội dân gian như lễ hội Bà Triệu (Hậu Lộc), song có những lễ hội thoát ly yếu tố dân gian hướng về yếu tố cung đình như lễ hội Lam Kinh (Thọ Xuân). Tất cả đã tạo cho Thanh Hóa một hệ thống lễ hội lịch sử phong phú, đặc sắc.

Lễ hội lịch sử ở xứ Thanh diễn tả quá trình quân dân Thanh Hóa tham gia dựng nước, giữ nước, nhắc nhở con cháu những trang lịch sử oai hùng của cha ông. Đại diện cho lễ hội lịch sử là lễ hội Lam Kinh, lễ hội Lê Hoàn ở Thọ Xuân; lễ hội đền Bà Triệu ở Hậu Lộc; lễ hội Quang Trung ở Tĩnh Gia...

Lễ hội truyền thống không chỉ thỏa mãn những nhu cầu của con người được trở về nguồn, trong đó có nguồn cội tự nhiên, nguồn cội dân tộc và cộng đồng, nhu cầu về cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng, về cân bằng đời sống tâm linh, về sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa; mà lễ hội còn là bảo tàng sống văn hóa cổ truyền của dân tộc. Điều đó cũng lý giải vì sao Xứ Thanh lại có thể lưu giữ lâu dài các lệ tục, diễn xướng, trò diễn dân gian phong phú và độc đáo như vậy. Các lễ hội truyền thống xứ Thanh đang được duy trì và phát triển theo tinh thần bảo lưu, giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị to lớn của văn hóa dân tộc. Tuy nhiên hiện nay, các lễ hội ít nhiều cũng có những thay đổi để phù hợp với đời sống hiện tại, như giảm lễ nghi rườm rà, phần hội tăng lên. Thông qua hoạt động lễ hội, công tác giáo dục truyền thống yêu nước,

đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, các giá trị văn hóa, bản sắc của địa phương được phát huy và bảo tồn; thúc đẩy các mặt hàng truyền thống thủ công mỹ nghệ phát triển; công tác trùng tu tôn tạo di tích, danh thắng được đẩy mạnh; đời sống tinh thần và tâm linh của nhân dân được đáp ứng; nhu cầu giao tiếp trong cộng đồng được nâng lên. Lễ hội thực sự là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, tạo nền móng bền vững cho văn hóa dân tộc phát triển.

## **2.2. Một số lễ hội tiêu biểu ở Thanh Hóa**

### **2.2.1. Lễ hội Lam Kinh**

Vùng đất Lam Kinh là nơi an táng của các vua, hoàng hậu triều Lê sơ và trở thành sơn lăng của nhà Lê. Để thuận lợi cho việc cáo yết tại lăng miếu, các triều vua đã cho dựng điện và các tòa Thái miếu để thờ cúng. Vì vậy, Lam Sơn được gọi là Lam Kinh. Ở xứ Thanh không ai nói là "đến" Lam Kinh, người ta nhắc nhau "về" Lam Kinh, về với khu di tích lịch sử, về với nơi khởi nguồn của những chiến tích hào hùng. Được xây dựng từ năm 1433, Lam Kinh trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử như bị hỏa hoạn, bị đập phá. Những dấu tích còn lại cho thấy ở đây từng tồn tại một công trình kiến trúc to lớn, độc đáo, những tác phẩm điêu khắc đá tinh xảo với những cung điện thành quách như thành nội, thành ngoại, sân Rồng... những thềm gạch rêu phong lạng lế, những chân cột đá trắng mòn mưa nắng sẽ gọi cho du khách một nỗi niềm hoài cổ.

Đặc biệt là khu mộ của các đời vua triều Lê, nơi đây có Vĩnh Lăng, Hựu Lăng, Mục Lăng cất giữ hình hài xương thịt của vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông. Ngày nay còn lại Bia Vĩnh Lăng (Lê Lợi) được dựng năm 1433, đây là tấm bia to nhất nước ta, cao 2,97m, rộng 1,94m, dày 0,27m mô tả ngắn gọn, cô đọng toàn bộ sự nghiệp của vua Lê Thái Tổ do Nguyễn Trãi biên soạn; bia Hoàng hậu Ngô Thị Ngọc Dao. Bên cạnh đó còn có khu đền thờ Lê Lai (Đền Tép) thuộc xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, cách khu di tích Lam Kinh 6km về phía Tây Bắc, thờ Trung Túc Vương Lê Lai - một vị Khai quốc công thần của triều Lê sơ. [20]

Cách khu di tích Lam Kinh không xa là đền Lê Hoàn thuộc xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân. Năm 979, Đinh Bộ Lĩnh bị sát hại, trước nguy cơ xâm lược

của quân Tống, Thái hậu Dương Vân Nga đã lấy áo Hoàng bào khoác cho Lê Hoàn - ông trở thành vị vua sáng lập ra triều đại mới. Đền thờ Lê Lai cách Lam Kinh 5 km là nơi thờ vị tướng đã đổi áo cứu Lê Lợi trong lúc lâm nguy, là nơi tham quan hấp dẫn của du khách. [15]

Ngày nay, Lam Kinh đã trở thành khu di tích lịch sử oai hùng của dân tộc. Du khách thập phương đến đây không những được chiêm ngưỡng một vùng đất Lam Kinh kỳ thú mà còn tự hào về một vị anh hùng hào kiệt - Đức Thái Tổ Cao Hoàng Đế - anh hùng dân tộc Lê Lợi của đất nước. Tưởng nhớ đến công lao của ông, Đảng và Nhà nước ta đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để tôn tạo, giữ gìn và phát huy giá trị của di tích lịch sử Lam Kinh đặc biệt quan trọng này.

Lễ hội Lam Kinh gắn với vương triều hậu Lê, được tổ chức ở khu điện miếu Lam Kinh thuộc huyện Thọ Xuân nơi an táng vua Lê Thái Tổ. Tuy nhiên sự ra đời và phát triển của lễ hội này đến nay vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu. Qua những tài liệu và sách vở ghi chép, lễ hội Lam Kinh có quy mô lớn, gắn với việc khi vua Lê Thái Tổ lên ngôi về bái yết sơn lăng (1428) và sau đó là các vua về sau theo lệ thăm viếng, tế lễ miếu điện Lam Kinh. Lễ hội Lam Kinh xưa được tổ chức vào ngày giỗ của Trung Túc Vương Lê Lai và vua Lê Thái Tổ, tức ngày tháng 2 âm lịch hàng năm chứ không phải ngày 21 - 22/8 âm lịch như hiện nay. Lễ hội xưa kéo dài hàng tháng trời kể từ khi vua và các quần thần xa giá về Lam Kinh bái yết sơn lăng rồi sau đó trở lại Đông Kinh, chứ không phải hạn định về thời gian ba ngày vào tháng 8 theo truyền miệng của dân gian.

Mặc dù rất nổi tiếng và có ảnh hưởng sâu rộng cho tới tận ngày nay, nhưng trên thực tế lễ hội Lam Kinh chỉ phồn thịnh được khoảng hơn 100 năm, dưới sự trị vì của các thời vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông và Lê Thánh Tông. Bắt đầu từ thời Lê Hiến Tông đến thời Lê Chiêu Thống, lễ hội Lam Kinh chuyển dần từ lễ hội cung đình sang lễ hội dân gian. Đến cuối thế kỷ 18, vì nhiều lý do khác nhau, lễ hội Lam Kinh không còn được tổ chức nữa. Qua nhiều năm khôi phục, tổ chức lễ hội khá quy mô, lễ hội Lam Kinh được chuyển giao cho chính quyền sở tại và nhân dân trong vùng tổ chức. Trong các ngày chính lễ, tỉnh tổ



chức dâng hương tại đền thờ Lê Lai ở xã Kiên Thọ (Ngọc Lặc), đền Lê Thái Tổ ở xã Xuân Lam (Thọ Xuân) và các lăng mộ trong khu di tích. Ngoài ra, thành phố Thanh Hóa cũng tổ chức các hoạt động văn hóa tại đền nhà Lê, tượng đài Lê Lợi để tưởng nhớ người anh hùng dân tộc. Nhìn chung, phần lớn hoạt động lễ hội đều do chính quyền, nhân dân các địa phương tổ chức, cơ quan chức năng chỉ đảm nhiệm công tác quản lý lễ hội. Đây cũng là ngày hội hành hương về cội nguồn nhằm “ôn cố tri tân”, tôn vinh anh hùng, hào kiệt, người có công với nước.

Lễ hội Lam Kinh ca ngợi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thần thánh, khẳng định công lao to lớn của các vị anh hùng dân tộc Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai... và nói lên truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Lễ hội Lam Kinh gồm có hai phần: phần lễ và phần hội.

#### ❖ Phần lễ

Lễ hội Lam Kinh là một tổng thể bao gồm: lễ hội làng Tép ở xã Kiên Thọ kỷ niệm ngày hy sinh của Trung Túc Vương Lê Lai (diễn ra trong ngày 20 - 21/8 âm lịch); lễ hội đền vua Lê ở xã Xuân Lam (diễn ra vào hai ngày 21 - 22/8 âm lịch); lễ hội Lam Kinh, chính lễ (diễn ra vào 21 - 22/8 âm lịch) tại khu di tích Lam Kinh thuộc xã Xuân Lam. Phần lễ của lễ hội Lam Kinh bao gồm: lễ mộc dục, lễ cáo yết, lễ rước sắc, tế lễ, lễ rước kiệu, đại tế, lễ yết vị.

##### *\* Phần lễ của lễ hội Làng Tép:*

Ngày 20/8, tại đền thờ Lê Lai diễn ra lễ Mộc Dục. Các cụ trong ban thờ tự và lễ nghi của làng Tép tiến hành lau chùi, đánh bóng các đồ thờ, rửa tượng và các lực lượng thanh niên của các chi đoàn làng xã đến dọn vệ sinh khu đền. Công việc lau chùi này được giao cho những người có uy tín trong làng. Trước khi tiến hành lau dọn người ta phải thắp hương, dâng lễ. Nước lau chùi, rửa tượng phải là nước ngũ vị hương, trầm hương.

Sau đó, trong gian tiền điện và hậu cung tiến hành lễ cáo yết. Cụ Thủ từ và ban nghi lễ xin phép mở hội (trước đây xin âm dương bằng 3 que nứa nhưng nay xin âm dương bằng đồng tiền) và ăn uống cộng cảm.

Ngày 21/8, từ nhà ông Từ ra đền diễn ra lễ Rước sắc. Đoàn rước gồm 30 người gồm Thủ từ và các cụ trong ban tế lễ có đội chấp kích, cờ lọng, dàn nhạc cùng chiêng trống đi kèm.

Tại gian tiền điện diễn ra tế lễ do đội Nam tế và trước sân đền mẫu do đội Nữ tế, đều do các ông bà trong làng Tép đảm nhiệm.

Sau cùng là phần rước kiệu Trung Túc Vương Lê Lai ra đền vua Lê cùng với một cỗ kiệu bát cống, cờ xí, chấp kích, bát âm, dàn công.

*\* Phần lễ của lễ hội đền Vua Lê:*

Ngày 20/8 (âm lịch), tại đền thờ vua Lê (xã Xuân Lam) cũng diễn ra các bước cơ bản giống ở đền Trung Túc Vương Lê Lai nhưng ở đây là do các cụ trong ban thờ tự và lễ nghi xã Xuân Lam thực hiện. Trong gian tiền điện và hậu cung diễn ra lễ cáo yết - do các cụ Thủ Từ và ban nghi lễ xin phép mở hội. Ngày 21/8, từ nhà ông Từ ra đền diễn ra lễ Rước sắc. Đoàn rước có 30 người gồm Thủ Từ và các cụ trong ban nghi lễ có đội chấp kích, cờ lọng, dàn nhạc cùng công, chiêng, trống đi kèm.

Tại đền vua Lê diễn ra tế lễ do đội tế Nam của xã Xuân Lam đảm nhiệm. Về lễ vật tế rất phong phú, đa dạng và mang đậm nét dân gian như xôi gà, xôi thủ lợn, hoa quả, bánh kẹo, nước, rượu, vàng hương, trầu cau... Về trang phục có mũ quan, áo quan, giày hài màu xanh, riêng chủ tế mặc áo màu đỏ, đội hình có khoảng 17 đến 23 người tham gia đội tế. Tiếp sau đó, chủ tế tiến hành đọc các bài xướng và tiến hành các nghi lễ.

*\* Phần đại lễ:*

Phần đại lễ diễn ra vào sáng ngày 22/8 (âm lịch) tại sân Ròng Lam Kinh được thực hiện theo đúng nghi thức cổ truyền, tái hiện nhiều sự kiện trọng đại mang đậm nét văn hóa thời Lê.

Mở đầu đại lễ là màn trống hội (biểu diễn đánh trống đồng và trống da các loại). Đoàn rước kiệu Lê Lợi, kiệu bát cống, kiệu Lê Lai, quân kiệu, quân cờ xuất phát từ đền Lê Thái Tổ theo đúng nghi thức cổ truyền về trước sân điện Lam Kinh. Tại đây kiệu được rước lên kỳ đài trong âm vang màn trống hội, trống đồng. Đội hình rước hai kiệu Lê Lợi, Lê Lai gồm đến 18 người với trang

phục áo đỏ, quần vàng, khăn vàng, trên kiệu có bài vị và ngai thờ. Đoàn kiệu Trung Túc Vương Lê Lai đi trước, đến trước cầu dừng lại để đoàn kiệu vua Lê lên trước. Hai đoàn kiệu chạy vòng (ngược kim đồng hồ) trong sân rồng rồi hạ kiệu trên điện vua Lê Lợi và sau đó hai đoàn rước xếp đội hình tại sân Rồng.

Tiếp theo diễn ra phần tế đại tế. Điểm nổi bật trong phần lễ là nghi thức lễ với những bài chúc văn, tế cáo mang đậm tính nhân văn qua các đời vua Lê truyền lại. Đây là những nét đẹp truyền thống về văn hóa tâm linh trong lễ hội Lam Kinh. Văn tế tấu đại lễ đã tóm lược quá trình phát tích của triều đại nhà Hậu Lê, những giá trị to lớn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và vai trò của người anh hùng dân tộc Lê Lợi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Văn tế cũng đã nêu lên những giá trị truyền thống giàu chất nhân văn của dân tộc Việt Nam như trọng nghĩa, dụng hào hiệp, thuận nhân tình, sẵn sàng xả thân giữ nước nhưng cũng sẵn lòng hòa hiếu bang giao.

Ngay sau khi tế lễ, hội đồng họ Lê ở Thanh Hóa còn tổ chức vinh danh những học sinh họ Lê đạt thành tích xuất sắc trong học tập và thi cử trước anh linh của tổ tiên vào ngày húy kỵ của đức vua Lê Thái Tổ, đây là việc làm có ý nghĩa thiêng liêng đối với dòng tộc họ Lê. Hành động này chính là sự kế thừa truyền thống khuyến học, khuyến tài của cha ông ta.

Sau đại lễ, các đồng chí lãnh đạo của Đảng và nhà nước cùng các vị lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Thanh Hóa về dự lễ hội sẽ dâng hương tại đền thờ vua Lê Thái Tổ. Cuối cùng, lễ yên vị được tiến hành sau ngày đại lễ. Hai kiệu vua Lê và kiệu Trung Túc Vương Lê Lai được đưa về đền vua Lê và đền Tép làm lễ yên vị.

### ❖ Phần hội

Phần hội được nối tiếp trong đại lễ với các chương trình nghệ thuật tái hiện cuộc khởi nghĩa Lam Sơn mười năm chống giặc Minh (Hội thề Lũng Nhai, dòng suối “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần”, “Lê Lai cứu chúa”, giải phóng thành Đông Quan), vua Lê Thái Tổ đăng quang ở xứ Thanh, múa rồng (Xuân Lập - Thọ Xuân), trống hội (thị trấn Lam Sơn), dân ca dân vũ Đông Anh (Đông Sơn), dân ca sông Mã, ca trù...

Tại đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai ở làng Tép cũng diễn ra các trò diễn dân gian như ném còn, bắn nỏ, múa phồn phong, thi bắn nỏ, quay vòng, đi cầu thùm, bắt vịt, bịt mắt bắt dê, đập niêu và biểu diễn tích *Lê Lai cứu chúa* do chi đoàn thanh niên và đoàn văn công tỉnh biểu diễn.

Đến với lễ hội Lam Kinh là đến với không gian văn hóa Lam Sơn mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Lễ hội không chỉ là dịp để quảng bá bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, hình ảnh về con người, thiên nhiên xứ Thanh với du khách trong và ngoài nước; mà còn là ngày hội của quần chúng, là cơ hội để quần chúng tham gia, hưởng thụ, sáng tạo. Bên cạnh đó, những cơ hội thu hút đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích từ nguồn lực của nhiều cấp, nhiều ngành, các tổ chức xã hội, các tầng lớp nhân dân được mở ra. Hy vọng mảnh đất “địa linh nhân kiệt” này sẽ là điểm dừng chân hấp dẫn du khách trên hành trình trở về cội nguồn lịch sử dân tộc.

### **2.2.2. Lễ hội làng Xuân Phả**

Ai đã từng đến Thọ Xuân thì chắc sẽ không quên được hương vị cay cay ngọt ngọt của chè lam Phủ Quảng - một loại bánh làm bằng bột gạo nếp, mật mía, trộn lẫn lạc và gừng; hay sẽ phải nhớ mãi cái dẻo quánh, đen nhánh của bánh gai Tứ Trụ; hoặc say lòng với cái béo ngậy, giòn thơm của cá rô Đầm Sét rán vàng. Đây là những sản phẩm nổi tiếng của vùng đất Thọ Xuân. Thọ Xuân, nằm ở phía tây tỉnh Thanh Hóa, là vùng đất không chỉ có bề dày truyền thống lịch sử mà còn là một trong những cái nôi của văn hóa truyền thống xứ Thanh, trong đó có lễ hội làng Xuân Phả.

Làng Xuân Phả (nay thuộc xã Xuân Trường) cũng là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử với những di tích lịch sử văn hóa và những giá trị văn hóa phi vật thể được bảo tồn cho đến ngày nay. Xưa kia, trên mảnh đất này, người Việt đã cư trú hàng ngàn năm rồi dần dần quy tụ thành một cộng đồng dân cư gồm 15 dòng họ. Quá trình dựng làng lập ấp của cộng đồng dân cư Xuân Phả cũng là quá trình hun đúc, vun đắp khối đoàn kết cùng những truyền thống lịch sử, văn hóa.

Không biết trò Xuân Phả ra đời từ khi nào? Các nghiên cứu về trò Xuân Phả cho tới nay vẫn chưa đưa ra được một kết luận chính xác hoặc nhất quán. Một số người thì cho rằng điệu múa trò có từ thời Lê, lúc Lê Lợi khởi nghĩa thành công và lập ra nhà Hậu Lê. Nhiều nhà nghiên cứu lại khẳng định trò Xuân Phả tồn tại từ đời nhà Đinh, sau khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân và lên ngôi vua.

Truyền thuyết kể lại rằng, vào thời vua Đinh, đất nước có nạn giặc ngoại xâm, nhà vua sai sứ giả đi khắp nơi cầu bách linh, bách tính và hiền tài cùng nhau đứng lên đánh giặc cứu nước. Khi sứ giả đi đến bờ sông Chu thì gặp giông tố phải trú lại trong Nghè Xuân Phả. Đến đêm, thần Thành hoàng làng Xuân Phả báo mộng về cách phá giặc, sứ giả vội về bẩm cáo lại với nhà vua. Vua thấy kế hay nên làm theo và quả nhiên thắng trận. Để tỏ lòng biết ơn Thành hoàng làng Xuân Phả, nhà vua đã phong tặng tước vương gọi là Đại Hải Long Vương. Nhà vua còn ban thưởng cho dân Xuân Phả năm điệu múa trò để hàng năm dâng lên Thành hoàng trong ngày hội làng. Có thể khẳng định rằng trò là vũ điệu dân gian dành riêng cho Đại Hải Long Vương - Thành hoàng làng Xuân Phả. [20]

Thực tế quả đúng như lời truyền, ngoài những lần được vua chúa triều vào cung đình biểu diễn thì trò Xuân Phả chỉ múa ở sân Nghè (đình làng) trong ngày hội làng hàng năm chứ không đi múa biểu diễn ở các địa phương khác. Chính vì điểm này mà việc nghiên cứu về trò Xuân Phả gặp rất nhiều khó khăn, thiếu tư liệu để đưa ra kết luận cuối cùng. Song, dù ra đời ở thời gian nào, trò Xuân Phả luôn là niềm tự hào của người dân làng Xuân Phả, là vốn văn hóa nghệ thuật riêng mà cha ông đã truyền lại cho người Xuân Phả từ đời này qua đời khác. Nó đã đi sâu vào đời sống tinh thần thiêng liêng của họ.

Ngày 10/2 âm lịch hàng năm, dân làng Xuân Phả mở hội làng. Xưa kia, nơi diễn ra lễ hội là Nghè thờ Thành hoàng làng. Hơn nửa thế kỷ trước, Nghè đã không còn nữa. Vì không có không gian thiêng, nên từ khi được khôi phục (1990), lễ hội được diễn ra tại sân chùa Tậu (Hội Long tự), cách Nghè cũ về phía Bắc khoảng 150m.

Ngay từ sáng 9/2, mỗi thôn dựng một lá cờ ngũ hành gần cửa chùa. Trong sân chùa, mọi người sửa soạn bày ban thờ. Chiều cùng ngày, tại nhà ông Từ Cả (chức vụ người đứng đầu làng), làng làm lễ rước văn (bài văn tế Thành hoàng ngày lễ hội) về chùa. Đây là nghi lễ mời thần thánh, tổ tiên về dự lễ hội. Lễ vật của lễ rước văn đơn giản có một mâm xôi, một con gà luộc, rượu và vàng hương.

#### ❖ Lễ tế Thành hoàng làng

Sáng mùng 10, các thôn lần lượt rước cỗ lên chùa làm lễ tế Thành hoàng. Cuộc tế diễn ra trang nghiêm, theo đúng khuôn thức từ trang phục đến nghi thức tế lễ. Trong khi tế lễ, có 3 Mạnh Bái, 6 Bồi Bái, 2 Đông xướng, Tây xướng và 8 thị vệ cầm binh khí đứng hai bên. Ông Mạnh Bái dâng hương, rượu vào đến cửa Nghè, quỳ xuống; ông Từ Cả trong Nghè đỡ lễ dâng vào bàn thờ, rồi đánh keng; ông Mạnh Bái đứng dậy, lui ra sân, về vị trí cũ và lại dâng tiếp các tuần hương sau. [27]

Các thôn lần lượt rước đoàn múa trò vào chùa múa hát. Đi sau đoàn trò là người dân làng xã và du khách thập phương về dự hội.

#### ❖ Hội làng Xuân Phả

Các đoàn trò được trình diễn theo thời gian: chiều ngày mùng 10 diễn ra Trò Hoa Lang, trò Ai Lao và trò Tú Huân. Ngày 11, buổi sáng quan viên trong làng làm lễ cúng Thành hoàng bằng cỗ chay, buổi chiều diễn trò Ngô Quốc và trò Chiêm Thành (hay Xiêm Thành).

*Trò kéo hội:* là trò mở đầu cuộc hội làng. Làng chọn những chàng trai tuổi từ 18 đến 25, chia làm hai cánh quân, mỗi cánh xếp thành một hàng dọc ngay ngắn. Khi tiếng trống, chiêng trong chùa nổi lên, hai thủ lĩnh dẫn quân vào sân chùa, đi ngược chiều nhau theo hình chữ á gọi là nhập á. Hai thủ lĩnh làm lễ vái Thành hoàng rồi phát cờ cho hai cánh quân chạy ba vòng quanh sân, tay phát cờ, hò reo náo nhiệt, chạy ngược chiều nhau theo hình chữ ất gọi là xuất ất ra ngoài và giải tán.

*Trò chạy giải:* tham gia gồm 12 chàng trai khỏe mạnh, tập trung trước bàn thờ Thành hoàng. Dân gian còn lưu lại câu vè:

*“Sân rộng mở hội vân vì  
Mười hai trai tráng chạy thi cờ tài”*

Sau lễ vái Thành hoàng, họ xếp thành một hàng ngang chờ trống lệnh xuất phát. Khi tiếng trống cuối cùng nổi lên, tất cả hướng theo cánh đồng trước mặt mà chạy đến mục tiêu. Những người về nhất, nhì, ba chạy thẳng vào sân chùa, quỳ trước hương án, dâng cây thẻ vái Thành hoàng rồi quay ra nhận phần thưởng của làng. Sau đó, các giáp lần lượt vào trình diễn trò Xuân Phả.

Có lẽ sự tích và nội dung của năm điệu múa của trò diễn Xuân Phả ẩn chứa trong đó một phần hồn cốt của dân tộc và của một thời lắng đọng qua những hành vi rất cổ xưa, tới mức người ta có cảm giác, người Xuân Phả và những điệu múa của họ chứa đựng những thông tin quá khứ bí ẩn nhất của người Việt.

Những trò diễn chính trong lễ hội:

**\* Trò Hoa Lang (Hòa Lan, Hà Lan, Huê Lang):**

Đây là trò múa mô phỏng việc Hoa Lang đến tiến cống vua Đại Việt. Trò này nhiều nơi trong tỉnh cũng biểu diễn, trò có tên gọi khác là Hòa Lan (người Hà Lan) đời Hậu Lê sang buôn bán, thông thương với nước ta.

Đi đầu là con kỳ lân, thực ra giống con thủy quái ở biển, múa sát đất như bơi lội. Tiếp đó, có ông chúa múa siêu đao và 2 quân múa đầu ngựa, đầu roi. Theo nhịp trống, hai người cưỡi ngựa vào cuộc đấu.

Sau khi đấu roi xong. Ông chúa vừa đi vừa múa, tiến lên trước bàn thờ làm lễ vái Thành hoàng. Theo sau là đoàn quân 10 người múa quạt.

Kéo quạt xong, người ở hai hàng quay vào trong lấy cờ, chúa bước lên, hai tay nâng siêu đao múa một vòng tròn.

Tiếp sau là múa phát cờ, chúa hạ siêu đao và lùi về phía sau, hai quân tiến ra, chân nhảy, tay phát cờ lúc sang phải khi sang trái.

Tiếp theo, chúa cầm cờ lẹm từ dưới tiến lên, đội quân chia thành hai hàng dọc; chúa phát cờ lẹm lên cao, lượn vòng sang trái, sang phải tạo thành những vòng tròn lượn sóng. Hai hàng quân vẫn làm động tác múa cờ và múa quạt; một hồi trống vang lên, chúa và quân dừng múa, đi vòng về phía dưới, mỗi người mang một mái chèo.

Cuối cùng tất cả chúa và quân múa xong, đạo trống bắt đầu xấp mái chèo chèo ò. Đoàn người Hoa Lang có cô gái Việt ra đón tiếp, cả đoàn đầu đội mũ

Kê pi cao, ngậm mặt nạ mũi thẳng, kết thúc là điệu bơi chèo. Họ vượt biển đến rồi lại trở ra biển để đi. Hát xong, quân xếp lại thành hai hàng dọc, vác mái chèo lên vai. Chúa dẫn đi vòng xuống, rồi dàn lên thành hàng một và chào.

**\* Trò Ai Lao:**

Trò mô phỏng việc nước Ai Lao (Lào) sang tiến cống vua Đại Việt. Đoàn quân về kinh đô dự lễ mang theo cả voi, hổ...

Hổ, voi vào múa trước, rồi quân lính đeo súng nhảy chéo chân, nâng súng lên, hạ xuống, chờ chúa vào. Chúa Lào (đội mũ cánh chuồn, áo thụng xanh chàm) xuất hiện, hai bên có lính bảo vệ.

Tiếp đến đoàn quân cùng nhau kéo hàng vào gõ sênh, theo nhịp trống ba tiếng một mà đan cài nhau. Cả đoàn đi trong tiếng sênh tre được gõ nhịp liên hồi, biểu hiện sức mạnh các chàng trai đi săn.

Tiếng trống rung lên. Tất cả đoàn quân chân trụ, chân co, đập gót xuống đất bốn lần, quay vòng tròn tại chỗ và nhảy cóc, người lom khom, hai tay gõ sênh nhịp đôi. Sau đó, mọi người gõ sênh liên hồi, đứng thẳng, vừa đi vừa chuyển thành hai hàng dọc để kéo về phía dưới. Trong lúc chuyển đội hình, đoàn quân một tay giắt sênh vào cặp quần, một tay kéo cờ để sẵn sau lưng áo, vừa đi vừa tung cờ.

Kết thúc trò diễn đoàn quân phát cờ ba lần.

**\* Trò Tú Huấn:**

Trò Tú Huấn ở Xuân Phả còn được gọi là Lục hồn Nhung (ý chỉ một dân tộc mọi rợ). Trò Tú Huấn mô phỏng việc tộc người Tú Huấn đến tiến cống vua Đại Việt.

Trò Tú Huấn đầu đội mũ loóng làm từ tre, đeo mặt nạ gỗ miêu tả bà cố, mẹ và mười người con. Các nhân vật đeo mặt nạ bằng gỗ sơn trắng, má hồng, phân biệt từng loại nhân vật (mặt nạ bà cố già và vêu vao, mặt nạ mẹ trẻ hơn, mặt nạ đôi quân thứ nhất có 1 răng, đôi quân thứ hai có 2 răng...).

Người hầu diu cổ già đi ra nhún nhảy theo nhịp trống. Hai người đi quanh một vòng sân, rồi vào trong.



Người mẹ vừa gõ sênh vừa nhảy đến gần ban thờ, quỳ vái, đứng dậy nhảy lùi xuống. Mỗi bên năm người nhảy và gõ sênh như động tác của mẹ tiến ra, lượn một vòng và đổi thành hai hàng dọc.

Mẹ hú, tất cả đều quỳ, vái đứng lên, rẽ sang hai bên, đi vòng xuống. Ngồi xổm, gõ sênh, nhảy lên vị trí cũ. Tiếp đến là hú, quay tại chỗ hai lần. Hú nhảy sang ngang trở lại ngay (2 lần), hú quỳ sát gối, ngang từng đôi một. Hai hàng dọc, mẹ đứng đầu cầm nhịp hát, khi hát chân chèo kéo sệt sát đất. Cuối cùng mọi người xếp thành hai hàng dọc, mặt hướng về hương án, cúi đầu bái chào Thành hoàng làng và kéo ra.

**\* Trò Ngô Quốc:**

Trò này mang sắc phục và hình tượng người Tàu sang dự lễ hội tại kinh đô Đại Việt. Điệu Ngô Quốc, tức là đoàn múa Trung Hoa, có cô gái Việt ra đón, và hiện tại ăn mặc như người Mãn Thanh. Kết thúc là điệu chèo thuyền.

Đầu tiên có hai nàng tiên lướt nhẹ từ hai bên đi ra, mặt quay về phía hương án, hai tay tung cánh tiên nhịp nhàng, quay một vòng chấp tay vái Thành hoàng rồi lùi vào trong.

Tiếp đến quân múa sạp xòe, dâng cao chân theo tay. Chúa múa siêu đao và cờ lẹm. Một hồi trống nổi lên, mỗi người cầm một bai chèo, xếp thành một hàng dọc, chúa cầm mã la. Mế nàng đi sau chúa tiến lên gần hương án. Mọi người đều đứng thẳng, nghe tiếng trống, tách thành hai hàng dọc, hạ bai chèo, quỳ xuống. Nghe tiếng trống, tất cả đứng lên. Chúa cầm mã la đứng đầu hàng bên phải, mế nàng cầm quạt đứng đầu hàng bên trái, theo nhịp trống đặt đuôi bai chèo ra phía ngoài hàng quân. Tất cả làm động tác chèo thuyền và hát bài chèo bát.

Hát xong, chúa và quân đi lên phía bàn thờ theo hai hàng dọc, bái lạy thần linh rồi kéo vòng thành hàng một lui ra.

**\* Trò Chiêm Thành hay Xiêm Thành:**

Mô phỏng việc nước Chiêm Thành tiến cống vua Đại Việt.

Chúa bước ra, hai tay chống hông, người ngửa về phía sau, chân trái bước thẳng, chân phải chùng xuống và cứ bốn phách bước một bước với động tác nhún và giật vai. Chúa tiến lên phía hương án, nửa đường chuyển động tác nhảy

ba bước một, tay thấp, tay cao, bàn tay nắm lại xòe ra biểu hiện cho động tác tung hoa sang trái, sang phải.

Một hồi trống rung lên, hai phỗng tiến ra, hai tay cầm gươm chấp trước ngực, đi lên theo hai hàng dọc đến gần nơi chủa quý, quay mặt lại chào nhau, quay một vòng, dừng lại chào nhau và tiến lên dâng hương, vẫn động tác tay chấp trước ngực đi ra ngoài.

Chúa nhảy lùi xuống để rước đoàn quân từ hai bên bước vào xếp thành một hàng dọc, hai tay chống hông, chân trái thẳng, chân phải chùng, người ngả về phía sau. Cứ bốn nhịp bước lên một bước, trước khi bước lại giật vai ba lần.

Kết thúc, chúa và quân sắp hàng trước hương án cúi đầu lễ tất (không hát).

### ***\* Giá trị nghệ thuật của các trò múa Xuân Phả***

Một số nhà nghiên cứu cho rằng sở dĩ có điệu múa trò Xuân Phả cùng cách ăn mặc trang phục và những âm thanh phát ra theo vũ điệu là để nói lên tinh thần "Văn Lang" xuất phát từ 15 bộ lúc bấy giờ, với mục đích chứng tỏ tinh thần liên kết chặt chẽ xung quanh nhà vua... Cũng có nghiên cứu viết rằng trò Xuân Phả miêu tả lại cảnh năm phương đến chúc mừng nhà vua Lê Thái Tổ sau khi khai hoàn, là dư vị anh hùng của các nền quân chủ phong kiến sau khi giành lại nền tự chủ, là lễ nhạc triều đình hoán vị và đơn giản hóa một thứ lễ nhạc làng xã, là đỉnh cao của nghệ thuật múa cung đình và dân gian Việt. [20]

Nguyễn Trãi ngày xưa từng dựa theo trò Xuân Phả để sáng tác múa Chư Hầu Lai Triều cho vua Lê Thánh Tông. Chư Hầu Lai Triều là điệu múa cung đình có nhiều nét giống như trò Xuân Phả. [20]

Ngày nay nhiều nhà biên đạo múa cũng dựa vào tinh hoa của trò Xuân Phả để sáng tạo nên các tiết mục múa. Trò Xuân Phả cũng đã từng được chọn làm đại diện cho văn hóa dân gian xứ Thanh trình diễn ở các sự kiện lớn như lễ hội Chào thiên niên kỷ mới, đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và được đông đảo khán giả hâm mộ.

Có một điều đáng mừng là, làng Xuân Phả hiện nay vẫn duy trì được đội trò trẻ tuổi, thường trình diễn tại các lễ hội và đoạt nhiều giải thưởng qua các hội diễn nghệ thuật quần chúng. Trên sân khấu chuyên nghiệp, tinh hoa trò múa

Xuân Phả cũng đã đem về không ít huy chương vàng, bạc. Và trên hết, vẻ đẹp của trò múa Xuân Phả đem lại niềm tự hào cho người dân xứ Thanh và xứng danh là ngọc quý trong kho tàng múa dân gian Việt Nam.

### **2.2.3. Lễ hội Cầu Ngư (Cầu Mát)**

Như những vùng miền khác trên mảnh đất “địa linh nhân kiệt” xứ Thanh, Hậu Lộc không chỉ mang trong mình nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc như di chỉ khảo cổ học văn hóa Hoa Lộc, khu di tích lịch sử văn hóa đền Bà Triệu, Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (di tích Quốc Gia), Chùa Cam Lộ, Cụm Di tích Nghè Diêm Phố, hay các địa danh nổi tiếng như cửa biển Lạch Trường, cụm thắng cảnh Phong Mục hay Hòn Nẹ - địa danh đã đi vào bài thơ "Mẹ Tom" của Tố Hữu; mà còn có những lễ hội đặc sắc. Bên cạnh lễ hội Bà Triệu mang màu sắc của lễ hội lịch sử, Hậu Lộc còn nổi tiếng và được nhiều người biết đến với lễ hội Cầu Ngư gắn liền với tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển Thanh Hóa.

Lễ hội Cầu Ngư còn gọi là tục Cầu Mát được ngư dân xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa lưu giữ từ bao đời nay và thường tổ chức đều đặn vào ngày 22/2 âm lịch hằng năm, với mong muốn cầu cho một năm mưa thuận, gió hòa, đánh bắt được nhiều hải sản.

Theo lời kể của các vị bô lão trong làng thì lễ hội Cầu Ngư xuất phát từ tên lễ hội Cầu Mát của cư dân làng Diêm Phố có từ khi làng mới thành lập vào thời nhà Lê.

Đây là một hoạt động văn hóa tâm linh truyền thống của ngư dân xã Ngư Lộc và đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là lễ hội văn hóa phi vật thể từ năm 2005. Lễ hội gồm 2 phần chính là phần lễ và phần hội với sự tham gia đông đảo của đoàn thể và nhân dân. Đây là lễ hội lớn nhất trong năm của xã đồng thời cũng là lễ hội lớn nhất và đặc trưng nhất của khu vực ven biển tỉnh Thanh Hóa.

Lễ hội Cầu Ngư bao gồm hai phần rõ rệt: phần lễ và phần hội, trong đó phần lễ là phần đóng vai trò quan trọng và mang nhiều ý nghĩa nhất.

## ❖ Phần lễ

Sáng ngày 21/2 âm lịch đúng giờ hoàng đạo, vị chủ tế nổi ba hồi chín tiếng trống đại ở nghè cả, sau đó 24 trống lớn nhỏ nổi lên sôi nổi. Ông chủ tế bắt đầu khăn mời chư vị thần linh giáng lâm chứng giám, sau đó rước thần linh về đàn lễ.

Đi đầu đám rước là đội múa lân vừa đi vừa dẹp đường cho đoàn rước đi được thuận tiện, ngay sau đó là một người nam giới, phía sau là một người cầm chiêng, một cầm chống bản, tiếp đến là hai người vác hai long đao; kế đến là phường bát âm mặc áo dài lương quần trắng, đội khăn xếp, chân đi giày, vừa đi vừa cử bản nhạc lưu thủy.

Sau phường bát âm là Kiệu Phật gồm 4 trai kiệu khiêng, tiếp đến là kiệu bát cống rước Tứ Vị Thánh Nương, gồm tám nữ thanh tân quần trắng, áo dài màu, chít khăn vành râu.

Đi sau là kiệu Đức Ông, sau nữa là kiệu Đức Vua Thông Thủy do 4 người khiêng, tất cả đều đầu chít khăn đỏ, mặc áo ni cộc tay màu đỏ, quần màu đỏ, chân quấn xà cạp.

Sau kiệu là mô hình bè mảng thờ người bị nạn.

Đi sau đám kiệu là hội tế gồm 9 vị đều đầu đội mũ có hai dải thả dài sau lưng, trang phục áo dài thụng màu tím hoặc màu đen, quần dài trắng, chân đi hia. Riêng áo của chủ tế có khác hơn đó là có bố tử đằng trước và đằng sau. Chủ tế đi trước, đằng sau là một hàng đôi bao gồm: hai chuyển chúc và đọc chúc, bốn hồi tế, hai đông xướng và tây xướng, đều lồng tay áo thụng vào với nhau giờ lên phía trước mặt.

Sau hội tế là bốn người con trai áo lương quần trắng, đội khăn xếp, đi guốc vác bốn lá cờ hội, tiếp sau là dân làng và quan khách.

Đoàn rước kiệu dừng lại bên ngoài cổng nhà trọ (nơi làm lễ phẩm cho lễ hội). Mười hai cụ đội khăn xếp, mặc áo the đen, quần lĩnh trắng, đi giày, hạ bước vào nhà trọ, mỗi cụ nâng một mũ ngũ sắc. Hai mươi trai kiệu từ 18 tuổi đến 25 tuổi khiêng long châu, trang phục giống như những trai kiệu trước. Đoàn

rước lại tiếp tục đi đến đàn lễ. Ba kiệu được đặt lên trên, bên phải đặt kiệu Thích Ca, bên trái là kiệu Đức Vua Thông Thủy, ở giữa là kiệu Tứ Vị Thánh Nương, và đặt bát hương lễ phẩm thứ tự theo sơ đồ đàn lễ. Trên mỗi bàn đặt một chiếc mũ ngũ sắc tượng trưng cho vị thần thánh được thờ ở đây. Phía trái đàn lễ đặt chiếc long châu đầu quay châu vào đàn, chung quanh đàn cắm cờ hội.

Sau đó ban chủ tế làm lễ dâng hương và đội múa lân hoạt động. Đầu giờ chiều cùng ngày, sau khi chọn được giờ tốt ông thầy cúng được nhân dân tín nhiệm lên khoa giáo tiến hành tẩy uế để khoa giáo yên vị.

Tại khu lễ đàn vào hầu hết các đêm lễ hội ở những thời điểm chuyển sang ngày mới, ban hành lễ thường xuyên tế lễ sang canh. Trong thời gian hai ngày 22 và 23 nhân dân và khách thập phương đến dâng hương. Đây là tính chất mở khá tiêu biểu của lễ hội Cầu Ngư. Vì vậy lễ hội Cầu Ngư không chỉ là ngày lễ lớn của ngư dân Diêm Phô mà nó còn là ngày hội lớn của cư dân ven biển Tỉnh Thanh Hóa.

Bước sang ngày 24 tháng 2 âm lịch, các giáp rước cỗ từ nhà trọ về đàn lễ, đến nơi lễ phẩm được đặt vào các vị trí trên mặt đàn lễ đã quy định. Lúc này mọi người đã tề tựu đông đủ. Ba hồi chín tiếng trống nổi lên dòng dã, đại tế bắt đầu với bài văn tế cầu yên tháng hai. Ban hành lễ thay mặt cho nhân dân trong xã bái tế và báo cáo với thần thánh về buổi lễ.

Phần quan trọng nhất của lễ Cầu Ngư là tế lễ Giao Ôn bao gồm hai phần chính:

\* *Phần 1*: là phần tế lễ ở đàn chính. Vị pháp sư tiến hành làm lễ mời các vị trong hội đồng thần thánh: Hoàng Thiên Lão Mẫu, Ngọc Hoàng, Thành Bản Thổ, Đức Vua Thông Thủy, Tứ Vị Thánh Nương... Đây là khu vực lễ tế chính cho toàn bộ lễ hội, nên nội dung cầu khẩn mang tính bao quát những mong muốn của dân làng: cầu phúc cầu tài, sống lâu giàu có, tránh được mọi tai ương, đi biển thuận buồm xuôi gió, cá tôm đầy thuyền, buôn bán thuận lợi, thủ công tinh thông, học hành tiến tới, văn tăng võ tiến, toàn dân phúc lộc đề huề.

\* *Phần 2*: là phần tế long châu. Tại đây việc tế lễ chỉ dành riêng cho người đi biển. Hình tượng long châu là biểu tượng của ngư nghiệp. Toàn bộ

chiếc long châu là chiếc thuyền thờ, những người đến lễ dâng lễ vật vào lòng thuyền. Đúng giờ lành, tại long châu, ông pháp sư mặc áo dài lưng đen, khăn thắt ngang lưng màu đỏ, đứng trước mũi long châu, một tay múa ấn quyết, một tay cầm ba nén hương đang cháy viết vào không gian và đồng đọc lệnh khởi hành, sau đó đọc trát. Sau khi đọc xong trát long châu quay mũi về tay cầm bó đóm giờ cao và đọc hịch Bảo Ôn, lời hịch vừa dứt 20 trai kiệu khiêng long châu đi theo pháp sư về phía nam, phía sau là dân làng cùng đi tiến dọc theo bờ biển. Đến cuối làng thì tiến hành "hóa" long châu.

Sau đó rước các kiệu trở về nghề và làm lễ tất (kết thúc).

### ❖ Phân hội

Bên cạnh phần lễ của lễ hội Cầu Ngư, phân hội cũng được xem là phần quan trọng không thể thiếu. Việc tiến hành một cách song song giữa phần lễ và phân hội trong lễ hội Cầu Ngư được coi là thích hợp và cần thiết, bởi lễ bên cạnh phần lễ được tổ chức một cách trang nghiêm, cẩn trọng với những nghi thức tâm linh, thì phân hội cũng được tổ chức khá chặt chẽ và chu đáo, với các trò chơi, đua thuyền, hát đối đáp... làm cho bầu không khí lễ hội thêm vui tươi, náo nhiệt. Đây cũng là thời gian ngư dân được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí xóa đi mọi căng thẳng, mệt mỏi trong những ngày mải miết lao động vất vả tìm kế sinh nhai, để chuẩn bị bước vào một mùa vụ mới đầy hứa hẹn.

Phân hội được tổ chức khá đa dạng bao gồm các trò diễn, trò vui chơi diễn ra xen kẽ trong ngày hội của làng.

*Trò câu mực:* Câu mực vốn là nghề truyền thống của ngư dân xã Ngư Lộc, việc đưa trò câu mực vào trong hội làng được xem là rất phù hợp, bởi trò này không những yêu cầu có kinh nghiệm mà còn đòi hỏi sự khéo léo của người chơi. Trước khi vào lễ, ban tổ chức cho cắt những mô hình cá mực bằng xốp và thả vào chậu cao đựng nước, người câu phải dùng những cần câu có lưỡi câu chùm được gắn với nhau bằng một lớp chì mỏng, người chơi phải quăng cần thật chính xác làm sao càng nhiều mực càng tốt. Trò này thu hút khá nhiều người tham gia, đặc biệt là những người có thâm niên trong nghề đi biển câu mực.

Đây không những là một loại hình vui chơi mà còn là địa điểm để trao đổi kinh nghiệm và giao lưu của những người trong nghề ngư nghiệp.

*Trò đánh tùm:* Trò đánh tùm được tổ chức ở những nơi có đất bằng phẳng, người ta khoét hai lỗ tròn có đường kính 20cm, lỗ này cách lỗ kia 25cm. Trước đó, họ đã mài những viên tròn bằng gạch hoặc đá, viên có đường kính 15cm. Người tham gia không phân biệt gái trai, già trẻ, người chơi tùm đứng từ lỗ bên này ném viên tròn vào lỗ bên kia, nếu viên tròn nằm lọt dưới lỗ mới là thắng, ném trúng nhiều lần theo sự giao kết chung đó là người thắng cuộc. Người thắng cuộc được làng treo giải thưởng bằng tiền đồng.

Trò chơi này đơn giản thu hút được nhiều người tham gia ở nhiều điểm chơi trong cùng một lúc, tạo cho phần lễ hội thêm phần sôi nổi và cũng thỏa mãn được mọi người khi tìm đến giây phút thăng hoa lễ hội.

*Hát gheo:* Đây là một hình thức sinh hoạt văn hóa khá hấp dẫn đối với thanh niên trong đời thường cũng như trong lễ hội. Tuy nhiên hát gheo trong đời thường khác hát gheo trong lễ hội. Nếu như hát trong đời thường là cách hát theo ngẫu hứng, tự do, không lệ thuộc vào quy định nào thì hát trong lễ hội là hát cuộc, bắt buộc tuân theo trình tự. Một cuộc hát nhất thiết phải trải qua ba chặng và chín lời, mỗi chặng gồm ba lời.

*Trò đua thuyền:* Trò đua thuyền được xem là trò chơi chính của lễ hội cũng như của người dân Diêm Phố xưa và Ngư Lộc ngày nay. Đây là một trò chơi tập thể có sức thu hút lớn đối với người tham gia và cả người xem. Cuộc đua không diễn ra giữa các thuyền đua với nhau mà nó thực sự là cuộc đua giữa các xóm (xưa) và giữa các thôn (ngày nay) với nhau.

Dù thắng hay thua quân bơi của cả bốn thuyền đều được nhân dân rót rượu chúc mừng và đốt pháo để đón tiếp. Sau đó cả làng mở tiệc khao quân, cuộc vui này kéo dài tới tận khuya.

Đây là lễ hội đặc sắc nhất của ngư dân vùng biển xứ Thanh, nhằm tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng dân gian của ngư dân.

Lễ hội Cầu Ngư là một loại hình lễ hội dân gian gắn liền với tín ngưỡng và đời sống cư dân ven biển nước ta. Vì vậy, qua đối chiếu, so sánh với lễ hội

Nghinh Ông vùng ven biển Cà Mau, ngoài những nội dung mang tính đồng nhất, có thể khái quát một vài điểm khác biệt.

Về nội dung: hai lễ hội trên đều bao gồm phần lễ và phần hội.

Về thời gian: lễ hội Nghinh Ông (Cà Mau) cũng được tổ chức vào tháng 2 âm lịch hàng năm như lễ hội Cầu Ngư (Hậu Lộc, Thanh Hóa). Nguyên nhân tạo nên sự đồng nhất về thời điểm trên là do đặc điểm vùng ven biển từ tháng 5 trở đi, thời tiết khó khăn, biển động thường xuyên, đi biển rất nguy hiểm. Còn vào tháng 2 - 3 thì trời yên, biển lặng, lại vào mùa xuân tiết trời êm dịu, đặc biệt là thời điểm thu hoạch được mùa hải sản lớn nhất trong năm. Chính từ sự thuận lợi về điều kiện không gian, thời gian, tự nhiên, xã hội nên các ngư dân đã chọn thời điểm này hàng năm để tổ chức lễ hội.

Về địa điểm: lễ hội Nghinh Ông thường tổ chức ở làng Ông; nhưng với lễ hội Cầu Ngư, mặc dù Diêm Phố có cả một khu nghề, chùa, đền, miếu thờ thần linh của làng, nhưng việc làm lễ Cầu Ngư phải dựng đàn lễ ngoài trời, đó là một bãi sát biển, nhưng là trung tâm của làng.

Về lễ diễu hành: với lễ hội Nghinh Ông, ngư dân cho rằng hướng Tây - Nam là hướng Thần Nam Hải đang ngự trị - hướng phúc. Theo những nghiên cứu về khí tượng thủy văn thì hướng Tây của biển Đông là lục địa, tại vùng biển Cà Mau hướng Đông thuộc hướng của những cơn bão hình thành và đổ bộ vào bờ - hướng họa. Dân gian cho rằng hướng Tây - Nam là hướng trời yên biển lặng. Với quan niệm cầu mong hạnh phúc, bình yên nên các đoàn diễu hành lễ Nghinh Ông vùng ven biển Cà Mau thường đi về hướng Tây - Nam. Đây là điểm quan trọng về quan niệm hướng phúc và hướng họa. Còn với lễ hội Cầu Ngư, lễ diễu hành bắt đầu bằng việc rước thần linh từ Nghè về đàn lễ. Do đó, hướng đàn lễ phải dựng theo được xem là hướng lợi trong năm. Đây là điều quan trọng trong công tác chuẩn bị cho lễ hội.

Tuy có những điểm giống và khác nhau nhưng lễ hội Cầu Ngư thực chất cũng là lễ hội gắn liền với lễ hội Nghinh Ông, được tổ chức vào dịp đầu năm mới với ý nghĩa cầu mong cho mùa màng bội thu, yên bình trong cả năm lênh đênh trên biển cả. Cũng như ngư dân các vùng biển khác, ngư dân Thanh Hóa có



niềm tin mãnh liệt vào sự linh thiêng của các vị thần biển cả phò trợ, giúp họ vượt qua những hiểm nguy trên biển.

#### **2.2.4. Lễ hội Đền Sòng**

Đối với Đạo Mẫu, ngoài Phủ Giầy được coi là trung tâm của đạo Mẫu Tam phủ và Tứ phủ của nước ta, thì Thanh Hóa với Đền Sòng (thuộc thị xã Bỉm Sơn), cũng được coi như một trong những nơi phát xuất hình thức tín ngưỡng dân gian này. Theo Thanh Hóa chư thần lục, soạn năm Thành Thái thứ 15 (1903) thì ở Thanh Hóa có 48 địa điểm có đền miếu thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh với vị trí là một Thượng đẳng thần. [10]

Thanh Hóa không dừng lại ở chỗ có nhiều nơi thờ phụng Thánh Mẫu Liễu Hạnh mà vị trí quan trọng của Thanh Hóa trong đạo Mẫu chính là ở chỗ trong việc hình thành và định hình hình thức tín ngưỡng dân gian độc đáo này. Nếu như Phủ Giầy được coi là nơi giáng trần lần đầu của công chúa Liễu Hạnh, nơi bà sống cuộc sống trần gian với cha mẹ, chồng con, tức cuộc sống trần tục, chưa có chút gì là linh thiêng, siêu thực, thì Đền Sòng là nơi giáng trần lần cuối với đầy đủ tính chất của một biểu tượng thần linh qua cuộc đời đầu với dòng phù thủy nội đạo trong trận Sòng Sơn đại chiến. Đặc biệt, nơi đây Liễu Hạnh được Phật Bà Quan Âm cứu vớt và cảm hóa từ một ác thần tác oai tác quái, trừng phạt hết người này đến người khác, khiến kinh động cả triều đình, trở thành một phúc thần ban phúc lộc, may mắn, sức khỏe cho chúng sinh. Thanh Hóa cũng là mảnh đất đã diễn ra cuộc đối đầu giữa dòng tín ngưỡng Nội đạo và đạo Mẫu hay đúng hơn là giữa đạo phù thủy và shaman giáo trong phạm vi Nội Đạo Việt nam (hiểu Nội Đạo theo nghĩa rộng nhất là tín ngưỡng bản địa). Ngoài ra, cũng phải kể đến vùng thờ Mẫu khá đậm đặc này nằm trên trục giao thông Bắc Nam, nơi diễn ra các quan hệ giao lưu buôn bán tấp nập, môi trường thuận lợi cho việc hình thành một hình thức tín ngưỡng liên quan chặt chẽ với nghề buôn. Do vậy, có thể nói rằng, chính trên mảnh đất Thanh Hóa, tín ngưỡng thờ Mẫu mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam đã hình thành và định hình.

Lễ hội Đền Sòng xuất phát từ tín ngưỡng thờ Mẫu của cư dân Việt. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam khơi nguồn từ việc biết ơn bốn tố chất cơ bản làm

nên sự sống đó là: trời, đất, nước, cây. Chính từ tín ngưỡng thờ Mẫu của cư dân Việt, nhất là cư dân nông nghiệp, nhân dân Bim Sơn đã sáng tạo ra một lễ hội truyền thống mang đậm chất dân gian để tưởng nhớ ngày Mẫu Liễu giáng trần cứu nhân độ thế hay còn gọi là ngày “rước bóng Đền Sòng”.

Từ bao đời nay, khách hành hương dù đi đâu về đâu vẫn không quên câu “tháng sáu hội Gai, tháng hai hội Mía” (hội Gai tức là hội Đền Hàn, hội Mía tức là lễ hội Đền Sòng). Đây là hai lễ hội văn hóa tâm linh vào loại lớn nhất xứ Thanh.

Lễ hội Đền Sòng được tổ chức thường xuyên hàng năm kể từ khi Đền Sòng được xây dựng. Đền Sòng Sơn còn gọi là đền Sùng Trân được xây dựng vào khoảng năm Cảnh Hưng đời vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786) là nơi thờ Nữ Thần Vân Hương - Bà Chúa Liễu Hạnh hay Thánh mẫu Liễu Hạnh. Đền Sòng Sơn xưa nằm trên đất Cổ Đàm thuộc huyện Hà Trung (nay là phường Bắc Sơn - thị xã Bim Sơn) nổi tiếng với câu ca truyền tụng: “Đền Sòng thiêng nhất Xứ Thanh”. Chính ở đền Sòng tháng 4/1939, vào một lần trùng tu, khi thợ đào đất để xây bức bình phong trước cửa chính điện, họ đã tìm thấy một cái tráp đồng, trong đựng một cuốn sách có nhiều lá đồng ghi niên hiệu Vĩnh Tộ (1619 - 1628) đời Lê Thần Tông và chép lại lịch sử gia đình nữ thần Vân Hương (chúa Liễu Hạnh). [25]

Tương truyền chúa Liễu Hạnh giáng trần lần thứ nhất tại làng An Thái, xã Vân Cát, huyện Thiên Bản (huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) vào năm Thiên Hựu - đời vua Lê Anh Tông (1557). Sau 21 năm ở trần gian, nàng lại về Trời, lần thứ 2 cũng ở làng An Thái, rồi biến mất. Lần thứ 3, nàng xuống trần cùng với hai thị nữ là Quế Nương và Thị Nương tại Phố Cát (Thạch Thành - Thanh Hóa) vào thời vua Lê Huyền Tông (1663 - 1671) và hiển thánh tại Sòng Sơn. [26]

Theo “Truyện kỳ Tân Phả” của Đoàn Thị Diễm (1705 - 1748) thì nàng có tên tuổi, quê quán hẳn hoi. Về bản chất, hình tượng Liễu Hạnh là một phụ nữ bình thường như bao phụ nữ khác. Đó là người con gái nết na, đoan trang, phúc hậu. Nàng là vợ thảo hiền, chung thủy, sống trong hạnh phúc lứa đôi, vẹn nghĩa, trọn tình. Khi phải về trời nàng vẫn lưu luyến cuộc đời trần tục thế gian. Trở thành tiên chúa nàng vượt lên mọi ràng buộc của lễ giáo phong kiến. Liễu Hạnh

thực sự có một cá tính mạnh mẽ. Hình ảnh tiên chúa phải chăng là thể hiện lý tưởng ước mơ giải phóng phụ nữ Việt Nam. Nàng đi mây về gió; nàng giao du rộng rãi, mở quán bán hàng, xướng họa với các tao nhân mặc khách, làm cho họ kinh ngạc và khâm phục, như cuộc gặp gỡ ly kỳ với quan chánh sứ Phùng Khắc Khoan ở Lạng sơn, với Trạng Bùng và cử nhân họ Lý, họ Ngô ở Hồ Tây Thăng Long. [26]

Truyền thuyết kể lại rằng: “Một hôm có một vị già làng Cổ Đạm, sau khi được Nữ chúa Vân Hương nhập hồn và tuân theo lời khuyên của bà, ông lão lấy một chiếc gậy tre đem cắm xuống đất và truyền làm một ngôi đền thờ ở đó. Chiếc gậy được cắm xuống đất tự nhiên bén rễ và đâm chồi. Trước hiện tượng màu nhiệm này, dân làng bèn dựng ngay một ngôi đền theo mộng báo của nữ chúa. Lúc đầu ngôi đền bé nhỏ, nhưng ngày càng được mở rộng thêm. Sau nhiều lần trùng tu, đền Sòng mới có dáng vẻ như ngày nay. [26]

Đền Sòng tọa lạc ở một nơi bình địa rộng rãi, non xanh nước biếc, vừa hùng vĩ vừa u tịch. Đền Sòng Sơn có lịch sử gần 300 năm, qua nắng gió, thời gian, bom đạn chiến tranh tàn phá và sự huỷ hoại vô thức của con người, đến năm 1998 được trùng tu tôn tạo gần như nguyên vẹn hình dáng uy nghi và linh thiêng thừa xưa. Mặt đền hướng về phía Tây Bắc, phía trước đền có một hồ nước tự nhiên hình bán nguyệt gọi là Hồ cá Thần, tương truyền hàng năm cứ đến cự tháng giêng - tháng hai lại có một đàn cá toàn thân màu đỏ lữ lượt kéo về bơi lội trong hồ, nhưng khi hết lễ hội (từ ngày 1 - 26/2 âm lịch) thì không thấy nữa. Nhân dân quanh vùng nói rằng đó là các Nàng tiên trên thượng giới hóa phép về hầu Liễu Hạnh... [25]

Từ hồ cá Thần có hai con suối nhỏ chảy lượn quanh khiến cho ngôi đền như ngự trên một hòn đảo nhỏ. Phía trước đền có chiếc cầu bằng đá do một vị Hoàng Thái hậu nhà Lê phát tâm công quả xây dựng từ năm thứ 33 triều Cảnh Hưng (1772). Cầu được bắc qua con suối chảy quanh đền làm tăng thêm vẻ ngoạn mục. Hai suối nước uốn khúc về phía Đông hợp lưu cùng chín dòng nước phun lên từ lòng đất tạo thành chín giếng nước không bao giờ vơi cạn. Nhân dân dựng một ngôi đền cạnh chín cái giếng tự nhiên đó và quen gọi là đền Chín Giếng để thờ Cô Chín - cũng là một tiên nữ được Ngọc Hoàng cho theo hầu

Thánh mẫu Liễu Hạnh. Đền này cách đền Sòng 1km về phía Đông, du khách sau khi ngắm cảnh Đền Sòng thường đến dâng hương Đền Chín Giếng. [25]

Năm 1993 đền được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia.

Theo thông lệ cứ đến ngày 26/2 (âm lịch) hàng năm là ngày chính hội được diễn ra ở Đền Sòng. Trước đây lễ hội thường bắt đầu từ ngày mùng 10 đến ngày 26/2 là kết thúc, nhưng những năm gần đây thời gian tổ chức lễ hội kéo dài từ đầu tháng 2 âm lịch, song thú vị nhất vẫn là ngày chính hội 26/2 - theo truyền thuyết thì đây là ngày Mẫu Liễu giáng trần để khuyến thiện trừ ác.

Lễ hội đền Sòng gồm cả phần lễ và phần hội. Hàng năm, để tổ chức lễ hội Đền Sòng thành công tốt đẹp, những chức sắc, những người chịu trách nhiệm về khâu tổ chức lễ hội đã có quá trình chuẩn bị rất công phu, cẩn thận ít nhất một tháng trước khi lễ hội diễn ra chính thức. Các công việc cần chuẩn bị như: chọn người tham gia đám rước, chọn người tham gia hầu bóng, cúng tế, sắm lễ phẩm...

❖ **Trình tự cuộc tế lễ như sau:**

Trước ngày lễ chính là ngày 26/2 âm lịch là những nghi thức long trọng được tổ chức bao gồm:

*\* Lễ Rước nước và lễ Mộc dục:*

Lễ Rước nước được tổ chức trước chính lễ 3 ngày, nước được lấy từ 9 cái giếng tự nhiên trong dòng suối Sòng trong vắt trước đền Cô Chín vào chiếc chum sành có thắt lụa đào, do 8 trai tân, khỏe mạnh, trang phục màu đỏ, thắt lưng vải vàng thành kính rước về đền Sòng để tắm tượng và lau rửa đồ tế khí trong đền.

Trong lễ Mộc dục, chỉ các cụ cao niên trong nhà có đủ tứ đại đồng đường, có con cháu phương trưởng, phúc hậu mới được cất cử thực hiện. Trong trang phục khăn đóng áo the, các cụ thành tâm thắp hương bái cáo Thánh Mẫu, sau đó cùng nhau cắt tỉa, sửa sang bụi tre thần trước đền.

*\* Lễ cáo yết và lễ tế cáo gia quan:*

Lễ cáo yết được tổ chức vào đêm trước ngày chính hội hàng năm. Đây là lễ thỉnh cầu vua cha Ngọc Hoàng, hội đồng thánh quan và đức thánh Mẫu lai vị, hiển hưởng vật phẩm của dân sở tại, của khách thập phương, của bản hội dân

lễ; nghi lễ cáo yết do chủ từ đền Sòng, các vị chức sắc, các vị cao niên, các cô thanh đồng thực hiện.

Sau lễ cáo yết là lễ tế gia quan. Đây là một nghi lễ được chuẩn bị khá công phu, trang nghiêm, do các bản hội của các làng tham gia, thu hút đông đảo con nhang đệ tử tham dự.

Vào buổi lễ, các bà, các cô trong hội tế với phục lễ xanh, đỏ, tím, vàng theo phẩm phục tứ phủ, hai tay chấp bái thành kính thực hiện nghi thức thành lễ theo lời xướng lễ của chủ tế.

Trong tiếng trống châu khi rộn ràng, khi trầm bổng của đội nhạc lễ, trong tiếng đàn đáy thánh thót đỡ nhịp cho các bài hát giá hầu ngọt ngào của các cung văn; các cô thanh đồng say sưa hóa thân diễn tả công đức của các thánh quan, các Mẫu Thượng Thiên... một cách sinh động. Con nhang đệ tử và dân chúng ngồi dự thành kính, khi nào lễ tan mới về.

#### *\* Chính lễ*

Từ sáng sớm ngày 26 âm lịch, dân làng và con nhang đệ tử tới hội tụ trước sân đền. Sau 3 hồi trống châu, thủ từ đền Sòng, các già làng và các bản hội làm lễ dâng hương bái kiến, thực hiện các nghi thức tế lễ. Chủ từ đền Sòng dâng hương, dâng sớ thỉnh cầu Thánh Mẫu ban ơn đức cho quốc thái dân an, nhân khang, vật thịnh.

Chúc văn được chủ tế và hai bồi tế hóa dâng một cách thành kính, sau đó lễ rước bóng Thánh Mẫu được cử hành. Linh vị và bát hương thờ Thánh Mẫu được cung kính rước từ chính cung qua cung đệ Nhị, đệ Tam, cuối cùng là công Tam quan và xung quanh đền. Việc rước này theo quan niệm của dân chúng là để cho Thánh Mẫu có thể quan sát lại cảnh vật, đất đai, sông núi xưa... Sau đó bà đồng rước bát hương Mẫu ba vòng quanh kiệu rồi cung kính đặt vào trong kiệu. Chiếc kiệu đặt bát hương Mẫu được cung kính rước ra đài lễ.

Đi đầu đám rước là ban nhạc gồm: đàn nhị, sáo, mõ, trống, bục... Ban thờ đủ vật phẩm chay mặn, đồ mã tư trang với nhiều màu sắc, tượng trưng cho xiêm y, khăn áo của Thánh Mẫu được các cô đồng thành kính khiêng nâng.

Trong không gian thiêng của đất trời Bim Sơn và không khí linh nghiêm của đền Sòng, Lễ rước bóng Thánh Mẫu và Hoàng đế Quang Trung lên Lầu Thánh được tổ chức một cách trang trọng. Đoàn rước kiệu Thánh Mẫu gồm 4 lống, 2 tán 2 bên và kiệu Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ có 18 nghĩa binh cầm giáo theo hầu, đội quy Phật, các bản hội cùng hàng ngàn tăng ni, phật tử, du khách thập phương từ khắp mọi miền cả nước nô nức đi theo lễ rước.

Khi kiệu rước bóng và kiệu ảnh Vua Quang Trung được đặt trên đài lễ, sau ba tiếng trống bát hương được rước từ kiệu Mẫu lên bàn thờ trên đài lễ.

Sau nghi thức dâng hương lên bàn thờ Thánh Mẫu, Trưởng Ban tổ chức lễ hội đã đọc diễn văn khai hội. Diễn văn đã nêu lên nguồn gốc huyền thoại về Thánh Mẫu Liễu Hạnh; khẳng định vị trí quan trọng của Mẫu - là một trong 4 vị thánh bất tử trong văn hóa tâm linh đối với người dân Việt Nam; đồng thời nêu bật những giá trị to lớn của sự kiện Hoàng Đế Quang Trung dừng chân tại Biện Sơn (nay là thị xã Bim Sơn) để tuyển mộ binh lính, để luyện tập nghĩa sỹ và để bàn kế sách trước khi tiến ra Bắc Hà giải phóng Thăng Long.

Sau diễn văn khai mạc là nghi thức tế lễ được tiến hành một cách tôn nghiêm nhằm thể hiện sự ngưỡng vọng của nhân dân đối với Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Tế lễ xong, ban tổ chức, chủ tế các bản hội và quần chúng nhân dân cùng cung kính rước kiệu Mẫu và kiệu ảnh Hoàng Đế Quang Trung lên đèo Ba Dội và đền Chín Giếng.

Lên đến đỉnh đèo Ba Dội vào lúc chính ngọ, đoàn rước hạ kiệu làm lễ dâng hương, hồi tưởng lại, chính nơi đây tiên Thánh đã hóa thành cô gái bán hàng xinh đẹp để giúp đỡ khách bộ hành và những học trò nghèo ra kinh đi thi. Sau đó đoàn quay về dâng hương tại đền Chín Giếng.

Chiều tà, đoàn rước trở lại đền Sòng. Các cô đồng nhảy múa và tung hoa xung quanh kiệu như đón mừng thánh Mẫu trở về đền. Đặc biệt, Lễ hầu đồng thường diễn ra từ những ngày đầu cho tới khi lễ hội kết thúc. Hầu đồng thường diễn ra ở sân ngoài trước cổng Tam Quan và các sập thờ ở trong đền, chủ yếu là dâng hương hoa, trà, rượu với mục đích ngưỡng vọng đến Mẫu và những người có công đối với Đền Sòng.

Chủ từ đền Sòng, các già làng, các vị chức sắc làm lễ yên vị và bái tạ Thánh Mẫu.

### ❖ Phân hội

Trong phần hội, các tiết mục nghệ thuật tập trung ca ngợi quyền năng, công đức của Phật Bà Quan Âm, tái hiện lại cội nguồn hình thành nên cộng đồng người Việt qua truyền thuyết Lạc Long - Âu Cơ. Đặc biệt, khắc hoạ hình tượng Thánh Mẫu Liễu Hạnh bao dung, độ lượng với dân lành, khuyến thiện trừ ác - là biểu tượng cho sức sống, khát vọng tự do, lòng nhân đạo và ý chí phá bỏ cường quyền của dân tộc Việt Nam. Phần hội cũng tái hiện lại không gian lịch sử năm 1789, khi Hoàng đế Quang Trung dừng chân tại Tam Điệp - Biện Sơn để chiêu mộ binh lính, tập kết quân lương, luyện tập nghĩa sĩ trước khi hành quân ra Thăng Long quét sạch 29 vạn quân Thanh xâm lược khỏi bờ cõi nước Nam.

Trong khuôn khổ các hoạt động lễ hội còn có nhiều hoạt động văn hóa truyền thống như giải cờ tướng, lễ hầu văn Thánh Mẫu...

Sau khi được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa, thắng cảnh Đền Sòng thuộc sự quản lí của Ban văn hóa thị xã Bỉm Sơn. Lễ hội Đền Sòng được thị xã đứng ra tổ chức quy củ hơn nhằm giảm bớt chi phí không cần thiết mà vẫn đảm bảo giá trị cổ xưa của nó.

Vậy là cứ mỗi độ tết đến xuân về, trăm hoa đua nở thì khách thập phương và nhân dân Bỉm Sơn lại nô nức hướng về ngày hội “rước bóng Đền Sòng”, thể hiện sự kính ngưỡng đối với vị Thánh đã có công phù trợ cho người dân có cuộc sống bình yên, thịnh vượng.

### **2.3. Vai trò, giá trị của lễ hội tỉnh Thanh Hóa**

Thanh Hóa vốn được mệnh danh là mảnh đất “địa linh nhân kiệt”. Truyền thống lịch sử văn hóa kinh tế từ đời này sang đời khác đã để lại những giá trị đậm tính nhân văn. Trong đó, hoạt động lễ hội là một phần không thể thiếu ở các trung tâm cộng đồng làng, xã. Những lễ hội này mang nhiều giá trị quan trọng đối với Thanh Hóa, không chỉ ở lĩnh vực văn hóa mà cả trên bình diện kinh tế, xã hội.

### **2.3.1. Đối với đời sống nhân dân**

Lễ hội chính là đời sống của con người hướng về cái cao cả thiêng liêng - chân, thiện, mỹ - cái mà con người ngưỡng mộ, ước vọng, tôn thờ, trong đó có niềm tin tôn giáo tín ngưỡng. Chính các yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng, các nghi lễ có trong lễ hội đã góp phần làm thỏa mãn nhu cầu về đời sống tâm linh của con người, đó là “cuộc đời thứ hai”, là trạng thái thăng hoa từ đời sống trần tục, hiện hữu.

Lễ hội đáp ứng nhu cầu về đời sống tinh thần của người dân Thanh Hóa, nhu cầu tìm kiếm sự giúp đỡ của thần thánh và các thế lực tự nhiên mà các cộng đồng dân cư, nhất là cư dân nông nghiệp cần đến. Lễ hội bao giờ cũng được tổ chức tại một không gian linh thiêng nhất định. Đó là đình, nơi các vị Thành hoàng sau khi nhận được sắc phong của nhà nước phong kiến đã chiếm một vị trí quan trọng giữa lòng dân làng xã. Qua bao thế hệ, Thành hoàng đã trở thành nơi hội tụ tinh thần của làng xã, là nơi gửi gắm niềm tin và hy vọng của mọi thành viên trong làng. Cho nên, mở lễ hội để thờ cúng Thành hoàng là nhu cầu cần thiết để cả làng được nhân an, vật thịnh, mùa màng tươi tốt. Người ta tin rằng, chỉ trong lễ hội với thời gian, không gian linh thiêng của nó, mọi lời cầu xin mới được “thiên hóa” vì có sự chứng giám của các vị thần linh. Người dân sẽ cảm thấy yên tâm hơn, tin tưởng hơn ở tương lai một khi họ đã chân thành cầu xin các vị thần linh. Vì thế, họ cần có lễ hội để thỏa mãn nhu cầu đó.

Vì vậy, lễ hội không chỉ là nơi gặp gỡ, vui chơi giữa các thành viên trong cộng đồng mà đây là dịp để con người gần gũi với các thần linh hơn. Nói khác đi, đây là dịp để con người trần tục có cơ hội tiếp xúc, gửi gắm niềm tin và hy vọng của mình vào các thế lực siêu hình, một chỗ dựa vững chắc cho tâm linh của họ. Đây chính là “miền đất thánh” mang lại sức mạnh cho con người để chống chọi và vượt qua mọi gian khó mà vươn tới những điều tốt đẹp của cuộc đời. Họ tin tưởng vào điều đó, có thể đời họ chưa đạt tới được, nhưng chắc chắn đời con, đời cháu họ sẽ đạt được. Do đó, lễ hội có chức năng khá quan trọng là nơi đáp ứng nhu cầu của đời sống tinh thần của mọi thành viên trong cộng đồng.

Đối với mỗi người dân Thanh Hóa, hàng năm cứ đến dịp lễ hội ai ai cũng háo hức, và nhớ về ngày hội của quê hương mình. Mọi người đều có ý thức



tham gia lễ hội để thờ cúng chư vị thần linh, tưởng nhớ những vị anh hùng dân tộc và để vui chơi giải trí. Lễ hội giúp con người hòa nhập vào thiên nhiên, gắn bó giữa các cá nhân với cộng đồng, mừng tượng về quá khứ cội nguồn để hướng tới những dự cảm trong tương lai và chính những điều này đã tạo nên tính cộng đồng trong lễ hội của địa phương. Tính cộng đồng của các lễ hội ở Thanh Hóa được bắt nguồn từ tình đoàn kết, gắn bó keo sơn của cộng đồng dân cư trong sự giao hòa và tự hòa nhập của mỗi cá nhân. Mỗi lần diễn ra lễ hội, toàn thể nhân dân trong vùng, mà cụ thể là nhân dân trong làng kể ít người nhiều tùy vào hoàn cảnh mà có sự đóng góp để góp phần giúp lễ hội tiến hành quy mô hơn, đặc biệt những lễ hội lớn như Lễ hội Lam Kinh luôn được sự quan tâm của người dân xứ Thanh và cả nước.

Có thể nói, lễ hội ở Thanh Hóa cũng như mọi vùng miền khác đã xóa nhòa mọi ranh giới giữa con người với nhau, kể cả ranh giới phân biệt giữa nam và nữ, giữa già với trẻ, giữa giàu với nghèo... Khi đến với hội, mọi người bị cuốn hút vào nhau, ràng buộc với nhau, gắn bó tình cảm cộng đồng với nhau. Chính vì thế, những cách biệt xã hội, những mâu thuẫn căng thẳng hay những xích mích ngày thường nhiều lúc đã được xóa nhòa trong lễ hội. Do đó, cộng đồng làng xã ngày càng gắn kết hơn, hòa đồng hơn và cùng nhau phát triển.

Bên cạnh đời sống tinh thần, lễ hội cũng có vai trò quan trọng đối với đời sống vật chất của người dân xứ Thanh. Lễ hội góp phần làm cho cuộc sống của người dân được cải thiện. Vào mùa hội những mặt hàng dịch vụ được tăng lên cao tạo điều kiện cho người dân xóa đói giảm nghèo, cải thiện thu nhập và nhiều hộ dân ở không ít địa phương đã giàu lên nhờ làm du lịch. Hơn nữa trong quá trình diễn ra lễ hội, việc trưng bày và giới thiệu các sản phẩm truyền thống của địa phương tới khách du lịch làm cho sản phẩm địa phương đó được quảng cáo, giới thiệu và biết đến ở nhiều vùng miền khác nhau. Đây là điều kiện tốt để kinh doanh, là cơ hội để đón nhiều đối tượng khách từ khắp nơi trong cả nước và trên thế giới, tăng doanh thu cho địa phương đó và góp phần thay đổi cuộc sống của người dân vùng có lễ hội.

### **2.3.2. Đối với du lịch tỉnh Thanh Hóa**

Lễ hội là loại kinh tế mở, nó vừa giới thiệu quảng bá được những chương trình du lịch hấp dẫn với du khách, tạo sự giao lưu đan xen giữa các vùng miền góp phần làm giàu cho kho tàng văn hóa, bản sắc dân tộc, tăng doanh thu cho các công ty du lịch, làm cho kinh tế đất nước phát triển. Thông qua hoạt động du lịch, lễ hội nhằm giới thiệu với du khách một cách khá sinh động hơn về đất và người Thanh Hóa trong quá khứ và hiện tại, giới thiệu những nét đặc trưng những giá trị văn hóa tín ngưỡng được thể hiện trong lễ hội như lễ hội Lam Kinh, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Đền Sòng... Đến với lễ hội, du khách được cộng hưởng niềm vui với cái vui của lễ hội, được hòa mình vào phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp, được chiêm ngưỡng những công trình kiến trúc lịch sử có giá trị. Du lịch lễ hội phát triển sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo tồn văn hóa của người dân địa phương và góp phần làm cho những nét đẹp trong văn hóa người Việt được gìn giữ và phát huy. Những yếu tố di sản văn hóa được khuyến khích trong du lịch sẽ là cơ sở phát triển du lịch bền vững và tạo điều kiện thu hút khách du lịch ngày càng đông.

Với sự phong phú của hệ thống lễ hội Thanh Hóa cùng với sự trải dài cả về không gian và thời gian của các lễ hội (ở hầu hết các xã trên địa bàn huyện, phân bố đều trong năm) đã tạo nên sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với du khách trong và ngoài nước. Lễ hội xứ Thanh là một tài nguyên vô giá đối với sự phát triển của du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Thanh Hóa nói riêng .

Lễ hội ở Thanh Hóa luôn được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, do đó quy mô các lễ hội ngày càng mở rộng hơn. Tiêu biểu là lễ hội Lam Kinh 2010 đã hòa chung trong không khí Đại lễ ngàn năm Thăng Long, lễ hội được tổ chức hoành tráng tại khu di tích Lam Kinh và còn biểu diễn tại đền Ngọc Sơn và Hồ Hoàn Kiếm Hà Nội. Vì vậy lễ hội Lam Kinh đã gây được tiếng vang lớn và thu hút được đông đảo du khách thập phương về dự hội.

Trong những năm gần đây, khi mà ngành du lịch của cả nước ngày càng phát triển mạnh, cùng với những chính sách đầu tư cho phát triển du lịch của nhà nước, các tài nguyên du lịch được tiến hành khai thác ngày càng có hiệu quả

hơn, và trong tương lai, với giá trị văn hóa truyền thống mà lễ hội ở Thanh Hóa lưu giữ sẽ là điều kiện để ngành du lịch của địa phương phát triển.

## **Tiểu kết chương 2**

Lễ hội bao gồm phần lễ và phần hội: phần lễ là để cho người dân bày tỏ lòng thành kính của mình với thần thánh, những người có công với dân tộc...; phần hội với đa dạng các loại hình nghệ thuật, các hình thức vui chơi nhằm ôn lại quá khứ hào hùng của dân tộc, đồng thời để thỏa mãn nhu cầu giải trí, thưởng thức sau một năm lao động vất vả của người dân. Đây là một trong những cách mà dân gian sử dụng để thỏa mãn đời sống văn hóa của mình. Do vậy, lễ hội mang đậm màu sắc tín ngưỡng rõ nét, là dịp dân làng bày tỏ lòng thành kính bằng các hình thức cúng tế, dâng lễ vật...

Ở Thanh Hóa, lễ hội phân bố đều ở các vùng miền đồng bằng, miền biển và miền núi. Nội dung chính bao trùm toàn bộ lễ hội ở xứ Thanh là hướng về cội nguồn, ca ngợi công đức các vị thần, những người có công với dân, với nước và cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đó là những nét đẹp văn hóa tâm linh, mang đậm tính nhân văn sâu sắc, cần được tiếp tục nghiên cứu, phát huy và sáng tạo thêm những giá trị mới nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của người dân.

Lễ hội xứ Thanh có nhiều đặc điểm tương đồng với các lễ hội ở vùng miền khác về mặt tổ chức, về nghi thức tế lễ và rước kiệu. Từng là kinh đô của nước Đại Việt, trải qua nhiều triều đại phong kiến, nổi tiếng là vùng đất hào khí anh hùng, điều đó đã tạo cho xứ Thanh có hệ thống lễ hội lịch sử và hệ thống trò diễn nổi trội. Vì vậy nghiên cứu, tìm hiểu lễ hội Thanh Hóa là một việc làm cần thiết trong đời sống hiện nay, qua đó thấy được giá trị của việc bảo tồn và phát triển lễ hội để đưa xứ Thanh sớm trở thành một trong những điểm du lịch về nguồn tiêu biểu, độc đáo, hấp dẫn. Đồng thời du lịch phát triển sẽ làm cho các lễ hội được tổ chức ngày càng có chất lượng hơn, thu hút được nhiều đối tượng tham gia hơn, góp phần duy trì và phát huy những giá trị văn hóa của địa phương.

## CHƯƠNG 3

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC LỄ HỘI Ở THANH HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

### 3.1. Thực trạng khai thác du lịch tại các lễ hội ở Thanh Hóa

#### 3.1.1. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

Để có thể phát triển được hoạt động du lịch thì cần có các cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật thuận lợi cho du khách. Do vậy tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm đến việc xây dựng, phát triển một hệ thống cơ sở vật chất, dịch vụ tốt, phù hợp tạo điều kiện cho du khách lưu lại lâu hơn để dự hội. Nhằm hướng đến mục tiêu trở thành địa bàn trọng điểm du lịch quốc gia vào năm 2015 và tổ chức thành công “Năm Du lịch quốc gia - Thanh Hóa 2015”, trong 5 năm từ 2011 - 2015, tỉnh Thanh Hóa sẽ dành 7.146 tỷ đồng để đầu tư phát triển du lịch. Trong đó vốn ngân sách nhà nước đảm bảo hơn 1,2 nghìn tỷ, vốn còn lại huy động từ các nguồn xã hội hóa khác [22]. Một trong những nội dung được chú trọng đầu tư từ nay đến năm 2015 là đầu tư vào cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ du lịch.

Trong dự án đầu tư cải thiện và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, các khu di tích lịch sử, đình, chùa, miếu, cổng làng... được quan tâm trùng tu, xây dựng và mở rộng quy mô để giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống của địa phương, đồng thời là điều kiện phát triển du lịch. Đặc biệt, các khu di tích quan trọng được tỉnh phê duyệt dự án trùng tu và cấp chi phí như khu di tích Lam Kinh, Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, khu di tích đền Bà Triệu... Với mục đích xây dựng khu di tích lịch sử Lam Kinh (xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân) trở thành trọng điểm du lịch ở xứ Thanh, hiện nay tỉnh Thanh Hóa đang gấp rút tiến hành dự án tu bổ, phục hồi, tôn tạo khu di tích này. Đây là dự án lớn mà tỉnh Thanh Hóa thực hiện với mong muốn khôi phục lại một Tây Kinh xưa, góp phần giữ gìn nét văn hóa truyền thống, kiến trúc độc đáo của Việt Nam thế kỷ thứ 15, đồng thời tri ân triều đại Hậu Lê đã có công dựng nước và giữ nước. Theo Ban quản lý di tích lịch sử Lam Kinh, năm 2011 là năm đầu tiên

trong lộ trình 5 năm (2011 - 2015) Thanh Hóa tiến hành phục hồi phòng dựng chính điện Lam Kinh - đây là hạng mục có quy mô to lớn và cũng là công trình quan trọng nhất trong khu di tích Lam Kinh. Với chức năng của chính điện Lam Kinh là nơi hành lễ, khu chính điện Lam Kinh sẽ được bảo tồn, phòng dựng trên cơ sở nền móng, chân tảng và thêm rộng còn lại với hình thức kiến trúc gỗ truyền thống thời Lê Trung hưng xuất lộ trên mặt đất, di chỉ kiến trúc thời Lê dưới lòng đất. Đặc biệt, bề mặt kết cấu gỗ khu chính điện sẽ được trang trí hình rồng và hoa lá thời Lê. Sau khi hoàn thành, đây sẽ là chính điện lớn nhất hiện có trên nước ta. Số tiền mà Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đầu tư bảo tồn và phòng dựng chính điện Lam Kinh là 114,8 tỷ đồng. Bên cạnh việc đầu tư trùng tu di tích thì cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng của khu di tích Lam Kinh cũng được quan tâm đầu tư. Theo “Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa số 2016/2002/QĐ-UBND” khu di tích được xây dựng với diện tích 103ha, được xây dựng trên phần đất phía nam, phân thành các khu chức năng như: Khu dịch vụ ở phía đông nam (công trình bur điện, hiệu sách, nhiếp ảnh, nhà nghỉ, cửa hàng, bãi đỗ xe...); khu công viên cây xanh có diện tích 7,5ha (là khu vui chơi giải trí, tập kết, tổ chức lễ hội và là vùng cây xanh đệm chuyên tiếp không gian giữa di tích và khu du lịch). [23]

Để phục vụ cho hoạt động du lịch được thuận tiện, tỉnh đã phát triển đồng bộ hệ thống giao thông đường bộ, bảo đảm tính liên hoàn, liên kết trong vùng và giữa các địa phương trong tỉnh. Trước hết, các tuyến đường tại khu di tích Lam Kinh đã được mở rộng và cải tạo bao gồm: tuyến đường 15A, 15B (từ cầu Mục Sơn tới nhà trung bày và đón tiếp); mở rộng mới tuyến đường từ trung tâm xã Xuân Lam tới bến ca nô (bờ sông Chu) và chạy dọc tuyến bờ sông về cầu Mục Sơn; bãi đỗ xe được xây dựng ở khu vực phía bắc đầu cầu Mục Sơn. Bên cạnh đó, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, thông tin liên lạc, cũng đang được chú trọng đầu tư và phát triển nhằm tạo điều kiện tốt nhất thu hút khách đến với Lam Kinh và tránh tình trạng ùn tắc trong mùa lễ hội.

Hơn nữa, nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trú của khách du lịch, toàn tỉnh đã có trên 500 cơ sở lưu trú với 11.500 phòng, trong đó 52 khách sạn được xếp hạng

sao với 2.510 phòng đạt chuẩn [15]. Điều đó cho thấy hệ thống các cơ sở lưu trú trên địa bàn toàn tỉnh trong những năm gần đây phát triển tương đối nhanh về quy mô, đồng thời chất lượng các dịch vụ kinh doanh cũng được cải thiện đáng kể. Để đẩy nhanh tốc độ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch, Thanh Hóa phấn đấu đến năm 2015, toàn tỉnh có trên 650 cơ sở lưu trú du lịch với 27.880 phòng nghỉ, trong đó có trên 130 khách sạn đạt hạng từ 1 đến 5 sao, với hơn 7.000 phòng. [15]

Ngoài ra, hệ thống giao thông nông thôn được bê tông hóa gần 100% trong các làng xã đã tạo không gian đẹp, thoáng, cũng là yếu tố giúp các lễ hội làng truyền thống được phát triển và được nâng lên tầm cao hơn.

Hệ thống thông tin liên lạc của tỉnh cũng được phát triển, đài phát thanh tỉnh phát đến tất cả các xã, ở mỗi xã cũng đều có hệ thống truyền thanh. Ngoài ra, các trang web của tỉnh cũng là kênh thông tin quan trọng nhằm giới thiệu về văn hóa, lịch sử, các danh nhân, các lễ hội, các món ăn đặc sản... của tỉnh Thanh Hóa như: <http://thanhhoa.gov.vn>; <http://baothanhhoa.vn>; <http://thanhhoacity.gov.vn>...

Tuy nhiên bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như việc triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch chậm, đầu tư dàn trải không tập trung cho các công trình trọng điểm nên chưa tạo ra được điểm đến du lịch hoàn chỉnh. Công tác tu bổ, tôn tạo di tích còn nhiều bất cập trong quy trình, thủ tục đầu tư, chậm đưa vào khai thác phát triển du lịch. Bên cạnh đó nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh chưa được đầu tư xây dựng nội dung tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch hấp dẫn du khách, chưa tạo ra được sự phong phú đa dạng các nét văn hóa đặc sắc tiêu biểu của các vùng miền, điểm du lịch; đồng thời chưa gắn du lịch với hoạt động tham quan, lễ hội, tâm linh, học hỏi nghiên cứu..., thu hút đông đảo khách du lịch các tỉnh ngoài và quốc tế.

### ***3.1.2. Hoạt động tổ chức quản lý lễ hội***

Hệ thống quản lý lễ hội trên địa bàn tỉnh được hoàn chỉnh từ trên xuống dưới, sự quản lý phụ thuộc vào quy mô của các lễ hội. Quản lý lễ hội được tổ chức từ cấp tỉnh đến huyện và làng xã; mỗi cấp có nhiệm vụ riêng của mình và cấp dưới chịu sự chỉ đạo của cấp trên.

Những lễ hội có quy mô cấp tỉnh thì chịu sự quản lý và tổ chức lễ hội của cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) như lễ hội Lam Kinh. Lễ hội Xuân Phá được xác định là lễ hội trọng tâm của huyện Thọ Xuân do Phòng Văn hóa thông tin, Thể thao huyện trực tiếp quản lý. Ngoài ra còn nhiều lễ hội làng dưới sự quản lý của cán bộ xã và hệ thống những người cao tuổi trong làng. Khi lễ hội diễn ra, trước đó một thời gian người ta lập ra ban quản lý lễ hội. Tại lễ hội Lam Kinh, ban quản lý của di tích đảm nhiệm luôn công tác quản lý, xử lý những tình huống bất ngờ xảy ra trong lễ hội. Tại lễ hội đền Sòng, ban quản lý lễ hội thành lập từ những cán bộ trong xã và những người lớn tuổi có kinh nghiệm trong làng. Với lễ hội Xuân Phá hay lễ hội Cầu Ngư, ban quản lý thành tập từ những người có uy tín trong làng và có nhiều năm kinh nghiệm tổ chức lễ hội. Đây chính là những lực lượng chịu trách nhiệm trực tiếp và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong lễ hội; đồng thời đảm bảo nội dung của các lễ hội đều hài hòa giữa phần lễ, phần hội và có sự kiểm duyệt, giám sát chặt chẽ.

Bên cạnh sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền thì nhân dân trong vùng cũng luôn luôn có ý thức bảo vệ tài sản và văn hóa công. Hệ thống di tích, đình làng, đền miếu... luôn được dọn sạch sẽ, phong quang và được quan tâm bảo vệ, không để bị xâm hại. Vào những ngày lễ hội, tất cả nhân dân trong làng, vùng đều có ý thức dọn dẹp và giữ gìn vệ sinh.

Như vậy, với sự quản lý chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, hệ thống di tích và lễ hội của tỉnh Thanh Hóa nhìn chung được vận hành một cách có trình tự.

Tuy nhiên, tại một số di tích và lễ hội do chính quyền địa phương và ban tổ chức lễ hội chưa kiểm tra, giám sát chặt chẽ nên vẫn để diễn ra tệ nạn cờ bạc trá hình dưới hình thức các trò chơi vui chơi có thưởng: chiếc nón kỳ diệu, ném thú bông, đánh cờ; các đối tượng hoạt động mê tín dị đoan vẫn lén lút hoạt động dưới dạng rút thẻ, bói bài...

Không những vậy, tình trạng lộn xộn, dễ xảy ra việc thất thoát trong quản lý tiền công đức vẫn thường xuyên diễn ra. Mục đích chính của tiền công đức và tiền giọt dầu là để góp phần lo sửa sang, trùng tu đền chùa, thêm kinh phí ủng hộ

cho những người phục vụ nơi đền chùa nhưng rất nhiều trong số đó đã rơi vào túi riêng của nhiều cá nhân. Thậm chí còn có nơi quản lý, sử dụng sai mục đích nguồn công đức ở các di tích lịch sử văn hóa bằng cách “khoán” cho đền, chùa tiền công đức nhưng số tiền khoán này lại chưa bằng một phần nhỏ số thực thu; hay có sự “thỏa thuận” ngầm trong phân chia nguồn thu công đức, tiền giọt dầu đã dẫn đến trong một số đền chùa có quá nhiều khay đựng tiền giọt dầu, hòm công đức; lợi dụng nguồn thu để trục lợi. Những điều này đã làm sai lệch bản chất tâm linh của đình, đền, chùa - những không gian thiêng, nơi tổ chức chính của các lễ hội.

Mặt khác, điều dễ nhận thấy ở các lễ hội là do sự quá tải về số lượng khách tham gia lễ hội nhưng khuôn viên của nhiều di tích, danh thắng, không gian tổ chức lễ hội có giới hạn và trên tất cả khả năng kiểm soát quản lý của ban tổ chức còn yếu kém nên thường xuyên dẫn đến tình trạng lộn xộn, xô đẩy, chen ép, gây ùn tắc giao thông.

Hơn nữa, văn hóa đi hội và ý thức trách nhiệm của du khách còn rất hạn chế: họ xả rác tùy tiện, đốt vàng mã nhiều và đốt sai vị trí bất chấp quy định hay hướng dẫn của ban tổ chức lễ hội; ý thức giữ gìn cảnh quan, môi trường, bảo vệ di sản văn hóa của du khách còn nhiều bất cập. Tình trạng này xảy ra là do công tác tuyên truyền vẫn chưa được thường xuyên, sâu rộng đến khách du lịch, đồng thời khâu kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm của du khách còn e dè, chưa nghiêm khắc, triệt để và chưa có các biện pháp xử lý thích hợp.

Bên cạnh đó, một bộ phận những người bán hàng, trông giữ xe tại các đền, chùa và lễ hội luôn có tâm lý muốn nâng giá, bắt chẹt khách thậm chí lừa đảo để kiếm lời cũng tạo nên sự phản cảm rất nhiều cho du khách thập phương về dự hội.

Các hiện tượng nói trên có nguyên nhân sâu xa là do sự buông lỏng trong quản lý lễ hội. Lễ hội là một hoạt động văn hóa tinh thần của nhân dân, do nhân dân tạo ra nhưng nếu không kịp thời định hướng và hướng dẫn đúng thì những yếu tố phản văn hóa sẽ có tác động ngược trở lại. Đây là nhiệm vụ không chỉ của riêng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch mà rất cần sự quan tâm phối hợp của chính



quyền các cấp, các lực lượng chức năng, các phương tiện thông tin đại chúng và đặc biệt của mỗi người dân khi tham gia một hoạt động văn hóa tâm linh.

Tuy vẫn còn nhiều bất cập nhưng với những gì đã làm được cũng là thành công bước đầu trong việc quản lý hệ thống lễ hội của tỉnh Thanh Hóa.

### **3.1.3. Hiệu quả kinh doanh du lịch lễ hội**

Thanh Hóa là một trong những địa phương có nhiều lễ hội liên quan đến di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, các phong tục tập quán có từ ngàn đời. Nhiều nơi đã và đang duy trì, phục dựng, phát huy kho tàng dân ca, nghi lễ, trò chơi, trò diễn dân gian với nhiều màu sắc trong các lễ hội. Vì vậy hàng năm, đến hẹn lại lên, vào những ngày diễn ra lễ hội nhân dân trong vùng và du khách thập phương lại nô nức kéo về tham gia lễ hội.

**Bảng thống kê lượng khách và doanh thu du lịch tỉnh Thanh Hóa**

Chỉ tiêu \ Năm	Lượng khách (triệu lượt khách)	Doanh thu (tỷ đồng)
2008	2.15	755
2009	2.5	910
2010	2.78	1.200
2011	3.3	1.530

*(Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Thanh Hóa)*

Năm 2008, một trong những loại hình mà du lịch Thanh Hóa tập trung phát triển là loại hình du lịch văn hóa - lịch sử. Thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, quảng bá khác nhau nhằm không ngừng nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư về vị trí, vai trò của du lịch đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với định hướng đó, năm 2008 du lịch Thanh Hóa đã đón 2.15 triệu lượt khách, tăng 23,2% so với năm 2007, trong đó khách du lịch quốc tế là 20.000 lượt, tăng 42,9% so với cùng kỳ. Khách quốc tế chủ yếu đến từ các nước và vùng lãnh thổ Châu Á như: Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Campuchia, Ấn Độ (đông nhất là khách Trung Quốc); các nước Châu Âu như: Tây Ban Nha, Thụy Điển, Anh, Pháp; các nước thuộc khu vực khác như: Mỹ, Australia, New Zealand, Canada. Doanh thu du lịch đạt 755 tỷ đồng. [24]

Sang năm 2009, với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ phát triển du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa đã tập trung tuyên truyền, quảng bá các hoạt động du lịch nhằm giới thiệu rộng rãi về các di tích lịch sử, danh thắng, các khu điểm du lịch, các sự kiện lớn, các lễ hội tiêu biểu để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước tham gia. Đồng thời, tỉnh đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch và văn hóa giao tiếp, ứng xử cho 1.571 lao động tại các cơ sở lưu trú du lịch và phục vụ du lịch; bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước về du lịch cho 100 đối tượng cán bộ, công viên chức làm công tác quản lý du lịch tại các địa phương. Do đó, năm 2009, toàn tỉnh đã đón được trên 2,5 triệu lượt khách, tăng 16,8% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế 19.600 lượt khách, tổng doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 910 tỷ đồng, tăng 20,5% so với cùng kỳ. [15]

Hòa chung với không khí lễ hội kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, trong năm 2010, tỉnh Thanh Hóa đã tập trung ưu tiên đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch, trong đó chú trọng đầu tư xây dựng các điểm dừng du lịch trên các tuyến du lịch quốc gia. Bên cạnh đó, khai thác có hiệu quả các công trình văn hóa và hạ tầng xã hội tại các trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố; đổi mới cách thức tổ chức các sự kiện và lễ hội theo hướng khai thác hoạt động cho du lịch, khuyến khích đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mới, độc đáo, kết hợp tạo sản phẩm du lịch tổng hợp có chất lượng cao. Năm 2010, hoạt động du lịch, lễ hội diễn ra sôi động; lượng khách đến tỉnh đạt 2,78 triệu lượt khách, tăng 10,8% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế tăng 44%; doanh thu dịch vụ du lịch đạt 1.200 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, vượt chỉ tiêu kế hoạch. [15]

Hoạt động du lịch tỉnh Thanh Hóa năm 2011 tuy còn gặp không ít khó khăn, nhưng ngành du lịch của tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp phát triển nên lượng du khách đến với tỉnh vẫn tăng. Toàn tỉnh đã đón 3,3 triệu lượt khách du lịch, tăng 12% so với năm 2010, trong đó khách quốc tế tăng 23%, doanh thu từ du lịch đạt 1.530 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. [15]

Trên đà phát triển đó, theo kế hoạch năm 2012, ngành du lịch tỉnh Thanh Hóa dự kiến lượng du khách đến Thanh Hóa có mức tăng trưởng cao hơn năm 2011, trong đó khách quốc tế tăng 24%, doanh thu tăng 30%. Chỉ trong 3 tháng

đầu năm 2012, mùa du lịch lễ hội, du lịch tỉnh Thanh Hóa đã đạt được những kết quả tích cực. Lượng khách du lịch đến Thanh Hóa tăng trưởng khá với tổng lượng khách gần 520 nghìn lượt tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2011; trong đó, lượng khách quốc tế là 11.900 lượt khách, tăng 24,9%; khách nội địa là 507.800 lượt khách tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2011. Doanh thu đạt khoảng 187,5 tỷ đồng tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2011. [16]

Bên cạnh những thành công chung, hiệu quả kinh doanh du lịch lễ hội ở Thanh Hóa cũng đã mang lại những kết quả đáng mừng. Ngay những ngày đầu xuân Nhâm Thìn 2012, không khí lễ hội trên địa bàn tỉnh đã diễn ra khá nhộn nhịp, rộn ràng, dòng người đổ về các lễ hội như: đền Sòng, đền Chín Giếng (Bim Sơn); Phủ Na (Nhu Thanh); đền Mai Am Tiêm (Nga Sơn); đền Độc Cước, đền Cô Tiên (Sâm Sơn)... cũng đông hơn. Theo thống kê của ban quản lý các di tích, bình quân mỗi ngày có từ 10.000 đến 15.000 lượt du khách; trong các ngày cao điểm từ 6 đến 9 âm lịch có từ 16.000 đến 18.000 lượt du khách/ngày. Đặc biệt ở di tích đền Sòng và đền Chín Giếng (Bim Sơn), riêng năm 2011, tổng thu của ban quản lý di tích đạt gần 9 tỷ đồng, trong đó nộp vào ngân sách Nhà nước hơn 8 tỷ đồng. [15]

Lễ hội Xuân Phả (Thọ Xuân), với đặc trưng riêng là một nghệ thuật múa dân gian độc nhất chỉ có ở Thọ Xuân, do đó lễ hội luôn có sự quan tâm chú ý của nhân dân trong vùng và du khách. Hàng năm, khi lễ hội diễn ra, hàng nghìn người từ khắp nơi trong vùng kéo đến xem hội và năm sau bao giờ cũng rộn ràng hơn năm trước.

Lễ hội Cầu Ngư truyền thống năm 2012 (Hậu Lộc) cũng đã thu hút hàng ngàn ngư dân và du khách đến tham gia để cầu mong cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, trời yên biển lặng, đánh bắt được nhiều hải sản từ biển khơi và cầu được bình an cho người, phương tiện trong mỗi chuyến ra khơi; đồng thời thể hiện lòng tôn kính đối với những người đã tạo dựng nên nghề chài lưới, mang lại ấm no, hạnh phúc cho bà con ngư dân trong vùng.

Với lễ hội Lam Kinh, theo thống kê của ban tổ chức, trong 3 ngày từ ngày 18 - 20/9, lễ hội Lam Kinh năm 2011 thu hút khoảng trên 2 vạn lượt người

đến thăm quan, dâng hương tưởng niệm. Lễ hội Lam Kinh là dịp để thế hệ hôm nay ôn lại truyền thống hào hùng của dân tộc, khắc ghi công lao to lớn của các vị anh hùng dân tộc, đặc biệt là Đức Thái Tổ cao Hoàng đế Lê Lợi.

Để góp phần đạt mục tiêu trong năm 2012, hiện nay Hiệp hội Du lịch Thanh Hóa đang tích cực triển khai công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, mở rộng thị trường, phối hợp với Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch Thanh Hóa... mở các lớp đào tạo chuyên sâu về nghề du lịch và tuyển dụng các sinh viên vừa tốt nghiệp để bổ sung nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp làm dịch vụ kinh doanh du lịch trong tỉnh; đồng thời có các giải pháp khắc phục, hạn chế những yếu kém để du lịch Thanh Hóa phát triển nhanh, mạnh.

Kết quả trên cho thấy lượng khách và doanh thu từ du lịch ở Thanh Hóa ngày một tăng, do tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch, có cơ chế, chính sách huy động và quản lý các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, từ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế vào các dự án phát triển du lịch, quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Đặc biệt, tỉnh đã chú trọng quan tâm đến việc nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo tồn, khôi phục và phát huy giá trị truyền thống của các lễ hội ở xứ Thanh, làm trong sạch môi trường xã hội... tạo điều kiện phát triển du lịch lễ hội - một trong những thế mạnh của du lịch tỉnh Thanh Hóa.

Với những kết quả đã đạt được, cùng với sự đầu tư của các cấp lãnh đạo tỉnh, địa phương và sự nỗ lực của các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch đã và đang thiết thực chuẩn bị những điều kiện tốt nhất để khai thác một cách có hiệu quả hơn nữa các tiềm năng du lịch của tỉnh nói chung và tiềm năng du lịch lễ hội nói riêng.

Tuy nhiên, có một thực trạng là hiện nay khách đến tham dự lễ hội thời gian lưu trú ngắn, nguyên nhân của tình trạng này là do các dịch vụ vui chơi giải trí, các hoạt động ngoài lễ hội chưa thu hút được du khách. Đây là một vấn đề mà ngành du lịch của tỉnh cần quan tâm để kéo dài thời gian lưu trú của khách, tăng doanh thu du lịch. Hơn nữa, tốc độ tăng trưởng về lượng khách tuy tăng

nhanh so với cùng kỳ nhưng không bền vững, do hoạt động tuyên truyền, thông tin về các lễ hội cho du khách chưa thực sự mang lại hiệu quả cao; đồng thời các đơn vị lữ hành chưa chú trọng khai thác các sản phẩm du lịch văn hóa nói chung và du lịch lễ hội nói riêng mà chỉ tập chung vào khai thác các tài nguyên du lịch tự nhiên như biển, vườn quốc gia... Hình ảnh và sản phẩm du lịch Thanh Hóa còn đơn điệu, phát triển ở mức thấp, chưa phát huy được tiềm năng đặc thù của tỉnh.

Tóm lại, có thể nói, lượng khách du lịch đến lễ hội xứ Thanh tuy năm sau có cao hơn năm trước nhưng kết quả đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng du lịch nhân văn sẵn có ở Thanh Hóa với hơn 160 lễ hội đặc sắc, mang đậm văn hóa vùng miền. Do đó, cần có những biện pháp để thu hút khách du lịch nhằm giới thiệu, phát huy nét văn hóa của đất và người nơi đây, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch lễ hội, góp phần vào sự phát triển của địa phương.

## **3.2. Giải pháp nâng cao giá trị của lễ hội**

### **3.2.1. Giải pháp nâng cao công tác tổ chức quản lý**

#### **3.2.1.1. Đối với chính quyền địa phương**

Chính quyền địa phương cần có giải pháp quan tâm đầu tư hơn nữa trong việc nâng cao chất lượng và sức hấp dẫn của lễ hội để không chỉ thu hút nhân dân trong vùng mà cả nhân dân ở những địa phương khác, cũng như khách du lịch trong nước và du khách nước ngoài. Việc nâng cao sức hấp dẫn của lễ hội cần tiến hành song song với quá trình giữ gìn và bảo tồn truyền thống văn hóa được thể hiện trong lễ hội, coi đó là nhân tố quan trọng và là kho tàng bảo lưu truyền thống dân tộc một cách hiệu quả nhất.

Để lễ hội phản ánh đúng bản chất tốt đẹp truyền thống, thì chính quyền địa phương cần đổi mới phương thức tổ chức, lập kế hoạch chi tiết cho từng lễ hội, lấy yếu tố truyền tải nét văn hóa riêng biệt của địa phương, thực hành trung thực, sinh động phong tục, tập quán truyền thống nhằm gây ấn tượng cho những người tham gia lễ hội.

Chính quyền địa phương chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo công an phối hợp với các lực lượng chức năng khác tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công

cộng tại những nơi diễn ra lễ hội. Đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh bảo vệ sử dụng phát huy di tích lịch sử của Nhà nước ban hành, không để xảy ra xâm phạm đối với các lễ hội; cùng với công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, phải xử lý nghiêm theo luật pháp những trường hợp vi phạm.

Với đường lối giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chính quyền địa phương cần tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Văn hóa Thông tin và các ngành chức năng để lập quy hoạch tổng thể, tiến hành đầu tư tôn tạo, tu bổ các quần thể di tích lịch sử, không gian linh thiêng của lễ hội nhằm thu hút khách du lịch và phát triển du lịch lễ hội. Việc kết hợp với các cơ quan văn hóa, với các doanh nghiệp du lịch để xây dựng các tour du lịch hợp lý, du lịch lễ hội hấp dẫn, mang tính tâm linh, gợi lòng tự tôn dân tộc nhớ tới cội nguồn cũng là một việc cấp thiết. Bên cạnh đó cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo việc đi lại thăm quan lễ hội và các điểm du lịch khác. Công tác vệ sinh môi trường, việc tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa và dịch vụ, đảm bảo đa dạng nhu cầu cho khách tham quan lễ hội cũng cần chú trọng để từ đó góp phần phát triển kinh tế du lịch mạnh mẽ ở Thanh Hóa.

Mặt khác, để đảm bảo an ninh trật tự cho các khu vực lễ hội, chính quyền và ban tổ chức lễ hội cũng cần tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế của nhà nước để ngăn chặn, xử lý các hoạt động lợi dụng lễ hội để thực hiện hoạt động đồng bóng, bói toán, mê tín dị đoan, các biểu hiện thương mại hóa lễ hội bằng việc đặt hòm công đức tùy tiện, các khoản thu phí không hợp lý, trái với quy định... Đồng thời cũng là để bảo vệ và phát huy nét văn hóa đặc trưng của địa phương cũng như giữ gìn an ninh trật tự, phục vụ nhân dân, du khách tham gia lễ hội an toàn, lành mạnh.

### *3.2.1.2. Đối với Ban quản lý lễ hội*

Nhằm nâng cao chất lượng lễ hội, đồng thời để lễ hội thật sự trở thành một hoạt động văn hóa có ý nghĩa, từng bước thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa và nhu cầu tâm linh của du khách đến văn cảnh và dâng hương, Ban quản lý lễ hội các cấp cần chú trọng đến việc nghiên cứu, xây dựng các chương trình lễ

hội thật khoa học, hợp lý giữa phần lễ và phần hội, kết hợp khéo léo giữa việc giữ gìn bản sắc văn hóa riêng của địa phương với việc thỏa mãn nhu cầu tâm linh của người dân; nghiên cứu tìm biện pháp duy trì không khí vui hội để nó không chỉ bó hẹp trong vài ngày chính hội mà còn kéo dài nhiều ngày sau. Để làm được điều này một mặt ban tổ chức lễ hội cần tạo ra và duy trì được những ấn tượng tốt của khách về dự lễ hội, mặt khác cần chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót trong việc tổ chức đón tiếp khách thập phương, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tham dự hội. Bên cạnh đó, Ban quản lý cần xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức lễ hội, có phương án xử lý tình huống, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường. Không những vậy, việc tổ chức đấu thầu dịch vụ công khai, minh bạch, quy định mức giá dịch vụ rõ ràng; đồng thời tổ chức đoàn kiểm tra giám sát việc thực thi của các cơ sở kinh doanh cũng là việc làm cấp thiết hiện nay. Để lễ hội xứ Thanh ngày càng có quy mô và hoàn thiện hơn, thì bản thân những người tham gia và lãnh đạo quản lý lễ hội cần khắc phục những mặt tồn tại, phát huy những văn hóa tốt đẹp để tạo lòng tin đối với du khách trong và ngoài nước.

Trước hết, Ban quản lý lễ hội cần phải quy hoạch không gian tổ chức phần lễ và phần hội nhằm tăng cường hoạt động đảm bảo an ninh trong lễ hội, tránh tình trạng chen chúc xô đẩy nhau trong hội, tình trạng ùn tắc tại một số địa điểm khi tiến hành rước và hành lễ. Bên cạnh khu vực trung tâm, khu vực xung quanh cũng cần được quy hoạch cụ thể, rõ ràng: giải tỏa lều quán lấn chiếm, sắp xếp hàng quán khoa học, gọn gàng; xây dựng các bến bãi đỗ xe, tổ chức trông giữ phương tiện cho khách, phân bố bố trí hàng quán ẩm thực, các khu vui chơi phải hợp lý, tránh để tràn lan bừa bãi xâm lấn vào không gian thiêng của hội.

Ban quản lý cần tăng cường hơn nữa việc phối kết hợp thực hiện với chính quyền địa phương và lực lượng công an thực hiện công tác giữ gìn an ninh trật tự và trực tiếp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong lễ hội; đồng thời xây dựng thêm đội tình nguyện của địa phương tham gia giữ gìn an ninh, dọn dẹp vệ sinh môi trường. Hơn nữa, để tăng cường công tác tổ chức quản lý lễ hội cần chủ động làm tốt công tác phân luồng, chia tuyến để tránh nạn ùn tắc, đảm bảo giao thông, trật tự an toàn xã hội tại các khu vực đền, chùa và lễ hội.

Công tác tổ chức lễ hội, thanh trừ tệ nạn sẽ chỉ thật sự có hiệu quả khi có sự chủ động phối hợp chặt chẽ giữa Ban quản lý lễ hội với các cơ quan chức năng để xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức, phòng ngừa phát sinh một cách văn hóa và khoa học. Các lễ hội cần được phân cấp quản lý, phân cấp tổ chức để khâu chuẩn bị bảo đảm được yếu tố bài bản. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, xử phạt cũng cần được tiến hành nghiêm minh, quyết liệt bằng những điều khoản xử phạt dứt khoát, rõ ràng với cả những người vi phạm và cả những người thi hành công vụ thiếu trách nhiệm.

Song, để lễ hội thật sự có ý nghĩa, trách nhiệm lớn còn thuộc về những người tham gia lễ hội. Vì thế, công tác tuyên truyền, quảng bá để giới thiệu mục đích đúng đắn của lễ hội, để nâng cao hiểu biết, nhận thức về tính văn hóa của lễ hội và việc thực hiện hành vi văn hóa khi tham gia cùng ý thức tự giác, tránh xa tệ nạn của người dân cần được tiến hành sâu, rộng, mạnh mẽ tới tất cả các tầng lớp nhân dân. Ban quản lý các lễ hội có thể áp dụng mô hình xây dựng một đội ngũ hướng dẫn viên, nhân viên phục vụ nhiệt tình, có chuyên môn và năng lực xuất thân từ chính những người dân địa phương. Những người này sẽ giúp việc tổ chức tốt lễ hội theo đúng chương trình đã xây dựng, thực hiện tốt công việc đón tiếp khách về lễ hội, hướng dẫn khách tham quan, văn cảnh, dâng hương tận tình chu đáo; đồng thời giúp cho du khách hiểu rõ thêm những giá trị văn hóa, những nét đẹp của lễ hội và các di tích gắn liền với lễ hội.

Với mục đích nhằm tạo sức hấp dẫn cho lễ hội thì hoạt động quảng cáo, tuyên truyền về lễ hội cũng cần được Ban quản lý các lễ hội chú trọng thực hiện. Việc tuyên truyền có thể tiến hành thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, truyền hình, mạng internet... Đồng thời cũng cần thực hiện công việc này ngay tại lễ hội thông qua những bảng lược thuật lịch sử, sự tích của di tích và lễ hội, những tờ gấp, tập sách mỏng..., góp phần giúp cho mọi người hiểu thêm, hiểu rõ về lễ hội. Bên cạnh đó phải thường xuyên tổ chức các cuộc tọa đàm, đối thoại giữa các nhà quản lý với các nhà nghiên cứu văn hóa và người dân trực tiếp tham gia hoạt động lễ hội để thống nhất đánh giá tình hình hoạt động lễ hội, từ đó có biện pháp xử lý các vấn đề nảy sinh trong quản lý và tổ chức lễ hội.



### **3.2.2. Giải pháp bảo tồn, khôi phục và phát huy các giá trị của lễ hội**

#### **3.2.2.1. Đầu tư, trùng tu các di tích gắn với lễ hội**

Thanh Hóa có 1.535 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 700 di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng (với 141 di tích cấp quốc gia, 559 di tích cấp tỉnh) [15]. Những di tích nơi đây như một chứng tích thời gian, minh chứng cho lịch sử phát triển lâu đời về tâm linh, tín ngưỡng người Việt nói chung và vùng đất Thanh Hóa nói riêng, gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của người dân qua nhiều thế hệ. Mặt khác, du lịch lễ hội luôn gắn liền với các di tích lịch sử văn hóa, nó đan xen nhau và không thể tách rời. Di tích chính là không gian tổ chức phần lớn các hoạt động của lễ hội. Vì vậy, việc đầu tư, trùng tu di tích cần có chọn lọc, đặc biệt những di tích có lễ hội tiêu biểu của tỉnh cần được quan tâm trùng tu trước tiên.

Việc trùng tu các di tích phải giữ được nguyên vốn giá trị ban đầu của nó. Việc cần làm trước tiên là phải xác định vành đai các khu di tích, các công trình bảo vệ, đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, tôn tạo cảnh quan môi trường, cùng với việc tu bổ, tôn tạo các công trình bên trong khu di tích. Bên cạnh đó, cần hạn chế đến mức thấp nhất việc bê tông hóa các di tích (chỉ bê tông hóa đường đi và những khu vực cần thiết khác). Để việc đầu tư trùng tu di tích trên địa bàn tỉnh hợp lý, tránh được những sai sót, trước hết cần đặt ra một hệ thống quy trình chuẩn mực về trùng tu di tích, trong đó các tiêu chuẩn về vật liệu, phương pháp thi công và tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm trùng tu phải được xác định trên cơ sở các tiêu chí khoa học, kỹ thuật. Có như vậy, công tác bảo tồn và trùng tu di tích mới vươn tới các chuẩn mực quốc tế và bảo đảm về ý nghĩa bảo tồn tính chân thực, chính xác trong trùng tu di tích.

Ban quản lý các di tích cần có chính sách thu hút và đa dạng hóa các nguồn vốn cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa - lễ hội đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Các nguồn vốn có thể huy động từ: ngân sách của địa phương, doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước (doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp kinh doanh...), các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài tỉnh, sự đóng góp của các nhà hảo tâm, của nhân dân công đức và từ nguồn thu

lệ phí tham quan. Đối với mỗi di tích tiến hành trùng tu theo đúng kế hoạch như khu di tích Lam Kinh thì tiếp tục trùng tu theo dự án, đầu tư vốn để trùng tu, hoàn thiện không gian tổ chức lễ hội...

Bên cạnh đó để bảo vệ các cây cổ, diềm khảo cổ, tượng cổ nên làm rào chắn; đồng thời có sự quản lý để tránh mất trộm tượng, sắc phong; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm, lấn chiếm di tích; nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch chi tiết các di tích để phục vụ cho hoạt động du lịch.

Trong các di tích nên hạn chế việc đốt hương vì khói hương nhiều có thể ảnh hưởng đến việc chiêm ngưỡng vẻ đẹp của di tích và làm cay mắt du khách. Ban quản lý di tích có thể đặt một bát hương to trước cửa các di tích và ghi “du khách vui lòng thắp hương tại đây”. Điều này vừa có thể khắc phục được tình trạng trên lại vừa thỏa mãn được nhu cầu tâm linh của khách du lịch. Bên cạnh đó tại các di tích cũng cần được đặt thêm các thùng rác để bảo vệ môi trường.

Như vậy, việc đầu tư, trùng tu, tôn tạo các di tích, đặc biệt là các di tích gắn với lễ hội phải đảm bảo phát triển bền vững nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa cho thế hệ mai sau và cho hoạt động du lịch.

#### *3.2.2.2. Đưa cộng đồng trở thành chủ thể của lễ hội*

Hiện nay, những khuôn mẫu lễ hội được tổ chức theo kiểu sân khấu hóa được thường xuyên truyền hình trực tiếp trên vô tuyến truyền hình đã ảnh hưởng mạnh đến tư duy của các cán bộ quản lý văn hóa ở các tỉnh thành trong cả nước. Họ thường đưa các lực lượng văn công chuyên nghiệp xuống và trình diễn cho người dân xem. Hậu quả tiêu cực nhất mà cách làm lễ hội này mang lại là biến người dân vốn là chủ thể của lễ hội thành những người khán giả đơn thuần. Điều này đi ngược lại với nguyên lý bảo tồn di sản: Di sản văn hóa phải được bảo tồn sống trong lòng các cộng đồng.

Do đó, để tránh xu hướng làm lễ hội theo cách sân khấu hóa; đồng thời để người dân địa phương tham gia vào lễ hội như là chủ thể, trong quá trình tổ chức lễ hội, Ban tổ chức lễ hội không nên áp đặt ý chí chủ quan của mình vào cộng đồng. Từ xây dựng kịch bản tổng thể đến kịch bản chi tiết ở từng nghi thức, diễn xướng của lễ hội, từ phân công thực hiện đến luyện tập, Ban tổ chức lễ hội phải

luôn thảo luận cùng với lãnh đạo địa phương và những người đại diện cho cộng đồng dân cư. Nếu điều này làm tốt sẽ tạo được lòng tự hào của người dân về lễ hội mà họ đã góp công góp sức xây dựng nên. Đó cũng chính là sức mạnh tinh thần để lễ hội sống trong lòng cộng đồng.

Hơn nữa, cần khuyến khích sự tham gia của nhân dân về vật chất cũng như sức sáng tạo văn hóa, văn nghệ quần chúng vào hoạt động lễ hội, nâng cao trình độ và hiểu biết của nhân dân về lễ hội, bởi mục đích cuối cùng của việc tổ chức lễ hội cũng là để phục vụ cho nhân dân, vì nhân dân, do nhân dân thực hiện và sáng tạo. Lễ hội là loại hình dễ xã hội hóa nhất. Mục đích của xã hội hóa lễ hội là nhằm động viên sức người sức của của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội, từ thiện. Thực tế cho thấy ở các lễ hội, kinh phí phần lớn do nhân dân đóng góp và khách thập phương tự nguyện ủng hộ bằng hình thức công đức. Tuy nhiên phải đề phòng việc thái quá trong khi xã hội hóa bởi dễ dẫn đến tư nhân hóa các hoạt động lễ hội dẫn đến tình trạng buông lỏng quản lý. Hậu quả là việc gia đình, dòng họ bày vẽ rườm rà, tùy tiện, kéo dài lễ hội, đặt hòm công đức tràn lan để thu tiền của khách; từ đó nảy sinh nhiều phức tạp, mất trật tự an ninh, không đảm bảo cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp tại lễ hội và làm biến mất ý nghĩa thiêng liêng của lễ hội.

Vì vậy, cần coi trọng xã hội hóa trong hoạt động lễ hội; đồng thời làm tốt công tác tư tưởng để các cấp chính quyền và nhân dân nhận thức đúng đắn, đầy đủ việc xã hội hóa các hoạt động văn hóa; nêu cao vai trò tự chủ của nhân dân, tạo không khí cởi mở, dân chủ trong tổ chức lễ hội. Bên cạnh đó, việc tổ chức lễ hội phải phù hợp với yêu cầu và khả năng thực tế của địa phương; khai thác nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, đóng góp cho việc giữ gìn di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể liên quan đến lễ hội; tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, kể cả kiều bào ở nước ngoài đầu tư tôn tạo các di tích và tham gia hoạt động tổ chức lễ hội để hướng đồng bào về với nguồn cội, tổ tiên; sử dụng nguồn thu từ lễ hội đúng mục đích, phục vụ tốt công tác bảo tồn di tích và hoạt động lễ hội.

### *3.2.2.3. Khôi phục và giữ gìn những giá trị truyền thống của lễ hội*

Do điều kiện lịch sử, cụ thể là trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp và chống Mỹ, một thời kỳ dài tại nhiều địa phương trên cả nước, việc tổ chức lễ hội truyền thống bị lãng quên, nhiều lễ hội bị rơi vào lãng quên hoặc mai một dần, một số di tích bị hư hỏng. Tuy nhiên, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, trong những năm qua, ngành Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa luôn quan tâm xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Sự đa dạng của quần thể di tích trên địa bàn tỉnh đã tạo nên hệ thống lễ hội phong phú, mỗi lễ hội đều giữ gìn nét lịch sử và bản sắc riêng gắn liền với tín ngưỡng, tôn giáo của từng địa phương. Điều đó đã tạo nên sự phong phú của lễ hội ở xứ Thanh, đó vừa là nét đẹp văn hóa dân tộc nhưng cũng vừa là một trong những sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Từ đó tạo tiền đề để lễ hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được phục hồi và phát triển. Sự phục hồi và phát triển này có mấy nguyên nhân cơ bản: thứ nhất là do quan điểm của Đảng ta về gìn giữ, bảo lưu, phát huy giá trị truyền thống trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thứ hai do đời sống người dân ngày càng được cải thiện và nhu cầu văn hóa của nhân dân cũng ngày một nâng cao; bên cạnh đó, việc cấp bằng công nhận di tích cho một số di tích lịch sử của Nhà nước cũng khuyến khích lễ hội phát triển.

Việc khôi phục và giữ gìn những giá trị truyền thống của lễ hội nhằm giới thiệu, quảng bá đến nhân dân, khách thập phương trong và ngoài tỉnh biết được giá trị lịch sử văn hóa truyền thống của Thanh Hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thương mại, dịch vụ và du lịch của tỉnh. Không những vậy, việc làm này còn có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của nhân dân địa phương. Do đó cần đề cao giá trị của hoạt động lễ hội trong đời sống tinh thần của người dân, nâng cao ý thức của họ trong việc khôi phục và giữ gìn các hoạt động này. Một số lễ hội, trò chơi, trò diễn xứ Thanh đã được sưu tầm, nghiên cứu và phục dựng thành công mà tiêu biểu là Hội làng Xuân Phả. Việc bảo tồn, phát huy và phát triển vốn văn hóa truyền thống xứ Thanh đã khơi dậy khả năng

tiềm tàng trong quần chúng và thể hiện rõ nét trong phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng bản, thôn xóm, khu phố, khối phố văn hóa. Những hoạt động đó đã tạo nên sự giao thoa, làm phong phú thêm vốn văn hóa từng vùng miền trên mảnh đất xứ Thanh. Để làm được điều đó cần có những biện pháp, cách thức bảo tồn cụ thể, tích cực.

Thanh Hóa là mảnh đất có bề dày lịch sử và mang trong mình số lượng lễ hội rất phong phú và đa dạng. Do đó, việc nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng lại những giá trị truyền thống của lễ hội qua các trò chơi, trò diễn, tích diễn, phong tục, các hành vi tín ngưỡng, tôn giáo... là hết sức cần thiết. Vì vậy, nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống, tỉnh Thanh Hóa cần tiến hành lập dự án nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng lại những giá trị truyền thống của lễ hội. Từ đó triển khai thực hiện để từng bước khôi phục, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống. Công việc bảo tồn, giữ gìn những giá trị truyền thống của các lễ hội đòi hỏi phải có sự tham gia của cộng đồng. Biện pháp có hiệu quả nhất là phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng - chủ thể văn hóa, bởi chính cộng đồng là người chỉ ra điều gì là của mình và điều gì cần phải làm. Cộng đồng là lực lượng quan trọng, góp phần vào việc khôi phục lại những giá trị truyền thống trên mảnh đất có bề dày lịch sử văn hóa này. Bên cạnh đó, các nhà khoa học, các nhà quản lý đóng vai trò định hướng, trợ giúp trong việc đảm bảo tính khoa học, tính thống nhất và tính bền vững của các dự án nghiên cứu, phục dựng. Ngoài ra, để đảm bảo tính khả thi của các dự án, bên cạnh việc đầu tư kinh phí cho các hoạt động phục dựng và phát huy những giá trị truyền thống của lễ hội bằng nguồn kinh phí của Nhà nước, tỉnh Thanh Hóa nhất thiết phải mở rộng các hình thức xã hội hóa để mọi người dân, mọi tổ chức xã hội có thể tham gia vào hoạt động bảo tồn này.

Bên cạnh đó, việc tổ chức lễ hội truyền thống phải tiến hành đúng quy định của Nhà nước và phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đồng thời phát huy vai trò chủ thể, năng lực sáng tạo của nhân dân. Chủ đề của lễ hội phải mang tính tư tưởng sâu sắc, nội dung nghệ thuật phù hợp, cô đọng và xúc tích, hình thức thể hiện sinh động, tránh phô trương lãng phí. Kịch bản tổ chức

lễ hội phù hợp, định hình các nghi thức lễ và hoạt động hội gắn với chủ đề riêng của lễ hội truyền thống; tổ chức trò chơi, hoạt động trong phần hội phải phù hợp với tính chất của phần lễ. Các chương trình phục vụ lễ hội phải có sự tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng, có kế hoạch chi tiết, cụ thể. Tổ chức lễ hội trang trọng, lành mạnh, tiết kiệm, gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc, khuyến khích các trò chơi dân gian truyền thống, tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng lành mạnh. Do đó, cần phân biệt được phần nào của lễ hội thực sự là cần thiết thì phải giữ cho được, vì nếu không sẽ làm nghèo đi đời sống văn hóa tinh thần, người dân sẽ tự bỏ đi vốn quý của cha ông. Ngược lại những gì vay mượn từ các lễ hội khác và mang tính chất xô bồ, hỗn tạp thì nên lược bỏ, bởi mỗi vùng miền đều có những nét văn hóa khác nhau, đó là bản sắc, là nét riêng của mỗi cộng đồng. Vì thế giúp người dân nhận thức được những giá trị tinh thần của lễ hội mà họ đang có sẽ tác động tích cực đến việc bảo tồn những giá trị truyền thống trong các lễ hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Không những vậy, quá trình nghiên cứu, phục dựng các giá trị truyền thống của lễ hội cần phải được ghi chép, quay phim, chụp ảnh lại làm tư liệu lưu trữ; mặt khác để duy trì, bảo tồn những lễ hội đang có nguy cơ bị mai một. Sau đó, cần biên soạn, xuất bản các công trình nghiên cứu, sưu tầm, làm đĩa hình về lễ hội để đến được sâu rộng với nhiều người; đồng thời làm tài liệu nghiên cứu để bảo tồn và lưu giữ lâu dài. Sau này, nếu cần phục dựng có thể dựa vào những tư liệu đã có, căn cứ vào sách vở đã ghi chép để phục hồi lại. Do đó việc sưu tầm, nghiên cứu, ghi chép những giá trị truyền thống của lễ hội truyền thống đóng vai trò vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, bảo tồn không có nghĩa là chỉ lưu giữ lại bằng các hình thức xuất bản các ấn phẩm, băng hình, trưng bày ở bảo tàng, sân khấu hóa các loại hình nghệ thuật truyền thống mà điều quan trọng là phải bảo tồn như thế nào, có được lưu giữ trong cộng đồng hay không? Việc tạo cho lễ hội môi trường sống là cách kiểm định tốt nhất để chứng tỏ hiệu quả của công tác khôi phục, bảo tồn những giá trị truyền thống của lễ hội. Nguyên tắc này còn gọi là bảo tồn sống, tức là bảo tồn ngay chính trong đời sống cộng đồng;

bởi cộng đồng là môi trường sản sinh, là nơi nuôi dưỡng và làm phong phú các lễ hội trong đời sống.

Vì vậy, để khôi phục và giữ gìn giá trị đích thực cho lễ hội, các cấp quản lý, nhất là chính quyền địa phương cần có sự phối hợp chặt chẽ, khai thác những giá trị văn hóa truyền thống, vận dụng phù hợp để mọi người đến với lễ hội vừa thỏa mãn nhu cầu tâm linh, vừa được vui chơi thoải mái, không bị chi phối bởi sự tác động tiêu cực, làm mất đi những giá trị truyền thống tốt đẹp vốn có của lễ hội. Việc tổ chức lễ hội hàng năm và khôi phục lại những phong tục, nghi lễ, trò chơi, trò diễn... góp phần làm cho bản sắc văn hóa địa phương được củng cố, giữ gìn, phát huy bền vững qua thời gian. Đặc biệt việc khôi phục và tổ chức thành công lễ hội là một hướng khai thác văn hóa có tiềm năng lớn nhất, bởi dịp lễ hội là lúc khách thập phương tụ tập về đây rất đông, nếu biết khai thác tốt thì cơ hội cho cả lợi ích kinh tế và văn hóa đều có.

### **3.3. Giải pháp phát triển du lịch lễ hội**

#### **3.3.1. Quy hoạch không gian lễ hội**

Công tác quy hoạch không gian có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động của lễ hội. Vì vậy, cần xây dựng một quy hoạch tổng thể về không gian tổ chức lễ hội bao gồm khu vực hành lễ (khu vực trung tâm của lễ hội) và một số vùng phụ cận quanh di tích, khu vực tổ chức các trò chơi (hội), và các khu dịch vụ (trông giữ phương tiện vận chuyển, ăn uống, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ bổ sung khác). Địa phương nơi có lễ hội cần xây dựng quy hoạch tổng thể cho không gian lễ hội, bảo tồn và hoàn trả mặt bằng của di tích. Để thực hiện được điều này, trước hết địa phương cần huy động nguồn vốn từ chính nguồn thu từ lễ hội và do dân tự đóng góp cùng với sự hỗ trợ của tỉnh. Bên cạnh đó cũng cần mở rộng mặt bằng (trung tâm của lễ hội) theo sự phát triển về quy mô của lễ hội, tạo điều kiện cho các hoạt động của lễ hội được diễn ra hoàn chỉnh, đảm bảo cho việc lưu giữ đầy đủ các giá trị truyền thống, phong tục tập quán của địa phương, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và khách thập phương được quan sát và tham gia vào lễ hội một cách đầy đủ và có ý nghĩa nhất. Ngoài ra, cũng cần có quy hoạch mở rộng khu vực phụ cận nhằm

đáp ứng được số lượng người tham dự hội ngày càng đông. Hơn nữa để việc quy hoạch đạt hiệu quả cao, đảm bảo không gian cho lễ hội thì không thể tiến hành một cách đơn lẻ và độc lập mà phải được tiến hành đồng thời và kết hợp với các chương trình khác như chương trình phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, kiến trúc cảnh quan và đô thị của địa phương.

Mỗi di tích nói chung, lễ hội nói riêng nên có một sơ đồ cụ thể, rõ ràng để du khách tiện tham quan, tìm hiểu. Việc xây dựng sơ đồ có thể dưới hình thức tờ rơi, sách, bảng... hay tại đầu các trục đường vào lễ hội nên treo pano thông báo nội dung chương trình lễ hội và sơ đồ bố trí các địa điểm tổ chức các hoạt động của lễ hội. Tất cả nhằm tạo nên không gian lễ hội có tổ chức trật tự, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách thưởng thức tận hưởng các hoạt động văn hóa của lễ hội.

Thực tế cho thấy việc quy hoạch không gian lễ hội ở một số địa phương đã mang lại những kết quả tích cực như hoạt động lễ hội trong những ngày đầu xuân năm 2012 tại đền Sòng (Bím Sơn), mọi hoạt động đi lại, mua bán đồ lễ, gửi xe... đều diễn ra rất trật tự và thông suốt. Cảnh quan không gian di tích trong và ngoài khu vực nội tự được bảo đảm; vệ sinh môi trường phong quang sạch đẹp; trên các ban thờ không có hiện tượng giắt tiền lên trên mâm lễ, tay Phật... Ban quản lý lễ hội đền Sòng đã bố trí lực lượng hướng dẫn, phân luồng giao thông một cách chu đáo nên không xảy ra hiện tượng ùn tắc; lực lượng an ninh luôn túc trực, kịp thời nhắc nhở nhân dân và du khách đi lại theo đúng chỉ dẫn. Để tạo không gian thoáng đãng cho người đi lễ trong những ngày đầu xuân, ban quản lý đền nghiêm cấm các bản hội đăng ký làm lễ trong những ngày cao điểm. Tương tự như lễ hội đền Sòng, tại khu di tích đền Độc Cước, chùa Cô Tiên (Sầm Sơn), ban quản lý lễ hội cũng thực hiện khá nghiêm túc công điện của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động lễ hội. Theo đó, quy hoạch dịch vụ hàng quán ngăn nắp, trật tự hơn; công tác giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài khu vực nội tự cũng như cảnh quan, không gian di tích được tăng cường, an ninh trật tự được bảo đảm; việc đốt tiền vàng địa phủ đã có giảm; nạn rải tiền lẻ, giắt tiền giọt dầu lên mâm lễ vẫn còn



nhưng đã được hạn chế so với những năm trước. Đặc biệt, khu di tích Lam Kinh được tỉnh Thanh Hóa quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo, xây dựng và phân thành các khu chức năng như: khu chính điện là nơi hành lễ; khu dịch vụ ở phía đông nam (công trình bưu điện, hiệu sách, nhiếp ảnh, nhà nghỉ, cửa hàng, bãi đỗ xe...); khu công viên cây xanh (là khu vui chơi giải trí, tập kết, tổ chức lễ hội và là vùng cây xanh đệm chuyển tiếp không gian giữa di tích và khu du lịch). Có thể xem việc quy hoạch không gian lễ hội tại khu di tích Lam Kinh là một hình mẫu để quy hoạch không gian lễ hội tại các địa phương khác trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là với các lễ hội độc đáo và có qui mô lớn, thu hút nhiều đối tượng du khách về tham gia trải nghiệm.

### ***3.3.2. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch lễ hội***

Để phát triển du lịch lễ hội, chiến lược đa dạng hóa sản phẩm du lịch cũng cần được quan tâm, chú trọng. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch là một chiến lược phát triển phù hợp với nhu cầu của thị trường du lịch trong nước và quốc tế. Do đó, Thanh Hóa cần phải đa dạng hóa sản phẩm du lịch, không chỉ tổ chức các tour du lịch lễ hội đến các đình, chùa mà còn phải kết hợp thêm với những thế mạnh du lịch làng nghề, thưởng thức những làn điệu hò, dân ca, dân vũ... Kết hợp với lễ hội mở các cuộc triển lãm, gian hàng bán đồ lưu niệm, những sản phẩm độc đáo, đặc sản của địa phương, góp phần làm đa dạng hóa các sản phẩm, tour tuyến, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của du khách.

Cụ thể là các địa phương có lễ hội cần xây dựng các loại hình phục vụ mua sắm nhằm khai thác triệt để truyền thống từ các làng nghề, tạo sức hấp dẫn với du khách, các hàng lưu niệm làm từ làng nghề cần phải phù hợp với sở thích của khách du lịch và đặc biệt là khả năng chi trả của khách. Các dịch vụ bán đồ lưu niệm tại các lễ hội cần được mở rộng cả về đơn vị kinh doanh lẫn số lượng, chủng loại các mặt hàng, sản phẩm phải được thiết kế độc đáo, mang đặc trưng của vùng miền. Do vậy, để đạt được kết quả tốt nhất chính quyền địa phương cần tiến hành quy hoạch khu bán hàng lưu niệm (ngoài vành đai được bảo vệ); hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động bán hàng lưu niệm, chú ý tới các sản phẩm lưu niệm đặc thù của địa phương; đồng thời, xây dựng quy định riêng đối với dịch vụ và yêu cầu các tiêu chuẩn bán hàng nên thống nhất

về giá cả, niêm yết giá, thường xuyên kiểm tra việc kinh doanh của các dịch vụ này nhằm đảm bảo văn minh, trật tự, an toàn.

Bên cạnh đó, một cách để tăng nguồn thu chính đáng của địa phương là đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm hàng hóa từ nguồn ẩm thực để phục vụ khách du lịch. Cần nghiên cứu để khai thác những món đặc sản độc đáo, nổi tiếng của địa phương diễn ra lễ hội cũng như những vùng lân cận để tạo ra các mặt hàng sản phẩm phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại, chất lượng cao, có giá trị tạo sức thu hút và làm hài lòng khách như: nem chua Thanh Hóa, chè lam Phú Quảng, dê núi đá, gà đồi (huyện Vĩnh Lộc), bánh gai Tứ Trụ (huyện Thọ Xuân), các món chế biến từ hến làng Giàng (huyện Thiệu Hóa), bánh đa Cầu Bó (thành phố Thanh Hóa), mía đen Kim Tân (huyện Thạch Thành), hay các món hải sản: cua biển, ghẹ, sò huyết, tôm, mực, cá thu, cá tràu từ các huyện ven biển Sầm Sơn, Tĩnh Gia, Nga Sơn... Điều này vừa góp phần thỏa mãn nhu cầu ẩm thực của khách về dự lễ hội, vừa tạo được công ăn việc làm và nguồn thu nhập cho địa phương.

Ngoài ra, ban tổ chức lễ hội có thể tổ chức những chương trình biểu diễn nghệ thuật bao gồm các làn điệu hò, dân ca sông Mã, dân ca dân vũ Đông Anh (Đông Sơn) do chính cộng đồng dân cư địa phương biểu diễn. Đây cũng là một sản phẩm văn hóa phi vật thể mang bản sắc riêng có của người dân xứ Thanh. Hoặc cũng có thể tổ chức các trò chơi dân gian như ném còn, bắn nỏ, quay vòng, đi cầu thùm, bắt vịt, bịt mắt bắt dê, đập niêu... tạo điều kiện cho du khách khi dự hội có thể tự mình tham gia vào các trò chơi, góp phần làm phong phú thêm chương trình lễ hội, tạo sức lôi cuốn đối với khách du lịch. Tuy nhiên việc chọn lựa đưa thêm vào lễ hội những nội dung này cũng cần được nghiên cứu chu đáo, để phân hội và phân lễ có thể hài hòa, tương thích với nhau.

Ngoài ra việc đa dạng hóa các sản phẩm làm quà lưu niệm, tạo ra nhiều sản phẩm đặc trưng cũng là một chiến lược quan trọng góp phần xây dựng thương hiệu Du lịch Thanh Hóa. Các biện pháp có thể thực thi là: tổ chức cuộc thi sáng tác mẫu sản phẩm hàng lưu niệm mang bản sắc của xứ Thanh; các mặt hàng lưu niệm, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, các loại hình hàng hóa cần phải

đa dạng hơn, không chỉ phong phú về số lượng mà còn phải đảm bảo chất lượng tốt. Vào tháng 6/2012, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa sẽ phát động rộng rãi trên toàn quốc cuộc thi “Thiết kế mẫu quà tặng lưu niệm mang hình ảnh Du lịch Thanh Hóa”. Du khách khi ghé thăm, tham gia các lễ hội vừa có thể ngắm cảnh, tham gia vào các trò chơi trong hội, vừa có thể kết hợp với mua sắm hàng hóa, từ đó thời gian lưu trú của khách du lịch có thể kéo dài hơn.

### ***3.3.3. Kết nối các lễ hội với các tuyến điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa***

Thanh Hóa là tỉnh có tiềm năng về du lịch. Hiện tại, tỉnh Thanh Hóa xác định đưa du lịch thành ngành kinh tế quan trọng. Tỉnh đã thực hiện quy hoạch hạ tầng, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch. Cùng với chính sách phát triển du lịch, tỉnh nên kết hợp giữa du lịch lễ hội với các địa điểm du lịch khác trên địa bàn tỉnh để hình thành những tour du lịch hấp dẫn du khách. Mặt khác, để khắc phục tính mùa vụ trong du lịch lễ hội cần phải có sự kết hợp giữa loại hình du lịch văn hóa tâm linh với các loại hình du lịch khác như: du lịch biển, du lịch thăm quan các di tích lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái...

Dưới đây là một số tuyến du lịch có thể kết hợp để khai thác lễ hội của tỉnh Thanh Hóa.

*Tuyến 1: Thành phố Thanh Hóa - lễ hội Lam Kinh - khu di tích Lam Kinh (1 ngày).*

Từ thành phố Thanh Hóa, du khách sẽ đến với lễ hội Lam Kinh, hòa chung vào không khí hào hùng một thời của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, tỏ lòng thành kính đối với anh hùng dân tộc Lê Lợi.

Sau khi được trở về nguồn trong không gian của lễ hội Lam Kinh, du khách sẽ được đến thăm khu di tích Lam Kinh để tìm hiểu rõ hơn về vùng đất Tây Kinh xưa kia, nơi phát tích của Nhà Lê, nơi hiện còn lưu giữ nhiều lăng tẩm, bia mộ của các vua và hoàng hậu, nơi bảo tồn và phần giữ gìn nét văn hóa truyền thống, kiến trúc độc đáo của Việt Nam thế kỷ thứ 15... Tại khu di tích Lam Kinh, du khách có thể liên hệ tổ chức buổi tiệc ngoài trời trong khuôn viên khu di tích, đây là thời gian để mọi người vui chơi, về với thiên nhiên. Tour có mang tính chất kết hợp giữa tâm linh và giải trí.

*Tuyến 2: Thành phố Thanh Hóa - thành nhà Hồ - lễ hội Cầu Ngư - khu du lịch Sầm Sơn (3 ngày 2 đêm).*

Xuất phát từ thành phố Thanh Hóa, du khách sẽ đến thăm di tích thành nhà Hồ nằm ở phía tây huyện Vĩnh Lộc, một thành cổ được xây dựng bằng đá duy nhất ở Việt Nam. Thành Nhà Hồ là một công trình kiến trúc kỳ vĩ và việc kiến tạo nên công trình này là một kỳ tích của ông cha ta. Thành được xây dựng trên bình đồ kiến trúc gần vuông, bên ngoài mặt thành ghép bằng những khối đá xanh vuông, có trọng lượng từ 10 - 20 tấn được ghép với nhau một cách tự nhiên, hoàn toàn không có bất cứ một chất kết dính nào. Di tích Thành Nhà Hồ đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào ngày 27/6/2011 tại Paris (Pháp), đây là một danh lam thắng cảnh, một điểm du lịch đẹp đang hấp dẫn khách du lịch tới tham quan.

Tiếp đó, đoàn sẽ đến với lễ hội Cầu Ngư. Đây là lễ hội mang đậm nét văn hóa truyền thống của bà con ngư dân ở xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, mong mưa thuận gió hòa để ngư dân ra khơi đánh bắt được nhiều tôm, cá, hải sản...; đồng thời thể hiện lòng tôn kính đối với những người đã tạo dựng nên nghề chài lưới, mang lại ấm no, hạnh phúc cho bà con ngư dân. Lễ hội Cầu ngư là lễ hội đặc sắc nhất của ngư dân vùng biển xứ Thanh, nhằm tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng dân gian của ngư dân. Đến với lễ hội Cầu Ngư, du khách sẽ cùng với nhân dân địa phương thấp nén hương tri ân, cầu mong những điều tốt đẹp và thưởng thức những trò chơi dân gian đặc sắc.

Kết thúc chuyến tham quan, du khách sẽ được thỏa sức vùng vẫy trong màu nước xanh mát của biển Sầm Sơn, thưởng thức những dịch vụ tại khu du lịch này. Bãi biển Sầm Sơn chạy dài gần 6km từ cửa Lạch Hói đến chân núi Trường Lệ. Bãi cát thoai thoải, sóng êm, nước trong xanh và nồng độ muối vừa phải rất phù hợp với sức khỏe con người. Ngoài bãi tắm đẹp, thiên nhiên còn phú cho Sầm Sơn nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng và lung linh sắc màu huyền thoại. Đó là dãy núi Trường Lệ chạy dài theo mép nước bốn mùa thông reo, là hòn Trống Mái lãng mạn tình tứ, là đền Độc Cước, chùa Cô Tiên uy nghi cổ kính; là Vọng Hải đài - nơi du khách có thể ngắm cả một vùng trời nước

mênh mông. Phía Nam dãy núi Trường Lệ còn có một bãi tắm rất đẹp, cảnh quan môi trường còn rất nguyên sơ, nơi đây hứa hẹn một khu du lịch nghỉ dưỡng hiện đại trong tương lai.

*Tuyến 3: Thành phố Thanh Hóa - lễ hội Xuân Phả - suối cá thần ở Cẩm Lương - quần thể danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử Hàm Rồng (2 ngày 1 đêm).*

Trong tuyến du lịch này, du khách sẽ được thưởng thức những màn múa đặc sắc trong lễ hội Xuân Phả thuộc huyện Thọ Xuân, được thấy tận mắt trò Xuân Phả - niềm tự hào của người làng Xuân Phả nói riêng và của người dân xứ Thanh nói chung, là vốn văn hóa nghệ thuật riêng mà cha ông đã truyền lại cho người Xuân Phả từ đời này qua đời khác. Nó đã đi sâu vào đời sống tinh thần thiêng liêng của họ. Vì vậy, ai đã từng một lần tham dự hội làng Xuân Phả hẳn sẽ thấy được sức sống mãnh liệt của một trong những nét truyền thống văn hóa tốt đẹp của làng Xuân Phả. Mỗi khi mùa xuân đến, mọi người lại nhớ về lễ hội Xuân Phả để hòa mình vào không khí trang nghiêm của nghi lễ, nhộn nhịp của tích trò, để hóa thân trong các cảnh tượng tái hiện lịch sử mà hãnh diện, tự hào.

Điểm đến tiếp theo là suối cá thần thuộc xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy để du khách được thư giãn, ngắm những đàn cá bơi lội và thưởng thức những món ăn truyền thống của người dân nơi đây như: bắp nướng, cơm lam... và mua những món quà lưu niệm.

Trở về với thành phố Thanh Hóa, du khách sẽ được đến thăm quần thể danh lam thắng cảnh - di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng mà tương lai không xa sẽ trở thành khu du lịch văn hóa có tầm cỡ quốc gia. Những đồi thông ngút ngàn đan xen những thung lũng thơ mộng, bao quanh là dãy núi hình 9 khúc rồng nhấp nhô uốn lượn theo dòng sông Mã. Động Long Quang trên núi đầu Rồng là nơi mà du khách có thể thả sức ngắm nhìn toàn cảnh sơn thủy hữu tình độc đáo. Động Tiên Sơn nằm ở núi Rồng là nơi lưu giữ những kiệt tác của tạo hóa. Không những thế, giờ đây Hàm rồng còn là một bảo tàng lịch sử văn hóa đồ sộ. Mỗi ngọn núi, dòng sông, tác đất, cây cầu đều trở thành một hiện vật sống ghi lại những chiến công hiển hách của quân và dân Hàm Rồng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hàm Rồng vẫn đứng vững hiên ngang, tượng trưng cho tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam.

*Tuyến 4: Thành phố Thanh Hóa - lễ hội đền Sòng - khu di tích đền Sòng Sơn (2 ngày 1 đêm).*

Lễ hội đền Sòng thuộc thị xã Bỉm Sơn là điểm đến đầu tiên của chuyến du lịch. Lễ hội được tổ chức để tưởng nhớ bà Chúa Liễu Hạnh - một trong Tứ bất tử của người Việt Nam từ xa xưa, du khách sẽ được hòa vào dòng người từ khắp nơi đổ về đền hội để cầu tự, tham dự hầu bóng với mong muốn thánh Mẫu ban cho những điều tốt đẹp. Có thể nói lễ hội đền Sòng là lễ hội văn hóa tâm linh lớn vào bậc nhất ở xứ Thanh.

Khi đến với đền Sòng, du khách sẽ được tận mắt chứng kiến toàn cảnh khu đền như tạo thành một bức tranh thiên nhiên lưỡng long ngâm thủy tuyệt đẹp. Cách đền Sòng 1km về phía đông, du khách sau khi vãn cảnh dâng hương đền Sòng bao giờ cũng cũng đến dâng hương vãn cảnh đền Chín Giếng. Đền Chín Giếng là một công trình nằm trong quần thể của di tích đền Sòng Sơn, là nơi thờ Cô Chín, một trong những thị nữ của Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Du khách sau khi dâng hương Đền Sòng - đền Chín Giếng sẽ có dịp đi theo con đường thiên lý để đến với cảnh đẹp của Đèo Ba Dội là di tích lịch sử danh thắng Quốc gia gắn liền với huyền thoại Thánh mẫu Liễu Hạnh, gắn với sự hiện diện của các bậc quân vương triều Nguyễn và các danh nhân văn hóa như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương. Đứng trên đỉnh đèo, nơi phân giới giữa hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình, ở độ cao 110m, du khách được chiêm ngưỡng cảnh sắc núi non tầng tầng được mây trời ôm ấp, cỏ cây hoa lá đua chen. Vào những ngày trời quang mây tạnh đứng trên đỉnh đèo, du khách có thể nhìn thấy cả biển khơi xa. Nếu phóng tầm mắt về phía đông bắc, khách du lịch sẽ ngỡ ngàng đến sửng sốt trước một vùng hồ Cánh Chim với mặt nước mênh mang nằm giữa 4 ngọn núi với một hệ thực vật, động vật phong phú - đây là một danh thắng được xếp hạng cấp Quốc gia. Đứng trên cao nhìn xuống, cả mặt hồ như dáng hình một con chim đại bàng tung cánh bay cao, lay thức trong mỗi du khách một khát vọng bay cao, vươn tới. Cảnh quan hồ Cánh Chim là một tiềm năng to lớn cho loại hình du lịch sinh thái của Bỉm Sơn và Thanh Hóa.

Đây là tour du lịch có sự kết hợp giữa du lịch lễ hội với tham quan các di tích lịch sử văn hóa và du lịch sinh thái.

Trên đây là một số tour du lịch có thể sử dụng phục vụ du khách. Sự kết hợp các lễ hội với các loại hình du lịch khác không những khắc phục được tính mùa vụ trong du lịch mà còn tạo ra những sản phẩm, những tour du lịch độc đáo và hấp dẫn, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên khi xây dựng một tour còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, vì vậy nếu được quan tâm và đầu tư thì sẽ xây dựng được những tour đạt kết quả tốt, góp phần phát triển du lịch lễ hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

### **Tiểu kết chương 3**

Trong chương 3 đã trình bày các vấn đề như thực trạng khai thác lễ hội hiện nay ở Thanh Hóa, từ đó đưa ra một số giải pháp, đề xuất để việc khai thác các lễ hội ở Thanh Hóa phát triển một cách bền vững trong hoạt động du lịch. Những giải pháp trên có thể phát huy tính tích cực nhất, hiệu quả nhất nếu được áp dụng đồng bộ và phối hợp nhịp nhàng. Để làm được điều này cần có sự kết hợp chặt chẽ và thống nhất giữa các ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương .

Để đảm bảo cho các lễ hội thực sự có ý nghĩa, vui tươi và lành mạnh, các cấp các ngành chức năng cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế tổ chức lễ hội do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. Theo đó, phần lễ phải thể hiện được tinh hoa, ý nghĩa, bản sắc, tạo được không khí thiêng liêng, trang trọng, loại bỏ các hủ tục phiến hà; phần hội cần có thêm nhiều trò chơi giải trí lành mạnh, các hoạt động văn hóa, thể thao mang tính giáo dục, thẩm mỹ cao. Cuối cùng, ban tổ chức các lễ hội cần xây dựng được các phương án bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự và giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan trong suốt thời gian lễ hội diễn ra. Tổ chức và quản lý tốt các lễ hội trên địa bàn tỉnh là việc làm thiết thực để bảo vệ và phát huy giá trị truyền thống của các lễ hội. Đó cũng là hoạt động có ý nghĩa trong công tác giáo dục truyền thống, giúp cho các thế hệ hôm nay và mai sau tự hào về quê hương, đất nước và luôn biết hướng về cội nguồn.

## KẾT LUẬN

Trong tất cả các loại hình văn hóa thì lễ hội là một sinh hoạt tổng hợp bao gồm các mặt tinh thần và vật chất, tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa và nghệ thuật, linh thiêng và đời thường... Ngoài ra, lễ hội còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc biệt, có sức hấp dẫn và lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội, trở thành một nhu cầu, một món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của con người. Đó là loại hình văn hóa phi vật thể nhằm cố kết cộng đồng gắn bó chặt chẽ, thể hiện những khát khao vươn lên trong đời sống được giữ gìn từ đời này sang đời khác. Đồng thời, lễ hội cũng là một sinh hoạt văn hóa nghệ thuật mà trong đó vừa thể hiện sự nghiêm trang, cẩn trọng trong các nghi lễ; vừa vui vẻ, hòa đồng trong các nghi thức hội hè. Trong thời điểm lễ hội, mọi người đều hướng về cái thiêng, cái thiện. Văn hóa lễ hội từ đây mà hình thành. Vì thế có thể nói lễ hội có một vị trí quan trọng trong cuộc sống văn hóa tinh thần của con người, là một sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong đời sống xã hội.

Lễ hội ở Thanh Hóa mang nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đó là các nghi thức cúng tế, những bài cúng, bài hát, những trò chơi dân gian như trò Ngũ quốc lân bang đồ tiến cống, ném còn, bắn nỏ, quay vòng, đi cầu thùm, bắt vịt, bịt mắt bắt dê, đập niêu... hay những đặc sản nổi tiếng như nem chua Thanh Hóa, bánh đa Cầu Bó, bưởi Luận Văn... Với bề dày lịch sử và sự phong phú, đa dạng trong đời sống văn hóa nên hàng năm trên địa bàn tỉnh Thanh có rất nhiều lễ hội được tổ chức, nội dung của các lễ hội thường là tôn vinh những nhân vật có công với dân, với nước (lễ hội Lam Kinh...) hoặc gắn với tín ngưỡng thờ Thành Hoàng, thờ Mẫu..., cầu thánh - thần - trời - đất phù hộ cho quốc thịnh dân an, cầu cho nhân dân gặp nhiều thuận lợi trong lao động sản xuất và may mắn, bình yên trong cuộc sống.

Thanh Hóa có hệ thống lễ hội phong phú và đa dạng, với 160 lễ hội truyền thống, 50 lễ hội liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo, các trò chơi, trò diễn dân gian, các làn điệu dân ca, dân vũ, sắc phong, văn bia, thần tích, phong tục tập quán, ngôn ngữ... còn lưu giữ được. Các lễ hội này là tiềm năng du lịch nhân văn phong



phú để tỉnh Thanh Hóa phát triển ngành công nghiệp không khói. Vì vậy, để ngành du lịch có thể phát triển mạnh trong thời gian tới thì lãnh đạo tỉnh cần có những chính sách phù hợp để khai thác mà không làm mất giá trị của lễ hội.

Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, nhu cầu hưởng thụ của con người không ngừng nâng lên. Trong đó nhu cầu về du lịch ngày càng lớn và đa dạng hơn. Hoạt động du lịch đã chuyển từ chỗ ban đầu là nhằm thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi của con người, dần dần trở thành một bộ phận trong hoạt động không thể thiếu được của đời sống văn hóa tinh thần. Đối với du lịch văn hóa, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, trong đó có lễ hội là cơ sở quan trọng để hình thành những chương trình du lịch.

Từ những giá trị mà lễ hội mang trong nó, việc bảo tồn, tôn tạo giá trị lễ hội và đưa lễ hội vào khai thác phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là việc làm cần thiết, cần có sự quan tâm và đầu tư của lãnh đạo các cấp, của các doanh nghiệp cả trong và ngoài tỉnh. Nếu lễ hội nơi đây có được sự quan tâm đúng mức thì hoạt động du lịch của Thanh Hóa sẽ phát triển hơn, xứng tầm với tiềm năng du lịch của tỉnh. Từ đó góp phần làm nên diện mạo của Thanh Hóa không chỉ là một tỉnh giàu tiềm năng kinh tế, được thiên nhiên ưu đãi mà còn là một vùng đất hấp dẫn, kỳ thú, chứa đựng trong mình nhiều di sản văn hóa đặc sắc, là một điểm đến hấp dẫn trong bản đồ du lịch Việt Nam./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thế Bình, *Non nước Việt Nam*, NXB Hà Nội (2005)
2. ThS. Phạm Thị Hoàng Diệp, tập bài giảng *Phong tục tập quán lễ hội*
3. Đỗ Thị Thanh Nhân, *Dấu ấn vùng miền trong lễ hội xứ Thanh*, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, số 330 (2011)
4. Phạm Thị Thanh Quy, *Quản lý lễ hội cổ truyền hiện nay*, NXB Lao động (2009)
5. Dương Văn Sáu, *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, NXB Đại học văn hóa Hà Nội (2004)
6. Lê Văn Tạo, *Tiềm năng văn hóa du lịch ở xứ Thanh*, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, số 316 (2010)
7. Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội (1999)
8. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh (1997)
9. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục (1999)
10. Ngô Đức Thịnh, *Tiểu vùng văn hóa xứ Thanh*, Tạp chí văn hóa dân gian, số 1(91) (2004)
11. Nguyễn Hữu Thức, *Về phân loại lễ hội hiện nay*, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, số 304 (2009)
12. Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý du lịch*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh (1999)
13. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục (2006)
14. Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch du lịch*, NXB Giáo dục (2007)
15. <http://www.baothanhhoa.vn>
16. <http://svhttdl.thanhhoa.gov.vn>
17. <http://www.thongtindulichvietnam.com>
18. <http://vanban.chinhphu.vn>
19. <http://www.chinhphu.vn>
20. <http://vi.wikipedia.org>

21. <http://thanhhoacity.gov.vn>
22. <http://dulichxuthanh.com>
23. <http://qppl.thanhhoa.gov.vn>
24. <http://www.vietnamtourism.gov.vn>
25. <http://daomau.com>
26. <http://bimson.gov.vn>
27. <http://tuoitrethanhhoa.com>

**PHỤ LỤC 1**  
**NHỮNG LỄ HỘI CHÍNH Ở THANH HÓA**

<i>STT</i>	<i>Tên lễ hội</i>	<i>Địa chỉ (huyện)</i>	<i>Thời gian (âm lịch)</i>	<i>Nội dung lễ hội và nhân vật tôn thờ</i>
1	Lễ hội Lam Kinh	Thọ Xuân	21 - 23/8	Tưởng nhớ, tri ân người anh hùng dân tộc Lê Lợi cùng các vị vua và công thần của triều đại Nhà Hậu Lê
2	Lễ hội Bà Triệu	Hậu Lộc	20 - 23/2	Tưởng nhớ vị anh hùng Triệu Thị Trinh đã lãnh đạo nhân dân đứng lên chống lại ách đô hộ của nhà Ngô năm 248
3	Lễ hội Lê Hoàn	Thọ Xuân	7 - 9/3	Tưởng nhớ tới vua Lê Đại Hành đã lãnh đạo nhân dân ta đánh tan quân xâm lược nhà Tống năm 981
4	Lễ hội Quang Trung	Tĩnh Gia	5 - 7 tết	Tôn vinh chiến thắng của vua Quang Trung đại phá 29 vạn quân Thanh xâm lược năm 1799
5	Lễ hội bánh dày - bánh chưng	Sầm Sơn	11 - 13/5	Đây là lễ cầu cho mùa màng tươi tốt, nhân khang, vật thịnh, mưa thuận, gió hoà
6	Lễ hội Từ Thức	Nga Sơn	tháng 2	Lễ hội này gắn với truyền thuyết Từ Thức gặp Tiên

7	Lễ hội Mai An Tiêm	Nga Sơn	13 - 15/3	Tưởng nhớ, tri ân Mai An Tiêm, con vua Hùng (người tìm ra quả dưa đỏ)
8	Lễ hội Đền Hàn	Hà Trung	30/6 - 6/7	Thờ chúa Ngọc Thánh Mẫu hình thức tín ngưỡng của dân địa phương
9	Lễ hội Cửa Đát	Thường Xuân	từ tháng 1 đến tháng 3	Thờ danh nhân Cầm Bá Thước kết hợp với tín ngưỡng thờ Bà Chúa thượng ngàn
10	Hội làng Phú Khê	Hoàng Hóa	15 - 21/2	Thờ thành hoàng làng - hai bộ tướng thời Đinh là Chu Minh và Chu Tuấn, cầu chúc cho nhân khang vật thịnh
11	Hội làng Xuân Phả	Thọ Xuân	10 - 11/2	Lễ hội vừa để tỏ lòng thành kính đối với Thành hoàng làng, vừa biểu hiện truyền thống văn hóa của địa phương
12	Hội Đền Sòng	Bim Sơn	26/2	Thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, cầu xin Mẫu ban phúc
13	Lễ hội Phú Na	Như Thanh	từ 12/1 đến hết tháng ba	Tưởng nhớ công ơn Bà Triệu, cầu mong những điều may mắn trong năm
14	Lễ Hội Cầu Ngư	Hậu Lộc	22/2	Cầu mong trời yên biển lặng, thuận lợi cho mùa vụ đánh bắt cá trong năm

15	Lễ hội chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh và Làng văn hóa Duy Tinh	Hậu Lộc	8/2	Tôn vinh người có công với quê hương đất nước và dâng hương và văn cảnh ngôi chùa cổ, có trên một 1000 năm tuổi
16	Hội Chợ Bản	Yên Định	15/4	Hội vui xuân, hội chợ buôn bán trâu bò, nông cụ và sản phẩm nông nghiệp, mua bán lấy may
17	Hội Đèn Tép	Ngọc Lặc	21/8	Tưởng nhớ Lê Lai, người hy sinh tính mạng để cứu Lê Lợi
18	Hội Đèn Dương Sơn	Hoàng Hóa	4/1	Tưởng nhớ Lê Phụng Hiếu, danh tướng thời Lý
19	Hội Tắt Tác	Hậu Lộc	6/1	Tưởng nhớ ông tổ nghề rèn, nghề đúc tiền
20	Hội Phùng Cầu	Thiệu Hóa	6/11	Cúng Thành hoàng làng là Bà Trê- công chúa Phương có công giúp Lý Thánh Tông đánh giặc
21	Hội Vân Lệ	Thọ Xuân	25/11	Lễ tế, dâng hương Thành hoàng là hoàng tử Lý Nhật Quang và vợ là Quỳnh Nương, có công đánh giặc, âm phù giúp Trần Nhân Tông đánh quân Nguyên
22	Lễ hội Chùa Tiên	Nga Sơn	14 - 16/3	Lễ Phật, chiêm nghiệm những giáo lý, hướng tâm về với nhà Phật

## PHỤ LỤC 2



*Bản đồ du lịch tỉnh Thanh Hóa*

# PHỤ LỤC 3

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÁC LỄ HỘI

### 1. Lễ hội Lam Kinh



*Lễ rước kiệu*



*Màn biểu diễn trống đồng*





*Màn múa cờ*



*Hàng vạn người dân và du khách về dự lễ hội*

## *2. Lễ hội làng Xuân Phả*



*Trò Hoa Lang*



*Trò Ai Lao*





*Trò Tú Huấn*



*Trò Chiêm Thành*



*Trò Ngô Quốc*

### **3. Lễ hội Cầu Ngư**



*Các cụ già ở các làng cũng tiến dần về khu vực tế lễ*





*Long Kiệu được các thanh niên trai tráng trong xã rước về khu vực làm lễ*

#### ***4. Lễ hội đền Sòng***



*Rước bát hương Thánh Mẫu và ảnh Hoàng Đế Quang Trung ra lễ đài*



*Tiểu cảnh tái hiện hình ảnh Phật bà Quan Âm*



*Tiểu cảnh tái hiện hình ảnh Thánh Mẫu Liễu Hạnh*